**PHỤ LỤC 2**

**DANH MỤC NGÂN HÀNG TÊN ĐƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TỈNH SÓC TRĂNG**

**I. DANH TỪ CÓ Ý NGHĨA TIÊU BIỂU VỀ CHÍNH TRỊ, VĂN HÓA, XÃ HỘI**

- Độc lập: Độc lập là quyền bất khả xâm phạm của một đất nước, một quốc gia bởi chính người dân sinh sống ở đó, có nghĩa là có chủ quyền tối cao.

- Giải phóng: Giải phóng là làm cho được tự do, thoát khỏi địa vị nô lệ hoặc tình trạng bị áp bức, kiềm chế, ràng buộc; là thoát khỏi tình trạng bị nước ngoài nô dịch, chiếm đóng.

- Hòa bình: Hòa bình là trạng thái xã hội không có chiến tranh, không dùng vũ lực để giải quyết các tranh chấp trong quan hệ giữa các quốc gia, dân tộc, các nhóm chính trị xã hội. Hòa bình đối lập với chiến tranh.

- Thanh niên: Thanh niên là lực lượng to lớn, là nguồn lực dồi dào, mạnh mẽ thúc đẩy sự phát triển xã hội hiện tại và là người chủ tương lai của đất nước, là nguồn lực kế thừa quan trọng của Đảng cộng sản Việt Nam.

- Thống nhất: Sự kiện có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với đất nước và dân tộc ta, đánh dấu sự thắng lợi hoàn toàn của cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, cứu nước, giang sơn thu về một mối, cả nước cùng đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội (CNXH) theo con đường cách mạng mà Đảng và Bác Hồ đã lựa chọn cho toàn dân tộc.

- Tự do: Là trạng thái một dân tộc, một xã hội và các thành viên không bị cấm đoán, hạn chế vô lý trong các hoạt động chính trị - xã hội.

**II. Đối với địa danh TRONG TỈNH**

| **TT** | **Tên địa danh** | **Tóm tắt nội dung** |
| --- | --- | --- |
|  | Trà Nho - Vĩnh Châu | Trà Nho hay còn gọi là Trụi Nhua là tên gọi đầu tiên của vùng Vĩnh Châu ngày trước. Theo cách giải thích của người dân địa phương Trụi Nhua là mô đất (hay mũi đất) trồng cây nhàu. Đó là loài cây hoang dại thường mọc ở các vùng đất cát, lá to, trái còn non có màu xanh, khi trái già (chín) có màu trắng đục và nhìn thấy hạt bên trong. Người dân địa phương thường hái lá non chế biến ra những món ăn ngon, như: chuột (hoặc rắn, tép, thịt bò...) xào lá nhàu hoặc gói thịt bò nướng... Rễ, trái nhàu chín được dùng làm vị thuốc dân gian như ngâm rượu trị đau lưng, nhức mỏi rất hiệu nghiệm.  Tuy là vùng đất ven biển nhưng Vĩnh Châu đã sớm được những cư dân đầu tiên đặt chân đến nơi đây quan tâm khai phá để từng bước hình thành nên xóm làng trù phú. Năm 1780 trực thuộc vùng Ba Thắc của trấn Vĩnh Thanh. Năm 1835, Vĩnh Châu thuộc huyện Vĩnh Định, phủ Ba Xuyên, tỉnh An Giang. Năm 1867, Vĩnh Châu thuộc Tiểu khu Sóc Trăng. Năm 1899, Vĩnh Châu thuộc địa phận quận Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu. Năm 1904, quận Vĩnh Châu chính thức được thành lập, gồm 05 làng: Vĩnh Châu, Vĩnh Phước, Lai Hoà, Lạc Hoà và Khánh Hoà.  Vốn là vùng đất có một ví trí quan trọng về kinh tế, chính trị, quân sự của tỉnh nên Vĩnh Châu từng là mảnh đất hội tụ những người nông dân bền gan vững chí trong công cuộc khai hoang, phục hoá và trung dũng, kiên cường trong quá trình chống áp bức, chống giặc ngoại xâm. Chính ý chí kiên cường, bất khuất đó và truyền thống yêu nước của người dân Vĩnh Châu là cơ sở để sớm tiếp thu chủ nghĩa Mác Lênin tư tưởng Hồ Chí Minh đưa đến việc thành lập chi bộ Đảng ở Lạc Hoà, một trong những chi bộ ra đời đầu tiên của tỉnh Sóc Trăng. |
|  | Cổ Cò | Cổ Cò là một địa danh thuộc xã Ngọc Tố, huyện Mỹ Xuyên hiện nay, nơi đây là một dải đất ven sông lớn giáp với cửa Mỹ Thanh và có hình cong, dài giống như cổ con cò  Từ diện mạo địa hình này mà người dân ở đây đặt tên là Cổ Cò, một con vật hiền lành và luôn gắn liền với cuộc sống của người nông dân. Cổ Cò là một địa danh nổi tiếng trong Nam Kỳ Khởi Nghĩa năm 1940, lực lượng ta đã chiếm Nhà việc và giải tán Hội tề làng Hòa Tú; nơi đây, trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược trở thành chiến trường ác liệt giữa ta và địch, là nơi thể hiện ý chí cách mạng tiến công góp phần để xã Ngọc Tố là đơn vị Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân. Ngoài ra, Cổ Cò còn sản xuất bánh in Cổ Cò với thương hiệu nổi tiếng trong và ngoài tỉnh. Cổ Cò sau giải phóng đến nay là một trong những nơi phát triển kinh tế - xã hội bền vững và ngày càng thay da đổi thịt, là một trong những lá cờ đầu trên con đường xây dựng nông thôn mới cùng với quá trình hiện đại hóa nông thôn của tỉnh. |
|  | Cù Lao Dung | Thời kỳ triều đình nhà Nguyễn, Cù Lao Dung được gọi là Huỳnh Dung Châu (theo Di cảo của Trương Vĩnh Ký). Đến nay vẫn chưa có một cách giải thích nào thật đúng về ý nghĩa của tên gọi Huỳnh Dung Châu.  Cùng với tên gọi Huỳnh Dung Châu, xưa còn gọi là Cù Lao Vuông - tên gọi này được đặt theo cảm nhận về hình thể vị trí của một vùng đất mới vừa phát tích. Giả thuyết này cho rằng, trong tiến trình khai phá vùng đất mới, có một bộ phận cư dân từ miệt trên đi vào nội địa của vùng Ba Thắc bằng đường biển và đã dừng chân tại đây để bắt đầu cho công cuộc mưu sinh đầy gian khổ. Cù Lao Dung ngày trước chỉ có ba làng là An Thạnh Nhất, An Thạnh Nhì và An Thạnh Tam (ba địa danh này được ghi lại trong Di cảo của học giả Trương Vĩnh Ký), với ba cửa biển Định An, Trấn Di (nay là Trần Đề) và Ba Thắc. Qua hàng trăm năm bồi đắp, cửa biển Ba Thắc đã không còn lại một dấu tích nào. Trong thời kỳ ‘tẩu quốc”, vua Gia Long (lúc này gọi là Nguyễn Ánh) đã có một thời gian khá dài nương náu nơi đây và con rạch nơi nhà vua trú ngụ được đám tùy tùng gọi là rạch “Long Ẩn” vẫn còn tồn tại cho đến tận hôm nay.  Huyện Cù Lao Dung được thành lập theo Nghị định số 04/2002/NĐ-CP ngày 11-1-2002 của Chính phủ. |
|  | Trần Đề | Theo sử liệu, tên gọi đầu tiên của Trần Đề là Trấn Di được Chúa Nguyễn ghi trong địa bạ vào năm 1714 và cửa biển Trấn Di cũng hình thành trong khoảng thời gian này. Cửa sông Trấn Di sau đổi tên gọi là Trần Đề trong thời kỳ Pháp thuộc đến hôm nay.  Trần Đề là cửa sông lớn cuối cùng của dòng Cửu Long Giang hùng vĩ. Nơi đây có cảng Trần Đề nằm tại Vàm Kinh Ba (nay thuộc thị trấn Trần Đề, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng), là một khu phố mới, nhà cửa san sát, tàu xe tấp nập. Mỗi khi tàu về bến, cả khu vực cảng rộn rã tiếng người nói cười, nhộn nhịp người mua, kẻ bán. Còn những lúc biển động hoặc qua mùa đánh bắt, thuyền của ngư dân lại kéo vào đậu kín cả vàm sông...  Huyện Trần Đề được thành lập theo Nghị quyết số 64/NQ-CP ngày 23-12-2009 của Chính phủ và Căn cứ Quyết định số 03/QĐTC-CTUBND, ngày 07/01/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt cơ cấu tổ chức bộ máy cơ quan chuyên môn và đơn vị sự nghiệp trên địa bàn huyện Trần Đề chính thức đi vào hoạt động của một huyện mới. |
|  | Nhu Gia | Năm 1860, làng Nhu Gia được thành lập và cũng là một trong những làng thuộc quận Mỹ Xuyên được hình thành sớm nhất, đến năm 1904 chợ Nhu Gia được chính thức công nhận là chợ loại III (sánh ngang hàng với chợ Bố Thảo, Rạch Gòi, Tà Liêu...).  Làng Nhu Gia từ năm 1835 là nơi đặt huyện lỵ Phong Thạnh thuộc phủ Ba Xuyên. Nhu Gia chính thức thành lập làng vào năm Tự Đức thứ 13 năm 1860.  Theo nhiều truyền thuyết dân gian khác nhau đồng thời qua khảo sát thực tế, kết hợp với nhiều ý kiến của các cụ cao niên nơi đây đều khẳng định địa danh Nhu Gia được hình thành từ Ompu Yea (nhánh bần gie). |
|  | Hồ Đắc Kiện | Để thực hiện kế hoạch chặn đánh các cuộc hành quân nhằm phân tán lực lượng địch và tiếp tục mở rộng các khu vực hành lang kháng chiến, tháng 7-1947, đồng chí Huỳnh Phan Hộ - Khu Bộ trưởng Khu 9 trực tiếp chỉ huy lên kế hoạch chặn đánh địch đang tổ chức hành quân từ khu vực Sóc Trăng về Cần Thơ. Chi đội 123 do đồng chí Hồ Đắc Kiện làm Chính trị viên được giao nhiệm vụ là đội chủ công mũi nhọn tấn công địch. Thực hiện chỉ thị của Khu Bộ trưởng, đồng chí Hồ Đắc Kiện cho ém quân ven Lộ 4 (nay là Quốc lộ 1) thuộc khu vực Thuận Hòa - An Trạch. Sau hơn 3 giờ quần thảo, với sự mưu trí, lòng dũng cảm của chiến sĩ Chi đội 123 buộc địch phải rút chạy về thị xã Sóc Trăng, bỏ lại nhiều khí tài và binh lính thương vong. Trong trận này, đồng chí Hồ Đắc Kiện hy sinh khi tuổi đời vừa 28.  Nhân dân Thuận Hòa (lúc bấy giờ) đề nghị lấy tên đồng chí Hồ Đắc Kiện đặt tên cho xã mới tách ra từ xã Thuận Hòa, thuộc huyện Châu Thành (Mỹ Tú).  Như vậy, Hồ Đắc Kiện là địa danh được đặt theo tên nhân vật lịch sử có công đối với địa phương trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp. Năm 2009, xã Hồ Đắc Kiện thuộc về huyện Châu Thành. |
|  | Phú Lộc | Phú Lộc, nằm ở phía nam của tỉnh, là cửa ngõ đường bộ quan trọng đi từ khu vực của hai tỉnh Cà Mau - Bạc Liêu vào trung tâm tỉnh lỵ. Là vùng đất có vị trí nằm ven kênh Quản Lộ - Phụng Hiệp nên Phú Lộc hội tụ nhiều điều kiện thuận lợi cho công cuộc khai hoang, lập nghiệp.  Đến năm 1907, chính quyền thực dân tiến hành thống kê lại ruộng đất, thành lập địa bạ và sơ khởi hình thành địa giới hành chính. Tại Phú Lộc, ngoài cư dân sống tại chỗ rất ít và thưa thớt, mãi đến những thập kỷ nửa cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX mới có từng đợt cư dân ở nơi khác bắt đầu đến định cư nơi đây để sinh cơ lập nghiệp. Họ tìm những nơi có mặt đất cao ráo để dựng lều, cất chòi tạm bợ, bắt đầu cho cuộc khai phá gian khổ, xây dựng cuộc sống mới. |
|  | Ngã Năm | Đây là địa danh rất quen thuộc của giới thương hồ Nam Kỳ lục tỉnh, có thể sánh ngang hàng với chợ nổi Cái Răng. Chợ nổi Ngã Năm nằm tại thị trấn Ngã Năm, huyện Ngã Năm (nay là thị xã Ngã Năm) tỉnh Sóc Trăng, là giao điểm của năm con sông chảy đi năm ngả: Cà Mau lên, Vĩnh Quới vào, Long Mỹ, Thạnh Trị qua, Phụng Hiệp xuống. Đây là một trong những chợ nổi có từ lâu và nhộn nhịp ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Ghe, tàu từ các nơi đến đây để mua bán, trao đổi đủ loại hàng hóa  Vào những ngày giáp Tết Nguyên Đán, cảnh chợ càng nhộn nhịp, náo nhiệt hơn. Từ sáng sớm, chợ nổi đã hoạt động, khu vực trung tâm của chợ nổi có đến hàng trăm ghe, tàu đủ loại đậu san sát nhau. Đứng trên bờ nhìn xuống, chợ nổi lung linh với đủ loại màu sắc của ánh đèn. Hàng hóa ở chợ nổi phong phú, đáp ứng cơ bản nhu cầu mua sắm của người dân. Chợ nổi Ngã Năm vẫn giữ được nét sinh hoạt đặc trưng văn hóa của chợ nổi khu vực Đồng bằng sông Cửu Long. Đây là một trong những địa chỉ du lịch hấp dẫn du khách trong và ngoài nước. |
|  | Huỳnh Hữu Nghĩa | Vào tháng 1-1947 địch điều 3 tiểu đội từ hướng Búng Tàu dọc theo láng Bồn Bồn và Tân Phước nhanh chóng tiến sâu vào địa bàn xã Mỹ Tú với ý đồ đánh chụp vào khu căn cứ Tỉnh ủy. Nắm được ý đồ của địch, đồng chí Trung đội trưởng Huỳnh Hữu Nghĩa chỉ huy các chiến sĩ tiến thẳng vào giữa đội hình địch và giao chiến với bọn chúng suốt một ngày. Trong thời gian giao chiến với địch, những chiến sĩ của ta đã được đồng bào, hội viên các tổ chức đoàn thể hết lòng giúp đỡ, tiếp tế chi viện từng chén cơm, ly nước và vận chuyển thương binh về nơi an toàn, chăm sóc chu đáo. Kết quả ta đã loại khỏi vòng chiến 2 tiểu đội tinh nhuệ của địch với khoảng trên 20 tên đền tội, thu 2 súng máy FM, 3 tiểu liên, hàng chục khẩu súng trường cùng nhiều đạn dược, bẻ gãy nhanh chóng cuộc hành quân càn quét của địch. Sau khi trận đánh kết thúc, đồng chí Trà Văn Tốt, Bí thư Huyện ủy chỉ đạo làm lễ truy điệu 9 đồng chí bộ đội chủ lực cùng với Trung đội trưởng Huỳnh Hữu Nghĩa đã anh dũng hy sinh.  Để tưởng nhớ tới tấm gương hy sinh của đồng chí Huỳnh Hữu Nghĩa, lãnh đạo huyện Châu Thành nhất trí lấy tên đồng chí đặt tên cho thị trấn Mỹ Tú. |
|  | Phú Nổ  (Phú Tâm) | Đây là tên gọi được “phiên” ra từ cách gọi của của người địa phương là Phno Rồka. Năm 1892, khi hạt Sóc Trăng đổi thành khu Sóc Trăng, thì làng Phú Nổ thuộc tổng Định Khánh. Ngoài tên gọi Phú Nổ vùng đất này có tên gọi “dân dã” hơn, mộc mạc hơn: Vũng Thơm. Vũng Thơm xuất phát từ cách gọi của người địa phương là Kompong Thom, có nghĩa là Bến Lớn.  Vào những năm 1930, chính quyền thực dân tiến hành chia tách hàng loạt các làng xã của tỉnh và thay đổi một số tên gọi của địa phương. Trong đó, Phú Nổ tách ra thành hai làng mới là Phú Nổ và Phước Tâm (nay là địa phận của xã Phú Tâm) thuộc quận Châu Thành, cho đến sau năm 1957, cả 2 làng Phú Nổ và Phước Tâm lại nhập thành một, lấy Phú Tâm làm tên gọi chính thức và trực thuộc quận Kế Sách. Sau năm 1975 Phú Tâm được trả về cho huyện Mỹ Tú. Khi huyện Châu Thành được thành lập (24-9-2008) và chính thức đi vào hoạt động đầu năm 2009, thì Phú Tâm thuộc huyện Châu Thành. |
|  | Vàm Tấn - Đại Ngãi | Vàm Tấn là tên gọi đầu tiên của làng Đại Ngãi xưa kia, được hình thành với Bãi Xàu, Sằng Ke, Ôi Lôi, Pùa Tháu... Nhưng do nằm ngay trên vùng đất “địa lợi” nên so với các vùng lân cận, Vàm Tấn có sức phát triển vượt trội hơn về nhiều mặt.  Từ năm 1867 trở về trước, Vàm Tấn được chọn làm nơi đặt phủ lỵ Ba Xuyên cho đến năm 1868 khi chính quyền thực dân thành lập khu thanh tra thì trụ sở phủ lỵ được chuyển về đặt tại làng Khánh Hưng (nay là trung tâm thành phố Sóc Trăng). Nhưng Vàm Tấn vốn là địa bàn có tầm chiến lược về kinh tế, quân sự nên chính quyền thực dân tiếp tục lập đồn trấn thủ, xây dựng Phòng Bưu điện, Đồn Thương chính, Sở Nấu rượu... biến Vàm Tấn là một trong những khu kinh tế sầm uất của tỉnh Sóc Trăng lúc bấy giờ. |
|  | Điện Biên Phủ | Nằm trong một thung lũng rộng giữa núi rừng Tây Bắc, tỉnh Lai Châu (nay thuộc tỉnh Điện Biên) nơi quân dân ta tiêu diệt tập đoàn cứ điểm của giặc Pháp kéo dài 55 ngày đêm (13-3 đến 7-5-1954), giành chiến thắng oanh liệt, quân địch phải đầu hàng. Đại thắng này đã buộc Pháp phải ký Hiệp định Giơnevơ lập lại hòa bình ở Đông Dương (20-7-1954), mở đường cho sự nghiệp giành độc lập của các nước thuộc địa.  Chiến thắng vang dội của quân và dân ta trong chiến dịch Điện Biên Phủ sẽ mãi sáng ngời trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc ta, là chiến thắng của tinh thần quyết chiến quyết thắng của quân đội nhân dân Việt Nam anh hùng. |
|  | Mỹ Phước | Làng Mỹ Phước được thành lập vào những năm 1880 thuộc tổng Thạnh An (tổng Thạnh An bao gồm 14 làng: Châu Hưng, Châu Thới, Đào Viên Tây, Gia Hòa, Hòa Tú, Lâm Kiết, Lịch Trà, Mỹ Phước, Mỹ Tú, Nhu Gia, Phú Giao, Phú Lộc, Tuân Tức, Xa Mau).  Trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, với địa thế sầm uất, rộng lớn, hiểm trở nên khu rừng tràm Mỹ Phước là căn cứ địa cách mạng. Đầu năm 1968, Tỉnh ủy chọn rừng tràm Mỹ Phước làm khu căn cứ Tỉnh ủy. Toàn khu căn cứ được triển khai rải rác ở khu vực rộng gần 100ha trong tổng diện tích rừng tràm gần 500ha. Căn cứ được bao bọc bởi hệ thống sông ngòi chằn chịt, cây cối um tùm. Là môi trường thích hợp cho các loài cá, tôm, cua, rùa, rắn, ong... sinh sôi nảy nở. Rừng tràm Mỹ Phước được Tỉnh ủy chọn làm căn cứ vì đây là đầu mối giao thông quan trọng giữa các vùng trong khu vực, giữa Khu 8 và Khu 9. Khu rừng lại nằm dọc dòng kênh xáng Mỹ Phước, phía đông - đông nam giáp với các xã Lâm Kiết, Tuân Tức của huyện Thạnh Trị, thuận tiện cho các phương tiện giao thông cả về đường thủy lẫn đường bộ.  Ngày nay, Mỹ Phước là đơn vị hành chính cấp xã thuộc huyện Mỹ Tú. |
|  | Kế Sách | Địa danh Kế Sách có nguồn gốc xuất phát từ cách gọi của người Khmer: Phno Khsăc (Giồng Cát), dần dần người dân địa phương nói trại ra thành Kế Sách.  Trước đây Kế Sách còn có tên gọi rất dân gian khác là Cái Sách. Ngày 1-1-1900, tỉnh Sóc Trăng được thành lập, Kế Sách là một quận của tỉnh Sóc Trăng. Năm 1957, quận Kế Sách được nhập về tỉnh Phong Dinh, nhưng đến năm 1958, Kế Sách lại cắt nhập về tỉnh Ba Xuyên như trước đây. Về phía chính quyền cách mạng, năm 1958 huyện Kế Sách được nhập về tỉnh Cần Thơ.  Từ tháng 5-1975 đến tháng 3-1991 huyện Kế Sách thuộc tỉnh Hậu Giang; tháng 4-1992 đến nay huyện Kế Sách thuộc tỉnh Sóc Trăng. |
|  | Sóc Trăng | Về địa danh Sóc Trăng thì có vài truyền thuyết:  1. Sóc Trăng là do tiếng Khmer đọc trại từ chữ “Srok Tréang” có nghĩa là “Bãi Sậy” vì ngày xưa đất Sóc Trăng có nhiều lau sậy hoang vu (Lê Hương).  2. Sóc Trăng phiên theo tiếng Khmer là “Srok Khleang” mà ra. “Srok” tức là xứ, là cõi; “Khleang” là kho, vựa, chỗ chứa bạc. Srok Khleang là xứ có kho chứa bạc của nhà vua. Phiên âm tiếng Việt là “Sốc Kha Lang”.  Năm 1867, thực dân Pháp đã chiếm đóng và tổ chức bộ máy hành chính cai trị trực tiếp tại Sóc Trăng. Chúng xây dựng trụ sở Hạt Tham Biện do tên Berteaux Levillain trực tiếp nắm quyền. Đây là tên Tỉnh trưởng đầu tiên của chính quyền thực dân tại Sóc Trăng. Sau một thời gian dài để bình ổn tình hình nổi dậy của người dân Sóc Trăng, năm 1904 thị tứ hạng I (tức là chợ loại I) được chính quyền thực dân công nhận là chợ Khánh Hưng (thuộc địa phận làng Khánh Hưng, quận Châu Thành, nay là chợ Sóc Trăng) và chợ Bãi Xàu (thuộc làng Mỹ Xuyên, nay là huyện Mỹ Xuyên).  Năm 1908, Tỉnh trưởng Maspéro cho đào tuyến kênh nối liền Sóc Trăng - Phụng Hiệp (còn gọi là kênh Maspéro). Đến năm 1911, cầu tàu lục tỉnh tại vàm Đại Ngãi ra đời nhằm phục vụ cho việc vận chuyển hàng hóa, hành khách giao thương với các tỉnh trong khu vực và cũng nhằm phục vụ cho chiến lược quân sự khống chế tuyến sông Ba Thắc (nay là sông Hậu). |
|  | Bãi Xàu | Là tên gọi đầu tiên của quận Mỹ Xuyên ngày nay, mặc dù địa danh Bãi Xàu không được thời trước đưa vào các văn bản hành chính nhưng tên gọi Bãi Xàu vẫn được sử dụng khá rộng rãi trong dân gian. Vào khoảng thế kỷ XVII - XVIII, nơi đây đã hình thành thương cảng Bãi Xàu (còn gọi là thương cảng Ba Thắc - Bassac) nức danh một thời |
|  | Ba Xuyên | Cách lý giải thứ nhất, cho rằng: Trong thời kỳ Gia Long ngự trị, tại khu vực này thường xuyên xảy ra loạn lạc do dân còn thưa thớt, lại thêm bọn cướp biển thường xuyên xâm nhập cướp phá. Đường bộ lúc này chưa thuận tiện trong việc đi lại, cho nên hầu hết các cuộc chuyển quân đến tảo thanh phiến loạn đều phải di chuyển bằng đường thủy. Từ sông Bassac (sông Ba Thắc, sông Hậu ngày nay) muốn đi vào nội địa Sóc Trăng đều phải đi vào cửa nhánh của sông Vàm Tấn (cửa sông này còn có các tên gọi như: Vàm Ba, Ba Xuyên hoặc kênh Saintard) nối liền với Bãi Xàu. Tuy chiều dài chỉ hơn 5km nhưng lại có nhiều khúc quanh rất hiểm trở. Những khúc quanh này thường thường là nơi hiểm địa, là những cứ điểm phòng ngự quan trọng của những cánh quân nổi loạn. Thế nhưng, do tài điều động di quân thần tốc, nên các cuộc tảo thanh hầu như không bị “phục kích” nào đáng kể, chính vì thế các võ tướng và quân binh đã đặt tên cho con sông này là Ba Xuyên, với ý nghĩa là “lướt sóng đi vào”. Đây là cách đặt tên theo lối chiết tự Hán - Việt: Ba là sóng, là nước; Xuyên là đi qua (với 3 nét xuôi).  Cách lý giải thứ hai, cho rằng: Tên Ba Xuyên xuất phát từ 3 cửa sông Bassac là cửa Trấn Di (Trần Đề ngày nay), cửa Định An và cửa Bassac. Ba cửa sông này chính là cửa ngõ đường biển đi vào địa phận Sóc Trăng xưa. Ba “cửa ải” này xưa kia thường thường có những sóng thần (Địa chấn - Triều cường) thỉnh thoảng xuất hiện làm cản trở các thuyền buôn qua lại, đòi hỏi những người cầm lái phải có nhiều kinh nghiệm biết cách lướt sóng (Ba), mới có thể đi sâu vào (Xuyên) nội địa, nên gọi là Ba Xuyên. Qua quá trình bồi đắp hàng trăm năm, ngày nay cửa sông Bassac đã không còn dấu tích mà chỉ còn lại hai cửa sông là cửa Trần Đề (Trấn Di) và cửa Định An. |

**III. TÊN CÁC DI TÍCH LỊCH SỬ, VĂN HÓA, DANH LAM THẮNG CẢNH ĐƯỢC CÔNG NHẬN**

**1. Di tích cấp Quốc gia: 08**

| **STT** | TÊN GỌI DI TÍCH | **QUYẾT ĐỊNH XẾP HẠNG** | | ĐỊA ĐIỂM DI TÍCH |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Số | **Ngày Cấp** |
| 01 | Di tích Kiến trúc nghệ thuật Chùa Kh’Leang | Số 84-QĐ | 27/4/1990 | Phường 6, thành phố. Sóc Trăng, Sóc Trăng |
| 02 | Di tích Lịch sử Căn cứ Tỉnh ủy Sóc Trăng | Số: 734-QĐ | 11/6/1992 | Ấp Phước An B, xã Mỹ Phước, Mỹ Tú, Sóc Trăng |
| 03 | Di tích Lịch sử Trường TaBerd – Nơi đón tiếp đoàn chính trị phạm từ Côn Đảo trở về ngày 23-9-1945 | Số: 734-QĐ | 11/6/1992 | Phường 6, thành phố Sóc Trăng, Sóc Trăng |
| 04 | Địa điểm lưu niệm khởi nghĩa Nam kỳ Đình Hòa Tú | Số: 734-QĐ | 11/6/1992 | Xã Hoà Tú 1, huyện Mỹ Xuyên, Sóc Trăng |
| 05 | Di tích nghệ thuật Chùa Dơi (Chùa WÀTHSÊRÂYTÊCHO MAHATUP) | Số: 05/1999-QĐ-BVHTT | 12/02/1999 | Phường 3, thành phố Sóc Trăng, Sóc Trăng |
| 06 | Di tích Lịch sử Đền thờ Bác Hồ | Số: 53/2001/QĐ-BVHTT | 28/12/2001 | Xã An Thạnh Đông, huyện Cù Lao Dung, Sóc Trăng |
| 07 | Di tích Lịch sử nơi thành lập chi bộ đảng đầu tiên tỉnh Sóc Trăng (Miếu bà chú xứ Mỹ Đông) | Số: 62/2003/ QĐ-BVHTT | 27/11/2003 | Ấp Mỹ Đông, xã Mỹ Quới, thị xã Ngã Năm, Sóc Trăng |
| 08 | Di tích Lịch sử Địa điểm Chiến thắng Chi Khu Ngã Năm | Số: 73/2004/QĐ-BVHTT | 23/8/2004 | Khóm 3, Phường 1, thị xã Ngã Năm, Sóc Trăng |

**2. Di tích cấp tỉnh: 43**

| **STT** | TÊN GỌI DI TÍCH | **QUYẾT ĐỊNH XẾP HẠNG** | | ĐỊA ĐIỂM DI TÍCH |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số** | **Ngày cấp** |
| 01. | Di tích lịch sử văn hóa Địa điểm chiến thắng Bố Thảo | Số: 655/QĐ.HC.04 | 12/5/2004 | Khóm 4, Phường 7, thành phố Sóc Trăng, Sóc Trăng |
| 02. | Di tích lịch sử văn hóa Chùa Quan Âm | Số: 655/QĐ.HC.04 | 12/5/2004 | Ấp Ngãi Hội 2, thị trấn Đại Ngãi, huyện Long Phú, Sóc Trăng |
| 03. | Di tích lịch sử văn hóa Đình Thần Nguyễn Trung Trực | Số: 655/QĐ.HC.04 | 12/5/2004 | Ấp 1, thị trấn Long Phú, huyện Long Phú, Sóc Trăng |
| 04. | Di tích lịch sử văn hóa Chùa Sêrây Crôsăng | Số: 655/QĐ.HC.04 | 12/5/2004 | Khóm Cà Săng, Phường 2, thị xã Vĩnh Châu, Sóc Trăng |
| 05. | Di tích lịch sử văn hóa Lưu niệm danh nhân Lương Định Của | Số: 655/QĐ.HC.04 | 12/5/2004 | Ấp Ngãi Hội 1, thị trấn Đại Ngãi, huyện Long Phú, Sóc Trăng |
| 06. | Di tích lịch sử văn hóa Miếu Thiên Hậu Thánh Mẫu (chùa Bà) | Số: 655/QĐ.HC.04 | 12/5/2004 | Khu 4, Phường 1, thị xã Vĩnh Châu, Sóc Trăng |
| 07. | Di tích lịch sử văn hóa Hoà An Hội Quán (Chùa Ông) | Số: 655/QĐ.HC.04 | 12/5/2004 | Khóm 1, Phường 1 thành phố Sóc Trăng, Sóc Trăng |
| 08. | Di tích Lịch sử văn hóa Đình Thần Mỹ Xuyên | Số: 655/QĐ.HC.04 | 12/5/2004 | Ấp Chợ Cũ, thị trấn Mỹ Xuyên, huyện Mỹ Xuyên, Sóc Trăng |
| 09. | Di tích lịch sử văn hóa Chùa Chruitimchas (Chùa Trà Tim) | Số: 655/QĐ.HC.04 | 12/5/2004 | Khóm Tâm Trung, Phường 10, thành phố Sóc Trăng, Sóc Trăng |
| 10. | Di tích lịch sử văn hóa Thánh Thất Minh Tiên (Cao đài Minh Chơn Đạo) | Số: 352/QĐHC-CTUBT | 15/03/2006 | Ấp Mỹ Tây B, xã Mỹ Quới, thị xã Ngã Năm, Sóc Trăng |
| 11. | Di tích lịch sử văn hóa Thanh Minh Cổ Miếu (Chùa Ông Bổn) | Số: 352/QĐHC-CTUBT | 15/03/2006 | Đường Nguyễn Huệ, Khóm 1, Phường 1, thị xã Vĩnh Châu, Sóc Trăng |
| 12. | Di tích lịch sử văn hóa Địa điểm Chiến Thắng Xẻo Me | Số: 352/QĐHC-CTUBT | 15/03/2006 | Khóm Xẻo Me, phường Vĩnh Phước, thị xã Vĩnh Châu, Sóc Trăng |
| 13. | Di tích lịch sử văn hóa Địa điểm Đồng Khởi Trà Teo | Số: 352/QĐHC-CTUBT | 15/03/2006 | Ấp Trà Teo, xã Hoà Đông, thị xã Vĩnh Châu, Sóc Trăng |
| 14. | Di tích lịch sử văn hóa Địa điểm Chiến thắng Chắc Tức - Bàu Còn | Số: 352/QĐHC-CTUBT | 15/03/2006 | Ấp Tân Lộc, xã Lâm Tân, huyện Thạnh Trị, Sóc Trăng |
| 15. | Di tích lịch sử văn hóa Địa điểm Mỹ- nguỵ thảm sát thường dân ở xã Vĩnh Lợi | Số: 352/QĐHC-CTUBT | 15/03/2006 | Ấp 17, xã Vĩnh Thành, huyện Thạnh Trị, Sóc Trăng |
| 16. | Di tích lịch sử văn hóa Lưu niệm anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam - Liệt Sĩ Thiều Văn Chỏi | Số: 352/QĐHC-CTUBT | 15/03/2006 | Ấp Bảy, xã Ba Trinh, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng |
| 17. | Di tích lịch sử văn hóa Địa điểm Mỹ ngụy thảm sát thường dân ở Vàm Cái Cao | Số: 352/QĐHC-CTUBT | 15/03/2006 | Ấp An Bình, thị trấn An Lạc Thôn, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng |
| 18. | Di tích lịch sử văn hóa Địa điểm thành lập Tiểu đoàn Phú Lợi | Số: 352/QĐHC-CTUBT | 15/03/2006 | Ấp Hoà Trung, xã Hoà Tú 1, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng |
| 19. | Di tích lịch sử văn hóa căn cứ Huyện uỷ Thạnh Trị - Ngã Năm | Số: 141/QĐHC-CTUBND | 01/02/2007 | Ấp Mỹ Đông, xã Mỹ Quới, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng |
| 20. | Di tích lịch sử văn hóa thắng cảnh cồn Mỹ Phước | Số: 141/QĐHC-CTUBND | 01/02/2007 | Ấp Mỹ Phước, xã Nhơn Mỹ, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. |
| 21. | Di tích lịch sử văn hóa địa điểm Chiến thắng Rạch Già | Số: 12/QĐTC-CTUBND | 10/01/2008 | Ấp Phước Hoà, thị trấn Cù Lao Dung, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng. |
| 22. | Di tích lịch sử văn hóa Chùa Ô Chum (Ô Chumaram Prêk Chêk) | Số: 12/QĐTC-CTUBND | 10/01/2008 | Ấp Vĩnh Thanh, xã Vĩnh Quới, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. |
| 23 | Di tích kiến trúc nghệ thuật Bửu Sơn Tự | Số: 563 /QĐTC-CTUBND | 10/12/2010 | Đường Tôn Đức Thắng, Khóm 1, Phường 5, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. |
| 24 | Di tích Lịch sử cách mạng Chùa Tầm Vu ( Prêk Om Pu) | Số: 372/QĐTC-CTUBND | 29/8/2012 | Ấp Hưng Thới, xã Thạnh Thới An, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. |
| 25 | Di tích Lịch sử cách mạng Đình thần Khánh Hoà | Số: 373/QĐTC-CTUBND | 29/8/2012 | Khóm Trà Niên, phường Khánh Hoà, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. |
| 26 | Di tích lịch sử văn hóa (kiến trúc nghệ thuật) Chùa Sro lôn (Chén Kiểu) | Số: 374/QĐTC-CTUBND | 29/8/2012 | Ấp Đại Thành, xã Đại Tâm, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng. |
| 27 | Di tích lịch sử văn hóa Chùa Pô Thi PhĐôk | Số 153/QĐ-UBND | 18/01/2016 | Ấp Kinh Giữa 1, xã Kế Thành, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng |
| 28 | Di tích lịch sử văn hóa Bia chứng tích chiến tranh ấp Giồng Chát | 2345/QĐ-UBND | 04/10/2016 | Ấp Giồng Chát, xã Liêu Tú, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng |
| 29 | Di tích lịch sử văn hóa Địa điểm chiến thắng An Hưng | 1951/QĐ-UBND | 10/8/2017 | Ấp An Hưng, xã An Thạnh 3, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng |
| 30 | Di tích lịch sử văn hóa Đình Rạch Giồng – Địa điểm thành lập Trường Đảng đầu tiên tỉnh Sóc Trăng | 1952/QĐ-UBND | 10/8/2017 | Ấp Phước Hòa B, thị trấn Cù Lao Dung, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng |
| 31 | Di tích lịch sử văn hóa Chùa Buôl Prés Phék | 1935/QĐ-UBND | 10/8/2017 | Ấp Phước Thuận, xã Phú Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng |
| 32 | Di tích lịch sử văn hóa Chùa Sêrey Phôthi Prứk Tà Ân | 1953/QĐ-UBND | 10/8/2017 | Ấp Tà Ân B, xã Thuận Hưng, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, |
| 33 | Di tích lịch sử văn hóa Phước Đức Cố Miếu (Chùa Ông Bổn) | 991/QĐ-UBND | 27/4/2018 | Ấp 1, thị trấn Phú Lộc, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng |
| 34 | Di tích lịch sử văn hóa Cổ Đình Thần Nguyễn trung Trực | 992/QĐ-UBND | 27/4/2018 | Ấp An Hưng, xã Long Đức, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng |
| 35 | Di tích lịch sử văn hóa Thiên Phước Cổ Tự (Chùa Giồng Đá) | 3233/QĐ-UBND | 07/12/2018 | Ấp Hòa Phú, xã Xuân Hòa, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng |
| 36 | Di tích lịch sử văn hóa Địa điểm thành lập Chi bộ Lạc Hòa – Tiền thân của Đảng bộ thị xã Vĩnh Châu | 3234/QĐ-UBND | 07/12/2018 | Ấp Huỳnh Kỳ, xã Vĩnh Hải, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. |
| 37 | Di tích lịch sử văn hóa Đình thần Nguyễn Trung Trực | 3467/QĐ-UBND | 03/12/2019 | Ấp Vĩnh B, xã Gia Hòa 1, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng |
| 38 | Di tích lịch sử văn hóa Địa điểm Pháo đài chiến thắng chi khu Ngã Năm | 2092/QĐ-UBND | 05/8/2020 | Đường Lạc Long Quân, Khóm 2, Phường 1, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng |
| 39 | Di tích lịch sử Đình Thạnh Thới An | 2093/QĐ-UBND | 05/8/2020 | Ấp Hưng Thới, xã Thạnh Thới An, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. |
| 40 | Di tích Kiến trúc nghệ thuật Ba Thắc Cổ Miếu (Chùa Ông Ba) | 2065/QĐ-UBND | 11/8/2021 | Ấp Chợ Cũ, thị trấn Mỹ Xuyên, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng. |
| 41 | Di tích lịch sử cách mạng Đình thần Nguyễn Trung Trực | 2064/QĐ-UBND | 11/8/2021 | Ấp An Khương, thị trấn Kế Sách, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. |
| 42 | Di tích lịch sử cách mạng Chùa Giác Hương | 2708/QĐ-UBND | 12/10/2022 | Đường Lạc Long Quân, Khóm 2, Phường 1, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.. |
| 43 | Di tích lịch sử cách mạng Nhà bia ghi danh liệt sỹ Giầy Lăng | 2709/QĐ-UBND | 12/10/2022 | Ấp Nguyễn Út, xã Hòa Đông, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. |

**IV. ĐỐI VỚI SỰ KIỆN**

**1. Tên phong trào cách mạng, sự kiện lịch sử, chiến thắng tiêu biểu của cả nước**

| **STT** | **Tên sự kiện** | **Tóm tắt nội dung sự kiện** |
| --- | --- | --- |
|  | 30 Tháng 4 | Ngày giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước: cuộc tổng tiến công và nổi dậy của quân và dân ta ở miền Nam đã diễn ra gần hai tháng vào mùa xuân 1975 với ba chiến dịch lớn là: chiến dịch Tây Nguyên, chiến dịch Huế - Đà Nẵng và chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử. 11 giờ 30 phút ngày 30/4/1975, lá cờ cách mạng đã tung bay trên nóc Phủ Tổng thống chính quyền Sài Gòn, báo hiệu sự toàn thắng trong chiến dịch Hồ Chí Minh và cũng là thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta. |
|  | 19 Tháng 5 | Là ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh năm 1890 tại xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Lúc nhỏ, có tên là Nguyễn Sinh Cung, khi hoạt động cách mạng lấy tên Nguyễn Ái Quốc và nhiều bí danh khác, sau Tổng khởi nghĩa, Cách mạng tháng Tám thành công, Người ra làm Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa mới lấy tên Hồ Chí Minh. |
|  | Bạch Đằng | Bạch Đằng chính gốc là tên gọi của một con sông, nơi diễn ra nhiều trận đánh với chiến thắng vô cùng hiển hách của dân tộc Việt Nam. Sông Bạch Đằng còn gọi là Bạch Đằng Giang là con sông chảy giữa hai huyện Yên Hưng (Quảng Ninh) và Thủy Nguyên (Hải Phòng), cách vịnh Hạ Long, cửa Lục khoảng 40 km. Nó nằm trong hệ thống sông Thái Bình. Sông Bạch Đằng nổi tiếng với 03 chiến công của dân tộc Việt Nam, đó là:  Năm 938: cuộc kháng chiến chống quân Nam Hán của Ngô Quyền.  Năm 981: cuộc kháng chiến chống quân Tống của Lê Hoàn.  Năm 1288: cuộc thủy chiến của Trần Hưng Đạo chống quân Nguyên (trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên lần thứ ba). |
|  | Đồng Khởi | Là phong trào nổi dậy khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân bằng con đường đấu tranh chính trị là chủ yếu, kết hợp với đấu trang vũ trang. Lúc đầu phong trào nổ ra lẻ tẻ ở Vĩnh Thạnh (Bình Định), Bác Ái (Ninh Thuận) tháng 2/1959, ở Trà Bồng (Quảng Ngãi) tháng 8/1959, sau đó lan ra khắp miền Nam thành phong trào cách mạng, quần chúng nổi dậy phá thế kìm kẹp của địch, làm tan rã từng mảng hệ thống ngụy quyền. Trong phong trào này, thì cuộc Đồng Khởi ở tỉnh Bến Tre là tiêu biểu nhất, nó đã ghi vào lịch sử cách mạng miền Nam như một chiến thắng có ý nghĩa chiến lược.  Phong trào Đồng Khởi là một đòn giáng mạnh, bất ngờ vào tập đoàn thống trị Mỹ – Diệm; đồng thời đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của cách mạng miền Nam, chuyển cách mạng từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công mạnh mẽ liên tục, phát triển cao trào cách mạng ra khắp miền Nam. |
|  | Cách mạng  tháng Tám | Cách mạng tháng Tám (ngày 19/8/1945) là cuộc cách mạng thắng lợi vẻ vang của dân tộc Việt Nam, đập tan xích xiềng nô lệ của thực dân Pháp kéo dài hơn 80 năm và của phát xít Nhật, đồng thời lật nhào chế độ quân chủ chuyên chế tồn tại ngót ngàn năm; lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, Nhà nước do nhân dân lao động làm chủ. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám đánh dấu bước phát triển nhảy vọt trong lịch sử của dân tộc Việt Nam, mở ra kỷ nguyên mới của lịch sử dân tộc, kỷ nguyên độc lập tự do và xây dựng chế độ xã hội mới. |
|  | Mậu Thân | Là cuộc tổng tiến công và nổi dậy vào dịp Tết Mậu Thân năm 1968 của quân giải phóng miền Nam trên hầu hết lãnh thổ của Việt Nam Cộng hòa. Đây là một sự kiện gây chấn động lớn trên thế giới, có vai trò hết sức to lớn trong chiến tranh Việt Nam; buộc Hoa Kỳ phải xuống thang chiến tranh, đi vào đàm phán. |

**2.** **Tên phong trào cách mạng, sự kiện lịch sử, chiến thắng tiêu biểu tại tỉnh Sóc Trăng**

| **STT** | **Tên sự kiện** | **Tóm tắt nội dung sự kiện** |
| --- | --- | --- |
|  | 23 Tháng 9 | Chỉ 21 ngày sau khi nước Việt Nam chính thức công bố quyền độc lập và thiết lập chính thể dân chủ cộng hòa, thực dân Pháp nhờ đế quốc Anh đồng lõa và ra sức giúp đỡ đã nổ súng xâm lược Nam Bộ.  Ngày 23/9/1945, Xứ ủy và Ủy ban Nhân dân Nam Bộ đã họp cấp tốc ở phố Cây Mai (Chợ Lớn) để bàn việc thực hiện chủ trương kháng chiến của Trung ương Đảng. Hội nghị phân tích những âm mưu và hành động xâm lược của thực dân Pháp, thái độ đồng lõa của đế quốc Anh, và phát động toàn dân triệt để tổng đình công, bãi công, bãi chợ, không hợp tác với giặc Pháp; phát động cuộc chiến tranh du kích rộng khắp, bao vây địch trong thành phố, tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch, làm thất bại âm mưu đánh nhanh, thắng nhanh của chúng.  Thực hiện chủ trương kháng chiến của Trung ương Đảng, Chính phủ và Nghị quyết của Hội nghị Xứ ủy Nam Bộ, nhân dân Nam Bộ đã nhất tề đứng lên, mở đầu cuộc kháng chiến của nhân dân ta chống thực dân Pháp xâm lược.  Đêm 23/9/1945 công nhân Sài Gòn – Chợ Lớn cắt điện, nước. Trên khắp các đường phố đều lập các chiến lũy. Cả Sài Gòn – Chợ Lớn thực hiện lệnh tổng bãi công, bãi chợ, bãi học, không hợp tác với giặc Pháp. Mọi sinh hoạt trong thành phố bị ngưng trệ. Hơn 350 đội xung phong công đoàn cùng các đội tự vệ nhanh chóng triển khai chiến đấu. Hàng trăm xí nghiệp và công sở, hàng chục kho tàng, bến bãi… bị phá hủy, không để rơi vào tay Pháp. Nhiều máy móc, dụng cụ được công nhân và nhân dân thành phố chuyển ra ngòai, thành lập 2 Binh công xưởng tại Dĩ An và An Phú Đông để sản xuất vũ khí đánh địch.  Ngày 23/9/1945 - ngày Nam Bộ kháng chiến - đã đi vào lịch sử chống ngọai xâm của nhân dân Việt Nam, tô đậm truyền thống kiên cường bất khuất của dân tộc. |
|  | 23 Tháng 11 | Nam Kỳ khởi nghĩa là cuộc khởi nghĩa vũ trang chống Pháp và Nhật của người dân Nam Kỳ vào tháng 11-1940 do Xứ ủy Nam Kỳ chủ trương và lãnh đạo. Trong 20 tỉnh ở Nam Kỳ (không kể thành phố Sài Gòn - Chợ Lớn) có 75 quận, thì đã có 56 quận thực hiện việc chuẩn bị khởi nghĩa, trong đó có 38 quận có hoạt động khởi nghĩa mạnh, yếu khác nhau và ta làm chủ 2 quận (quận Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long và quận Hóc Môn, tỉnh Gia Định); có 304/899 làng nổ ra khởi nghĩa, trong đó có 144 làng nghĩa quân giành được quyền làm chủ với nhiều mức độ khác nhau.  Cuộc khởi nghĩa tạo tiếng vang lớn, gây nhiều tổn thất cho Pháp – Nhật nhưng sau đó bị chính quyền thực dân thẳng tay đàn áp, khủng bố, gây nên những tội ác man rợ nhất. Toàn Nam kỳ có gần 6.000 người bị bắt và bị giết. Nhiều làng mạc bị ném bom và đốt phá. Một số đồng chí lãnh đạo cao cấp của Đảng bị Pháp bắt từ trước cuộc khởi nghĩa cũng bị chúng khép vào tội “có trách nhiệm tinh thần trong cuộc khởi nghĩa Nam kỳ” và đưa ra xử bắn, số nghĩa quân còn lại rút về Thủ Dầu Một, Đồng Tháp và U Minh củng cố lực lượng chờ thời cơ mới. |

**V. ĐỐI VỚI DANH NHÂN**

**1. Danh nhân đất nước**

| **STT** | **Họ tên/ Năm sinh** | **Quê quán** | **Tóm tắt tiểu sử** |
| --- | --- | --- | --- |
|  | Chu Văn An  (1292-1370) | Làng Văn, xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì | Ông là nhà giáo, thầy thuốc, nhà thơ, đại quan dưới triều Trần. Ông đỗ Thái học sinh không ra làm quan, mà mở trường dạy học bên sông Tô, có nhiều học trò nổi danh. Vua mời ông ra làm Tư nghiệp Quốc Tử Giám. Thấy bọn quan lại vô đạo, ông dâng sớ xin vua chém 7 tên gian nịnh không được bèn từ quan về ở ẩn và mất ở núi Phượng Hoàng, huyện Chí Linh (Hải Dương). Ông có tập thơ Tiều Ẩn thi tập. Vua Trần cho thờ ông ở Văn Miếu và đình Thanh Liệt. |
|  | Huy Cận  (1919-2005) | Làng Ân Phú, huyện Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh. | Ông không chỉ là nhà thơ, mà còn là một nhà văn hóa, nhà hoạt động chính trị xã hội.  Ông là một trong những nhà thơ xuất sắc nhất của phong trào thơ mới. Sau Cách mạng Tháng Tám, ông là Uỷ viên Ban Thanh tra đặc biệt của Chính phủ, đại biểu Quốc hội khoá I, II, III. Năm 2001, ông được bầu là Viện sĩ Viện Hàn lâm thơ thế giới. Ngoài ra, ông còn là Thứ trưởng Bộ Văn hoá, Bộ trưởng đặc trách Văn hoá thông tin. Ông được Nhà nước phong tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh đợt I về Văn học nghệ thuật và Huân chương Sao Vàng (2005) |
|  | Phan  Bội Châu  (1867-1940) | Làng Sa Nam, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An | Đỗ giải nguyên năm 1900, nên thường gọi là Giải San; ông không ra làm quan, lập hội Duy Tân chống Pháp (1904), tổ chức phong trào Đông Du sau đổi tên hội ra Việt Nam Quang Phục (1912), hoạt động ở Nhật, Xiêm, Trung Quốc; chủ trương làm cách mạng dân chủ tư sản. Năm 1925 bị bắt đưa về nước, kết án khổ sai chung thân. Cả nước dấy lên cuộc đấu tranh đòi thả ông. Pháp buộc ân xá đưa về giam lỏng ở Huế cho đến khi ông mất. Ông còn là nhà văn, nhà tư tưởng, để lại nhiều tác phẩm như: Hải ngoại huyết thư, Việt Nam vong quốc sử, Kỷ niệm lục, Hà thành liệt sĩ truyện, Chân tướng quân, Phan Bội Châu niên biểu. |
|  | Mạc Đĩnh Chi  (1272-1346) | xã Lũng Động, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương. | Trưởng thành từ nghèo khó, nổi tiếng tài cao học rộng, đỗ trạng nguyên đời Trần. Ông thông minh, tài trí từ nhỏ, làm quan thanh liêm qua ba đời vua Trần, hai lần đi sứ nhà Nguyên mà nhà vẫn thanh đạm. Ông nổi tiếng với bài phú Ngọc tỉnh liên ví mình như đóa sen trong giếng ngọc. |
|  | Nguyễn  Đình Chiểu  (1822-1888) | Làng Tân Thới, Phủ Tân Bình, huyện Bình Dương, tỉnh Gia Định (nay thuộc Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh) | Tục gọi là Đồ Chiểu, xuất thân trong gia đình nhà nho. Ông là nhà thơ lớn nhất của miền Nam Việt Nam trong nửa cuối thế kỷ 19. Ông làm nghề dạy học, làm thuốc và đem ngòi bút yêu nước của mình phục vụ cuộc đấu tranh anh dũng của đồng bào Nam Kỳ suốt trong hơn 20 năm, dù đã mù lòa. Ông là người thầy mẫu mực, là một nhà thơ yêu nước, đã để lại nhiều tác phẩm có giá trị: Lục Vân Tiên, Dương Từ - Hà Mậu, Chạy giặc, Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc… |
|  | Lương  Định Của  (1918-1975) | Làng Đại Ngãi, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng | |  |  | | --- | --- | | Ông từng theo học ngành y khoa và kinh tế tại Trung Quốc trước khi sang Nhật học thực nghiệm và ngành nông học. | ngành sinh vật |   Năm 1945, ông tốt nghiệp đại học và lập gia đình với người phụ nữ Nhật, sau đó, ông tiếp tục học cao hơn. Năm 1951, Lương Định Của bảo vệ thành công luận án tiến sĩ nông học, khoa di truyền chọn giống và được cấp học vị Bác sĩ Nông học- học vị cao nhất ở Nhật lúc bấy giờ. Sau đó, ông được bổ nhiệm làm giảng sư chính thức ở một trường đại học quốc lập của Nhật.   |  | | --- | | Năm 1952, nghe theo lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, ông đã từ bỏ cuộc sống giàu sang ở Nhật cùng gia đình trở về phục vụ Tổ quốc. Cuối năm 1954, ông cùng gia đình tập kết ra Bắc và từng giữ các chức vụ: Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Nông nghiệp, Phó Viện trưởng Viện Khoa học nông nghiệp, Viện trưởng Viện Cây lương thực và Cây thực phẩm; Đại biểu Quốc hội các khoá II, III, IV, V; ông từ trần vào tháng 12/1975. |   Lương Định Của có nhiều cống hiến to lớn cho sự phát triển của nền nông nghiệp: tạo ra nhiều giống lúa mới có năng suất cao và chất lượng cao, đề xuất nhiều mô hình canh tác được nhân dân áp dụng, tạo ra cuộc cách mạng trong nông nghiệp; giáo dục, đào tạo nhiều thế hệ cán bộ đầu đàn trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp.  Cuộc đời và sự nghiệp của Bác sĩ Nông học Lương Định Của là tấm gương sáng của một trí thức lớn dấn thân vì đại nghĩa, say mê tận tụy với sự nghiệp trồng người và nghiên cứu khoa học, cống hiến hết mình cho Tổ quốc. |
|  | Nguyễn  Văn Cừ  (1912-1941) | Làng Phù Khê, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh | Con một nhà nho nghèo. Tham gia cách mạng từ trẻ. Năm 1928 đi vô sản hóa ở mỏ Vàng Danh. Năm 1929 gia nhập Đông Dương Cộng sản Đảng. Năm 1930 làm Bí thư Đặc khu ủy Hồng Gai - Uông Bí. Năm 1932 bị Pháp bắt đày ra Côn Đảo. Năm 1936 trở về, được cử vào Xứ ủy Bắc Kỳ, thường vụ Trung ương Đảng. Từ năm 1938-1939 làm Tổng Bí thư Đảng, hoạt động ở Sài Gòn, bị trục xuất; ra Hà Nội chỉ đạo Mặt trận Thống nhất Dân chủ Đông Dương. Tác giả cuốn Tự chỉ trích bút danh Trí Cường; đấu tranh phê bình trong nội bộ Đảng. Năm 1940 bị Pháp bắt ở Sài Gòn, kết án tử hình và xử ông tại Bà Điểm - Hóc Môn ngày 28/8/1941. |
|  | Tô  Vĩnh Diện  (1924-1953) | Huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa | Là Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Ông vào bộ đội năm 1949. Để chuẩn bị cho chiến dịch Điện Biên Phủ, anh được giao làm tiểu đội trưởng một đơn vị pháo cao xạ. Đường hành quân kéo pháo vô cùng hiểm trở, khó khăn, anh chỉ huy đưa pháo đến điểm tập kết an toàn. Lệnh trên lại kéo pháo ra. Đêm tối, dốc cao, dây kéo pháo vụt đứt, khẩu pháo lao nhanh, anh hô đồng đội: “Thà hi sinh, quyết bảo vệ pháo!” và lấy thân mình lao vào chèn bánh pháo, chặn khẩu pháo không rơi xuống vực. Ông bị bánh xe của khẩu pháo đè lên người trọng thương, dù được đồng đội kịp thời cứu chữa nhưng Tô Vĩnh Diện đã hy sinh. Ông được truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân. |
|  | Hoàng Diệu  (1832-1882) | Huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam | Ông đỗ Phó bảng, giữ chức Tổng đốc Hà - Ninh (Hà Nội - Ninh Bình) Pháp đánh thành Hà Nội (25/4/1882), Hoàng Diệu chỉ huy cuộc chiến đấu tới cùng. Thấy không đủ sức chiến đấu, ông thắt cổ tuẫn tiết trên cây táo cạnh Võ Miếu. Tượng đồng của ông và Nguyễn Tri Phương được đặt tại Cửa Bắc thành Hà Nội để ghi nhớ hai ông đã hy sinh chống Pháp đánh thành. |
|  | Trần  Quang Diệu  (?-1802) | Huyện Hoài Ân, Bình Định | Là danh tướng Tây Sơn, chồng của nữ tướng Bùi Thị Xuân, có công lớn trong trận đánh tiêu diệt 20 vạn quân Thanh tại Thăng Long; khi Quang Trung mất, làm Thái phó giúp vua Cảnh Thịnh; sau bị Gia Long bắt và hành hình ở Phú Xuân. |
|  | Nguyễn Du  (1765-1820) | Xã Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh | Xuất thân trong một gia đình quý tộc, nhiều đời làm quan dưới triều vua Lê, chúa Trịnh. Nguyễn Du đã để lại một di sản văn chương đồ sộ với những tác phẩm kiệt xuất, ở thể loại nào ông cũng đạt được sự hoàn thiện. Trong đó nổi tiếng nhất là kiệt tác Truyện Kiều (Đoạn trường tân thanh) gồm 3254 câu thơ lục bát và Văn tế thập loại chúng sinh gồm 184 câu viết theo thể song thất lục bát. Nguyễn Du là nhà thơ nhân đạo lỗi lạc với tấm lòng sâu sắc, bao dung, đồng thời ông đã dùng ngòi bút phê phán hiện thực mạnh mẽ, sắc bén. Nguyễn Du đã có công lớn trong việc đưa ngôn ngữ văn học Tiếng Việt lên trình độ điêu luyện. Từ đó ông đáng được suy tôn danh hiệu Đại thi hào dân tộc và Danh nhân văn hóa thế giới. |
|  | Lê Duẩn  (1907-1986) | Xã Triệu Thành, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị, | Một trong những đảng viên lớp đầu. Năm 1931 là Ủy viên Ban Tuyên huấn Xứ ủy Bắc Kỳ, bị bắt ở Hải Phòng, giam ở Hỏa Lò, Sơn La, Côn Đảo. Năm 1937 Bí thư Xứ ủy Trung Kỳ vào Ban Thường vụ Trung ương Đảng cử lãnh đạo kháng chiến ở Nam Bộ. Ông được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Cục miền Nam, Bí thư thứ nhất Trung ương Đảng, rồi Tổng Bí thư của Đảng trong 26 năm liền. Ông còn là đại biểu Quốc hội từ khóa II đến khóa VII, đề xuất được nhiều vấn đề cơ bản về đường lối cách mạng chống Mỹ cứu nước. Lê Duẩn đã cùng Trung ương Đảng lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước thành công năm 1975. Nhiều bài viết và tác phẩm của ông cho thấy, ông có nhiều suy nghĩ sâu sắc, giàu trí tuệ trong sự nghiệp xây dựng CNXH ở Việt Nam. Ông mất tại Hà Nội ngày 10/7/1986. |
|  | Trần Hưng Đạo  (1231-1300) | Huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định | Ông là người chỉ huy hai cuộc kháng chiến đánh tan quân xâm lược Nguyên - Mông (1285-1288), tác giả Hịch tướng sĩ và Binh thư yếu lược; được truy phong chức Thái sư Thượng phụ Thượng Quốc công, tước Nhân Võ Hưng Đạo Đại Vương. |
|  | Lý Nam Đế  (503-548) | Thái Bình, trấn Sơn Tây. | Ông khởi nghĩa năm 542, đánh đuổi quân thống trị nhà Lương, lên ngôi vua năm 544, xưng là Nam Việt Đế, đặt quốc hiệu Vạn Xuân, đóng đô ở Long Biên. Năm sau, quân Lương sang đánh, ông chống không lại, lui về vùng hồ Điển Triệt (Lập Thạch, Vĩnh Phúc) và bị đánh tan, lánh vào động Khuất Liêu (Tam Nông), rồi mất. |
|  | Đoàn Thị Điểm  (1705-1748) | Xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, Hưng Yên | Từ nhỏ đã hay chữ, từng lên Thăng Long dạy cung nữ trong phủ Chúa. Bà lấy ông Nguyễn Kiều, tiến sĩ người làng Phú Xá (nay thuộc phường Phú Thượng, quận Tây Hồ). Bà là tác giả Truyền kỳ tân phả và dịch giả truyện thơ Chinh phụ ngâm khúc. Bà là người được đánh giá là bậc nhất về sắc đẹp lẫn tài năng trong những nữ sĩ danh tiếng. |
|  | Nguyễn  Thị Định (1920-1992) | Xã Lương Hòa, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. | Bà được Tỉnh ủy chọn làm thuyền trưởng chuyến ra Bắc báo cáo và xin vũ khí chi viện. Bà từng làm việc ở Bộ Tư lệnh miền Nam (1961-1964), giữ chức Phó Tư lệnh Quân giải phóng miền Nam Việt Nam (1965-1975). Năm 1974, Bà được phong quân hàm Thiếu tướng. Từ năm 1987 đến năm 1992 bà làm Phó Chủ tịch Hội đồng Nhà nước Việt Nam. Bà từ trần ngày 26-8-1992 và sau đó được Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân. |
|  | Lê Quý Đôn  (1726-1784) | Làng Phú Hậu, huyện Duyên Hà, tỉnh Thái Bình. | Đỗ bảng nhãn, vào làm ở Hàn lâm viện, được giao soạn quốc sử, đi sứ Trung Quốc, chúa Trịnh phong chức Bồi tụng, làm Hiệp trấn Nghệ An, rồi về triều giữ chức Công bộ Thượng thư. Ông là nhà bác học, nhà văn hóa lớn, để lại nhiều tác phẩm có giá trị về văn, sử, triết, kinh tế, địa lý… như Phủ biên tạp lục, Vân đài loại ngữ, Kiến văn tiểu lục, Đại Việt thông sử… mang tính bách khoa toàn thư. |
|  | Kim Đồng  (1929-1943) | Bản Nà Mạ, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng – gần hang Pác Pó | Nông Văn Dền là người dân tộc Dân tộc Nùng, đi theo cách mạng làm liên lạc cho Việt Minh những năm tiền khởi nghĩa, được kết nạp vào Đội Nhi đồng cứu quốc đầu tiên, sau đó gọi là Kim Đồng. Một lần đi công tác, anh bị giặc Pháp bắn chết lúc mới 15 tuổi. Kim Đồng là tấm gương tiêu biểu cho thiếu nhi Việt Nam. Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. |
|  | Phạm  Văn Đồng  (1906 - 2000**)** | Xã Đức Tân, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi | Tham gia cách mạng thừ năm 18 tuổi. Năm 1926 đi huấn luyện tại Quảng Châu do Nguyễn Ái Quốc tổ chức, gia nhập Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội. Năm 1927 về hoạt động ở Sài Gòn được cử vào Kỳ bộ Thanh niên Nam Kỳ rồi tổng bộ Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội. Năm 1929 đi dự đại hội của Hội ở Hương Cảng, trở về Sài Gòn bị Pháp bắt, kết án tù 10 năm ở Côn Đảo. Do phong trào Mặt trận Bình dân Pháp can thiệp, năm 1936 được trả tự do về hoạt động công khai ở Hà Nội. Năm 1940 sang Côn Minh gặp Nguyễn Ái Quốc, được vào Đảng Cộng sản Việt Nam. Năm 1942 về Cao Bằng xây dựng căn cư địa cách mạng Cao - Bắc - Lạng. Năm 1945 dự Đại hội Quốc dân Tân Trào, tham gia Ủy ban Giải phóng dân tộc. Sau khi cách mạng thành công, ông lần lượt giữ các chức vụ quan trọng trong chính quyền nhân dân: Bộ trưởng Bộ Tài chính, Trưởng phái đoàn Việt Nam tại Hội nghị Phôngtennơblô, Đặc phái viên của Trung ương Đảng và Chính phủ tại Nam Trung Bộ, Phó Thủ tướng, Trưởng phái đoàn Việt Nam tại Hội nghị Giơnevơ, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao, Trưởng Ban Đối ngoại Trung ương. Phạm Văn Đồng có 32 năm (1955-1987) làm Thủ tướng Chính phủ, Phó Chủ tịch Hội đồng Quốc phòng, 41 năm đại biểu Quốc hội khóa I đến khóa VII (1946-1987). Ông có 60 năm tuổi Đảng, trong đó có 50 năm (1947-1997) được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương, từ Ủy viên dự khuyết đến Ủy viên Trung ương, Bộ Chính trị và Cố vấn Ban Chấp hành. Ông là người cộng sản chân chính được toàn Đảng, toàn dân mến phục, bạn bè thế giới ca ngợi. Ông mất tại Hà Nội ngày 29/4/2000, thọ 94 tuổi. |
|  | Võ  Nguyên Giáp  (1911- 2013) | Xã Lộc Thủy, huyện Vị Thủy, tỉnh Quảng Bình | Nguyên Uỷ viên Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, nguyên Bí thư Quân uỷ Trung ương, nguyên Phó Thủ tướng thường trực Chính phủ, nguyên Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Tổng Tư lệnh Quân đội Nhân dân Việt Nam, Đại biểu Quốc hội từ khoá I - khoá VII; Đại tướng đầu tiên của Quân đội Nhân dân Việt Nam. Năm 14 tuổi, đồng chí đã giác ngộ và sớm tham gia hoạt động cách mạng. Năm 1930, đồng chí tham gia phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh. Năm 1940, được kết nạp vào Đảng. Đầu những 40 của thế kỷ XX, được Chủ tịch Hồ Chí Minh dìu dắt, giao nhiệm vụ, đồng chí đã tích cực hoạt động cách mạng, bám dân, bám địa bàn, xây dựng cơ sở, mở lớp huấn luyện quân sự tại căn cứ địa Cao - Bắc - Lạng. Tháng 12/1944, đồng chí được Chủ tịch Hồ Chí Minh giao nhiệm vụ thành lập Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân, tổ chức tiền thân của Quân đội Nhân dân Việt Nam. Năm 1948, đồng chí được phong quân hàm Đại tướng. Trên các cương vị là Uỷ viên Ban Chấp hành TW, Thường vụ TW Đảng Cộng sản Đông Dương, thành viên Uỷ ban khởi nghĩa toàn quốc, thành viên Uỷ ban Dân tộc giải phóng Việt Nam, Tư lệnh Việt Nam giải phóng quân, đồng chí đã có những đóng góp quan trọng vào thắng lợi của cuộc Tổng khởi nghĩa Cách mạng Tháng Tám năm 1945. Trong 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp, đồng chí đã trực tiếp chỉ huy nhiều chiến dịch quan trọng. Đặc biệt, năm 1954, đồng chí đã chỉ huy các đại đoàn của Quân đội và các lực lượng tiến công tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, đánh bại đội quân nhà nghề của thực dân Pháp, làm nên Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ “*lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu*”. Sau khi miền Bắc được giải phóng, đồng chí đã tham gia cùng Trung ương Đảng lãnh đạo toàn dân, toàn quân tiến hành xây dựng, bảo vệ miền Bắc xã hội chủ nghĩa và đẩy mạnh cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân ở miền Nam, lần lượt đánh bại các chiến lược chiến tranh của đế quốc Mỹ, làm nên những thắng lợi vẻ vang mà đỉnh cao là Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thu non sông về một mối, đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Với tài năng quân sự kiệt xuất và những đóng góp vĩ đại cho quân sự Việt Nam, Đại tướng Võ Nguyên Giáp được báo chí thế giới ca ngợi là “vị tướng huyền thoại”, sánh cùng các vĩ nhân trong suốt 2.000 năm qua. |
|  | Hoàng  Đình Giong  (1904 – 1947) | làng Thôm Hoáng, xã Hạ Hoàng (nay là phường Đề Thám, thành phố Cao Bằng) | Hoàng Đình Giong (tức Hoàng, Trần Tin, Lầu Voòng, Nam Bình, Văn Tư, Võ Văn Đức, Vũ Đức, Lê Minh, Cụ Vũ). Ông là một cán bộ dân tộc Tày, có đức độ và tài năng, có nhiều công lao trong thời kỳ vận động cách mạng, là một trong những đảng viên cộng sản đầu tiên của Đảng bộ tỉnh Cao Bằng. Ông đã trở thành cán bộ chính trị, quân sự cấp cao lớp đầu tiên của Đảng, của quân đội.  Trong suốt quá trình hoạt động cách mạng, ông luôn thể hiện bản chất cao đẹp của người chiến sĩ cộng sản: kiên cường, bất khuất và trung thành tuyệt đối với Đảng, với Tổ quốc. Từ một thanh niên yêu nước, ông sớm tham gia hoạt động cách mạng từ năm 1926, được kết nạp vào Đảng từ năm 1929 và được bầu làm Bí thư Chi bộ Hải ngoại hoạt động cách mạng ở vùng biên giới Trung – Viêt và làm nhiệm vụ đưa cán bộ ra ngoài nước dự các lớp huấn luyện do Nguyễn Ái Quốc tổ chức, rồi đưa về nước hoạt động.  Ông có công thành lập và xây dựng Đảng bộ Cao Bằng, Lạng Sơn, Hải Phòng, khu mỏ Quảng Ninh. Vừa hoạt động ở trong nước, vừa tham gia hoạt động ở Ban Chỉ huy ngoài nước của Trung ương Đảng, năm 1935, ông được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương tại Đại hội lần thứ I của Đảng ở Ma Cao và được cử phụ trách Xứ uỷ Bắc Kỳ. Từ tháng 2/1936 đến năm 1944, ông bị địch bắt cầm tù và chịu cực hình qua nhiều nhà tù của địch ở trong và ngoài nước, nhưng ông vẫn giữ vững khí tiết cách mạng, khôn khéo đấu tranh để ra tù trở về nước tiếp tục hoạt động.  Cách mạng tháng Tám thành công, ông được Bác Hồ đổi tên là Võ Văn Đức và được giao nhiệm vụ chỉ huy bộ đội vào Nam Bộ tham gia kháng chiến chống thực dân Pháp. Ông đã góp phần quan trọng vào xây dựng các đội quân Nam tiến, xây dựng căn cứ địa U Minh, thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc và xây dựng thống nhất lực lượng vũ trang Nam Bộ. Ông đã trải qua các cương vị: Chính uỷ Quân giải phóng Nam Bộ, Khu Bộ trưởng (Tư lệnh) đầu tiên của Khu 9, Khu Bộ trưởng (Tư lệnh) Khu 6. Trên bất kỳ cương vị nào, ông đều nêu cao tinh thần trách nhiệm và bản lĩnh của một vị tướng. Năm 1947, ông đã anh dũng hy sinh khi đang tham gia chiến đấu tại mặt trận Bình Thuận. Cuộc đời và sự nghiệp cách mạng vẻ vang của ông đã gắn bó với nhiều địa phương, đơn vị, trong đó có tỉnh Sóc Trăng. |
|  | Phan  Đình Giót  (1920-1954) | Huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh | Năm 1950 ông xung phong vào quân đội chống Pháp. Ông đánh nhiều trận, lập nhiều chiến công, được bầu làm chiến sĩ thi đua. Cuối năm 1953, đơn vị tham gia chiến dịch Tây Bắc rồi mở mặt trận Điện Biên Phủ bằng trận mở màn diệt đồn Him Lam. Mũi tiến công của ông đánh 8 quả bộc phá vẫn chưa mở được rào. Ông lao lên đánh quả thứ 9, bị thương ở đùi, không chịu lui về phía sau, xông tới lấy thân mình lấp lỗ châu mai, bịt họng súng kẻ thù để xung kích ào lên, xung phong chiếm cao điểm, mở đầu chiến thắng Điện Biên Phủ (13/3/1954). Liệt sĩ Phan Đình Giót được truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân. |
|  | Lê Đại Hành  (941-1005) | Làng Trung Lập (nay thuộc huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa) | Ông là một tướng giỏi được triều Đinh phong chức Thập đạo tướng quân. Năm 979, vua Đinh Tiên Hoàng mất, ông phò vua Đinh Toàn mới 06 tuổi, trông coi việc nước. Về sau ông lên ngôi vua và đem quân đi chinh phạt nước Chiêm Thành. Ông là vị vua đầu tiên của nhà Tiền Lê. |
|  | Đinh  Tiên Hoàng  (924-979) | Làng Hoa Lư, nay là huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình; | Ông nổi lên dẹp loạn 12 sứ quân, thống nhất non sông. Năm 968 lên làm vua, là người sáng lập ra triều đại nhà Đinh, đặt quốc hiệu là Đại Cồ Việt, lập đô ở Hoa Lư, có công xây dựng nền móng độc lập, tự chủ cho đất nước ở thế kỷ X. Người đời tôn xưng ông là Vạn Thắng vương. |
|  | Nguyễn Huệ (Quang Trung)  (1752-1792), | Quê ở Tây Sơn, Bình Định | Năm 1771, ông cùng hai anh là Nguyễn Nhạc và Nguyễn Lữ phất cờ khởi nghĩa. Năm 1777, nghĩa quân Tây Sơn đánh chiếm thành Quy Nhơn làm căn cứ địa tiến công giải phóng Đàng Trong. Sau bốn lần giải phóng Gia Định, Nguyễn Huệ đã tiêu diệt hai vạn quân Xiêm do Nguyễn Ánh cầu viện tại Rạch Gầm, Xoài Mút ngày 18/01/1785, đập tan chính quyền phong kiến ở Đàng Trong. Năm 1786, Nguyễn Huệ đem quân ra đánh Bắc Hà và mau chóng lật đổ tập đoàn phong kiến họ Trịnh thống trị đã ba trăm năm, lập lại nhà Lê. Mùa xuân năm Kỷ Dậu 1789, với cuộc hành quân thần tốc, ông đập tan và quét sạch hai mươi vạn quân Thanh ra khỏi bờ cõi, giải phóng Miền Bắc ra khỏi ách xâm lược. Nguyễn Huệ đã phá tan mọi âm mưu câu kết của các thế lực phản động trong nước và nước ngoài, chuẩn bị kế hoạch tiến đánh Nguyễn Ánh đang quấy phá ở Gia Định. Nguyễn Huệ là một anh hùng dân tộc, không những ông là một thiên tài quân sự mà còn xuất sắc về chính trị, ngoại giao, kinh tế... |
|  | Phạm Hùng  (1912-1988) | Xã Long Hồ, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh | Ông tham gia cách mạng, khi còn là học sinh Trường Trung học Mỹ Tho, được kết nạp vào An Nam Cộng sản Đảng vào tháng 10/1929. Năm 1931 ông được cử làm Bí thư Tỉnh ủy Mỹ Tho, bị Pháp bắt và kết án tử hình, sau được giảm xuống tù 20 năm khổ sai, 20 năm đày biệt xứ~~,~~ và bị đày đi Côn Đảo. Cách mạng Tháng Tám thành công, ông về đất liền, làm Bí thư Xứ ủy lâm thời Nam Bộ. Năm 1951 được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng, lãnh đạo Trung ương Cục miền Nam, Ủy ban Kháng chiến - Hành chính miền Đông Nam Bộ. Năm 1954 là Trưởng đoàn quân sự Việt Nam trong Ban Liên hiệp Đình chiến tại Nam Bộ. Ông là Ủy viên Trung ương Đảng từ năm 1956-1988, tham gia Bộ Chính trị, đại biểu Quốc hội từ khóa II đến khóa VIII, lần lượt giữ các chức vụ: Bộ trưởng, Phó Thủ tướng, Bí thư Trung ương Cục miền Nam, Chính ủy các lực lượng vũ trang miền Nam, Chính ủy Bộ Chỉ huy chiến dịch Hồ Chí Minh, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng. Ông mất tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 10/3/1988. |
|  | Hồ Xuân Hương  (không rõ năm sinh, năm mất) | Làng Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, Nghệ An. | Được người đời mệnh danh là “Bà chúa thơ Nôm” của văn học trung đại Việt Nam; giỏi thơ Nôm và có tài trào lộng, châm biếm, mang phong cách riêng biệt khác người, nhiều bài thơ Nôm được truyền tục rộng rãi trong dân gian. Thế giới nội tâm trong thơ của bà khởi nguồn từ thân phận của người phụ nữ trong xã hội phong kiến. Tuy nhiên, với phong cách cá tính, bản lĩnh kiên cường, bà đã khẳng định cái tôi trước cuộc đời. |
|  | Nguyễn Thị Minh Khai  (1910-1941) | Làng Mọc Quan Nhân (nay là phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội) | Là Nhà cách mạng Việt Nam, năm 1930 vào Đảng Cộng sản Đông Dương, phụ trách vận động vùng Trường Thi - Bến Thủy rồi sang công tác ở Văn phòng Đông Phương bộ của Quốc tế Cộng sản tại Hương Cảng, bị chính quyền Quốc dân Đảng Trung Quốc bắt giam (1931-1934). Năm 1935, là đại biểu Đại hội VII Quốc tế Cộng sản ở Matxcơva, làm bạn đời với Tổng Bí thư Lê Hồng Phong. Năm 1936 về nước, tham gia Xứ ủy Nam Kỳ, Bí thư Thành ủy Sài Gòn - Chợ Lớn, chỉ đạo khởi nghĩa Nam Kỳ và bị bắt, Pháp xử bắn bà tại Hóc Môn vào ngày 28/8/1941. |
|  | Trần  Quang Khải  (1241-1294) | Quê ở Tức Mặc, phủ Thiên Trường, tỉnh Nam Định (nay thuộc tỉnh Hà Nam) | Là con thứ ba của Thái Tông Trần Cảnh, làm tới chức Thượng tướng Thái sư; đảm nhận việc ngoại giao trong kháng chiến chống Nguyên - Mông, trực tiếp chỉ huy trận thắng ở Chương Dương (năm 1285); tác giả bài Tụng giá hoàn kinh sư nổi tiếng. Trần Quang Khải có học lực cao, sáng tác nhiều bài thơ xuất sắc, bộc lộ hào khí của thời đại đất nước hưng thịnh, đồng thời lại chứng tỏ một tâm hồn thi sĩ phong phú, gắn bó với thiên nhiên. Tập thơ Lạc đạo tập chỉ còn sót lại hơn mười bài, có bài nổi tiếng, tuy viết bằng chữ Hán mà rất phổ biến trong các thế hệ dân chúng xưa và nay. |
|  | Nguyễn  Bỉnh Khiêm (1491-1585) | Làng Cổ Am, huyện Vĩnh Bảo (nay thuộc thành phố Hải Phòng) | Là nhà tư tưởng, nhà thơ lớn của thế kỷ XVI. Năm 45 tuổi, ông đỗ trạng nguyên làm quan dưới triều Mạc từ Lại bộ Tả thị lang, đến Thượng thư Bộ Lại, tước Trình Tuyên hầu, khi mất được phong Quốc công. Người đời quen gọi là Trạng Trình. Năm 70 tuổi, ông về hưu mở trường dạy học, viết sách, lấy hiệu là Bạch Vân cư sĩ, Tuyết Giang phu tử, tự Hạnh Phủ. Tương truyền ông giỏi lý số, làm nhiều câu sấm ngữ, để lại nhiều thơ Hán-Nôm trong tập Bạch Vân thi tập, Bạch Vân quốc ngữ thi tập. |
|  | Nguyễn Khuyến (1835-1909) | Làng Yên Đổ, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam. | Ông đỗ tam trường nên gọi là Tam Nguyên Yên Đổ. Làm quan triều Nguyễn ở nhiều nơi, sau tới chức Học sĩ sung Quốc sử quán Toản tu. Triều Nguyễn đầu hàng Pháp, ông cáo quan về quê. Ông là nhà thơ hiện thực và trào lộng nổi tiếng, để lại nhiều thơ hay. |
|  | Lý  Thường Kiệt  (1019-1105) | Quê ở phủ Thái Hòa, thành Thăng Long, nay thuộc Hà Nội. | Tên thật là Ngô Tuấn có công lớn được vua ban cho họ Lý  Từ một Hiệu úy kỵ mã, ông thành Thị vệ của vua Lý Thánh Tông, nổi tiếng tài giỏi, quán xuyến cung đình và võ nghệ tinh thông, giúp hoàng thái hậu Ỷ Lan nhiếp chính vua Lý Nhân Tông khi còn nhỏ. Thấy giặc Tống có mưu đồ xâm lược, ông đề xuất chủ động đánh trước, tiêu diệt căn cứ xuất phát của địch ở ba châu: Ung, Khâm, Liêm (1075) rồi rút quân về xây dựng phòng tuyến sông Như Nguyệt chặn giặc, đánh tan quân Tống (1077). Tương truyền ông là tác giả của bài Nam quốc sơn hà, được coi như là Bản Tuyên ngôn Độc lập đầu tiên của nước ta. |
|  | Võ Văn Kiệt  (1922-2008) | Xã Trung Hiệp, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. | Năm 1938, ông tham gia hoạt động trong phong trào Thanh niên phản đế. Tháng 11/1939, ông được kết nạp vào Ðảng Cộng sản Ðông Dương, làm Bí thư Chi bộ, Huyện ủy viên và tham gia cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ ở huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Năm 1941 - 1945, ông hoạt động cách mạng ở Rạch Giá, tham gia Tỉnh ủy lâm thời và tham gia khởi nghĩa giành chính quyền ở tỉnh Rạch Giá. Năm 1950, ông được điều về tỉnh Bạc Liêu làm Phó Bí thư, rồi Bí thư Tỉnh ủy Bạc Liêu. Năm 1955, ông được bầu làm Ủy viên Xứ ủy Nam Bộ, Phó Bí thư liên Tỉnh ủy Hậu Giang. Năm 1959, ông được điều về Khu Sài Gòn - Gia Ðịnh làm Bí thư Khu ủy T.4 (Sài Gòn - Gia Ðịnh) cho đến cuối năm 1970. Năm 1973 - 1975, ông được điều về công tác ở Trung ương Cục và là Ủy viên Thường vụ Trung ương Cục miền Nam. Năm 1976, ông làm Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, rồi Bí thư Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh. Tháng 2/1987, ông được bầu làm giữ chức Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Phó Chủ tịch Thường trực, rồi Phó Chủ tịch thứ nhất Hội đồng Bộ trưởng. Tháng 8/1991, ông được Quốc hội bầu giữ chức Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.  Năm 1992 - 1997, ông được Quốc hội bầu làm Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Phó Chủ tịch Hội đồng Quốc phòng và An ninh. Từ tháng 12/1997 đến tháng 4/2001, ông được cử làm Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam. Võ Văn Kiệt là Ủy viên dự khuyết Bộ Chính trị khóa IV, Ủy viên Bộ Chính trị các khóa V, VI, VII, VIII; Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IV, V, VI, VII, VIII và là Đại biểu Quốc hội khóa VI, VIII, IX. Ông đã được Ðảng và Nhà nước tặng thưởng Huân chương Sao Vàng, nhiều Huân chương, Huy chương cao quý khác và Huy hiệu 60 năm tuổi Đảng. |
|  | Trương  Vĩnh Ký  (?-1898) | Huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre. | Ông là một nhà văn, nhà ngôn ngữ học, nhà giáo dục học, khảo cứu văn hóa tiêu biểu của Việt Nam. Ông được phong Giáo sư Viện sĩ Pháp, là nhà bác học hàng đầu thế giới thế kỷ 19. Ông được coi là "ông tổ nghề báo Việt Nam", sáng lập và là Tổng biên tập tờ Gia Định báo.  Ông có một năng lực làm việc phi thường, ông đã để lại cho đời 118 tác phẩm, bao gồm sách nghiên cứu, sưu tầm, dịch, phiên âm, trong đó có hàng chục quyển sách viết bằng Pháp văn. |
|  | Lê Lai  (1355-1418) | Làng Dựng Tú, nay thuộc xã Kiên Thọ, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa | Năm 1416, theo Lê Lợi khởi nghĩa Lam Sơn tại Hội thề Lũng Nhai. Năm 1418, quân Minh bao vây chặt nghĩa quân ở vùng núi Chí Linh (Thanh Hóa), Lê Lai đã tình nguyện cải trang làm Lê Lợi, xông ra trận tiền để giặc bắt và bị giết, nhờ vậy Lê Lợi thoát nạn hiểm, tiếp tục mưu đồ việc lớn. Đất nước toàn thắng, Lê Lợi lên ngôi vua truy phong ông là Thái úy “Đệ nhất công thần”. |
|  | Phạm  Ngũ Lão  (1255-1320) | Làng Phù Ủng, huyện Đường Hào (nay thuộc huyện Ân Thi), tỉnh Hưng Yên | Một nông dân, ham học, có ý chí, tình nguyện tham gia quân đội đánh giặc ngoại xâm, chỉ huy quân cấm vệ của Trần Hưng Đạo; lập nhiều chiến công trong hai lần chống Nguyên - Mông (1285-1288), sau còn đi dẹp loạn quấy phá biên giới Lão Qua và Chiêm Thành ở phía Nam, trở thành danh tướng đời Trần, được phong tước Quan nội hầu. |
|  | Nguyễn  Văn Linh (1915-1998) | Thôn Yên Phú, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên. | Năm 1929, ông tham gia học sinh đoàn do Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên lãnh đạo. Năm 1930, ông bị bắt và kết án tù chung thân, bị đày ra Côn Đảo. Năm 1939, ông hoạt động ở Sài Gòn và tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố Sài Gòn. Từ 1945 - 1986, ông hoạt động chủ yếu ở miền Tây Nam Bộ, Sài Gòn với nhiều chức vụ: Bí thư Thành uỷ, Uỷ viên Xứ uỷ Nam Bộ, Thường vụ Xứ uỷ Nam Bộ, Bí thư Trung ương Cục Miền Nam, Bí thư Thành uỷ thành phố Hồ Chí Minh. Năm 1986, ông được bầu làm Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Ông được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Sao Vàng và nhiều Huân chương khác. |
|  | Mai Thúc Loan  (670-723) | Quê huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An | Mai Thúc Loan tập hợp những người dân phu khởi nghĩa giải phóng thành Tống Bình (Hà Nội), lên ngôi vua, xưng là Mai Hắc Đế, đóng đô ở thành Vạn An trên núi Vệ Sơn (huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An), quân nhà Đường sang đàn áp, ông thế yếu lui về Rú Đụn (Nam Đàn) rồi mất tại đó. |
|  | Nguyễn Tất Thành (Nguyễn Ái Quốc, Hồ Chí Minh)  (1890 - 1969) | làng Kim Liên, nay là xã Nam Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An | Là con trai thứ hai của cụ Nguyễn Sinh sắc và bà Hoàng Thị Loan. Đổi tên là Nguyễn Ái Quốc (cùng nhiều bí danh khác) để hoạt động cách mạng ở nước ngoài, năm 1942 lấy tên là Hồ Chí Minh. Lúc nhỏ học chữ Hán, được gần gũi các nhà chí sĩ duy tân, sau vào học Trường Quốc học Huế, dạy học Trường Dục Thanh ở Phan Thiết, vào Sài Gòn rồi ra đi tìm đường cứu nước vào ngày 05/6/1911 trên tàu La Touch Treville. Người hoạt động cách mạng ở nhiều nước trên thế giới, nhưng lâu nhất là ở các nước Pháp, Nga, Trung Quốc. Từ sau chiến tranh II, người bỏ phiếu thành lập Đảng Cộng sản Pháp (1920), lập Hội liên hiệp các dân tộc thuộc địa (1921) và chủ bút báo Người cùng khổ (Le Paria). Năm 1923, sang Liên Xô, về Trung Quốc thành lập Việt Nam Thanh niên Cách mạng Đồng chí hội và Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức Á Đông (1924). Năm 1927, trở sang Liên Xô rồi về Thái Lan (1928), Hương Cảng (1930), hợp nhất 03 Đảng Cộng sản thành Đảng Cộng sản Việt Nam, sau là Đảng Cộng sản Đông Dương. Năm 1941, về nước thành lập Mặt trận Việt Minh. Đến ngày 19/8/1945, lãnh đạo Cách mạng tháng Tám thắng lợi, thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (02/9/1945), được bầu là Chủ tịch nước cho đến khi mất (02/9/1969). Hồ Chí Minh là chiến sĩ lỗi lạc của phong trào cộng sản quốc tế. Ở trong nước, Người đã chỉ đạo tài tình công cuộc giải phóng dân tộc và hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ. Người là hiện thân cho sự đoàn kết toàn dân tộc Việt Nam, đồng thời cũng là hiện thân của sự doàn kết các dân tộc bị áp bức trên thế giới. Người là nhà chính trị, ngoại giao xuất sắc, là nhà văn hóa lớn, được UNESCO tôn vinh là “anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hóa kiệt xuất”. Ngay từ khi tại thế, Hồ Chí Minh đã đi vào tình cảm của nhân dân trong nước và trên thế giới như một nhân vật huyền thoại. Hồ Chí Minh là nguồn đề tài phong phú, không bao giờ cạn trên lĩnh vực sáng tạo văn học nghệ thuật của nhiều thế hệ, và bản thân Người cũng là một nhà thơ lớn với tác phẩm bất hủ Nhật ký trong tù (Ngục trung nhật ký) viết bằng chữ Hán, đã được dịch ra nhiều thứ tiếng trên thế giới. |
|  | Hàm Nghi  (1870-1943) | Quê quán ở Huế | Ông là vị vua yêu nước chống Pháp, có khí tiết và trọng danh dự dân tộc. Ông theo phe chủ chiến do Tôn Thất Thuyết đứng đầu, tấn công các căn cứ của Pháp ở Huế thất bại, nhà vua rời kinh thành ra Quảng Trị, xuống chiếu Cần Vương phát động toàn dân chiến đấu. Sau bị bắt, đầy sang An-giê-ri thuộc Pháp, ông sống ở An-giê-ri 47 năm với nỗi đau của vị vua mất nước. |
|  | Trần  Đại Nghĩa  (1913-1997) | Quê quán ở tỉnh Vĩnh Long | Tên khai sinh là Phạm Quang Lễ, ông học ở Pháp, theo lời kêu gọi của Bác Hồ, tình nguyện về nước tham gia kháng chiến, được phong Thiếu tướng, Cục trưởng Cục Quân giới, sáng chế ra súng không giật SKZ, Badoca; là Viện sĩ nước ngoài Viện Hàn lâm khoa học Liên Xô, Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học Nhà nước, Anh hùng Lao động, Giải thưởng Hồ Chí Minh. |
|  | Đặng Văn Ngữ  (1910-1967) | Quê ở An Cựu, Huế | Là giáo sư, bác sĩ. Nhà khoa học xuất sắc để lại nhiều công trình có giá trị cho ngành y và chuyên ngành ký sinh trùng. Ông là giáo sư chủ nhiệm bộ môn Sinh học, Đại học Y khoa, Viện trưởng Viện Sốt rét - Ký sinh trùng. Ông hy sinh tại Thừa Thiên khi đi thực nghiệm chống sốt rét cho quân Giải phóng miền Nam, được truy tặng liệt sĩ, Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân. |
|  | Lê Hồng Phong  (1902-1942) | Xã Thông Lạng, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An. | Ông được Nguyễn Ái Quốc giới thiệu học Trường Quân sự Hoàng Phố - Trung Quốc, tốt nghiệp Sĩ quan lục quân, sang Liên Xô học trường Không quân Lêningrat, Đại học Phương Đông, phụ trách Ban Hải ngoại của Đảng, đại biểu dự Đại hội VII Quốc tế Cộng sản được bầu làm Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản. Từ tháng 3/1935 đến tháng 7/1936, ông được cử làm Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng... Về Sài Gòn lãnh đạo phong trào, bị địch bắt, ông bị đày ra Côn Đảo và mất tại đó. |
|  | Phan  Đình Phùng  (1847-1895) | Làng Đông Thái, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh | Ông đỗ tiến sĩ năm 1877, làm quan Ngự sử triều Nguyễn. Năm 1883 bị cách chức vì không ủng hộ Tôn Thất Thuyết phế vua Dục Đức lập Hiệp Hòa. Ông về quê theo Hàm Nghi mộ quân Cần Vương, lãnh chức Hiệp thống quân vụ. Nghĩa quân của ông hoạt động khắp vùng núi Hương Sơn, Hương Khê, duy trì cuộc kháng chiến gần 10 năm, đánh Pháp nhiều trận. Ông bị bệnh mất tại căn cứ Núi Quạt, trong dãy Trường Sơn. |
|  | Trần Phú  (1904-1931) | Huyện Đức Thọ, Hà Tĩnh | Ông đỗ đầu Cao đẳng Tiểu học (1922), dạy ở trường Tiểu học Cao Xuân Dục, tham gia hội Phục Việt (sau đổi là Tân Việt), được cử sang Quảng Châu (1926) rồi sang học Trường Đại học Phương Đông (Liên Xô). Tháng 4/1930, về nước sau đó được bầu làm Tổng Bí thư đầu tiên của Đảng Cộng sản Đông Dương (hội nghị ở Hương Cảng tháng 10/1930), soạn thảo bản Luận cương Chính trị đề ra đường lối cho cách mạng Việt Nam. Tháng 4/1931, bị địch bắt, tra tấn dã man, ốm và mất tại Nhà thương Chợ Quán khi mới 27 tuổi (06/9/1931). |
|  | Lưu  Hữu Phước  (1921-1989) | Quận Ô Môn, tỉnh Cần Thơ (nay là huyện Ô Môn, thành phố Cần Thơ) | Trước 1945, ông hoạt động trong phong trào sinh viên yêu nước. Sau Cách mạng Tháng Tám ông đảm nhiệm công tác xuất bản, thông tin, tuyên truyền, báo chí, văn học, nghệ thuật và thanh, thiếu niên. Sau 1945, ông giữ nhiều chức vụ: Trưởng Ban Nghiên cứu Âm nhạc, Vụ trưởng Vụ Nhạc-múa, Ủy viên Ban Chấp hành Hội Liên hiệp Văn học nghệ thuật Việt Nam, Phó tổng Thư ký Hội Nhạc sĩ Việt Nam.  Năm 1965, ông trở về Nam kháng chiến chống Mỹ làm Trưởng Tiểu ban Văn nghệ của Trung ương Cục, Bộ trưởng Bộ Thông tin - Văn hoá trong Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam. Ông còn là đại biểu Quốc hội, Viện trưởng Viện Âm nhạc. Giáo sư, Viện sĩ Thông tấn Viện Hàn lâm Nghệ thuật Cộng hòa Dân chủ Đức.  Là nhạc sĩ với các bút danh khác như: Huỳnh Minh Siêng, Long Hưng, Hồng Chí… các ca khúc để đời của ông có Tiếng gọi thanh niên, Giải phóng miền Nam, Lên Đàng, Tình Bác sáng đời ta, Khúc khải hoàn... Ông được truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học nghệ thuật. |
|  | Ngô Quyền  (899-944) | Làng Đường Lâm, Ba Vì (nay thuộc thị xã Sơn Tây, Hà Nội) | Vào Châu Ái theo Dương Đình Nghệ khởi nghĩa đánh thành Đại La, đuổi quân Nam Hán (931). Sáu năm sau, Dương Đình Nghệ bị sát hại, ông đem quân ra hỏi tội tên phản bội Kiều Công Tiễn. Y đã sang cầu cứu nhà Nam Hán. Cuối năm 938, Hoằng Thao đem quân sang xâm lược nước ta bằng đường thủy. Ngô Quyền đã dựng trận địa cọc ở cửa sông Bạch Đằng, lợi dụng thủy triều, đưa chiến thuyền của địch vào bẫy bị vỡ nát, ông đánh tan quân giặc, giữ vững nền tự chủ. Ông lên làm vua, đóng đô ở Cổ Loa, lập ra nhà nước phong kiến tập quyền đầu tiên ở nước ta. |
|  | Võ Thị Sáu  (1933-1952) | Huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa (nay là Bà Rịa – Vũng Tàu) | Là đội viên đội Công an Xung phong huyện Đất Đỏ với nhiệm vụ làm liên lạc, tiếp tế, từng dùng lựu đạn diệt một tên quan ba Pháp ở chợ Đất Đỏ; bị bắt và bị xử bắn ở Côn Đảo khi mới 16 tuổi; được truy tặng Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.  Mộ của Võ Thị Sáu hiện đang còn ở Nghĩa trang Hàng Dương, Côn Đảo, một địa điểm du lịch Côn Đảo tâm linh nổi tiếng được nhiều du khách ghé thăm. |
|  | Phạm  Ngọc Thạch  (1909-1968) | Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận) | Là bác sĩ, giáo sư, Anh hùng Lao động; tốt nghiệp trường Đại học Y khoa ở Pháp (1934), năm 1936, ông là hội viên duy nhất ở Đông Dương của Hội Nghiên cứu về bệnh lao của Pháp. Về nước, ông mở bệnh viện tư chữa lao ở Sài Gòn. Đầu năm 1941, chủ động liên hệ với Đảng Cộng sản và sôi nổi tham gia phong trào cách mạng; làm Thủ lĩnh Thanh niên Tiền phong ở Sài Gòn. Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, ông được cử vào Ủy ban nhân dân cách mạng Sài Gòn. Sau năm 1954 ra Bắc, làm Bộ trưởng Bộ Y tế (1958), Viện trưởng Viện chống lao, Chủ tịch Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam. Tác giả của vắc-xin BCG nổi tiếng. Để có thực tế phục vụ chiến trường, năm 1968 ông trở về Nam và mất trong vùng giải phóng miền Đông Nam Bộ vào ngày 07/11/1968 vì bệnh sốt rét ác tính. Ông Phạm Ngọc Thạch có nhiều công trình nghiên cứu chuyên môn có giá trị về bệnh lao. Các luận văn viết bằng tiếng nước ngoài của ông đã được đăng trên nhiều kỷ yếu ở Bucarest (1961), New Delhi (1957), Moscou (1958) và Paris (1968). |
|  | Nguyễn  Chí Thanh (1914-1967) | Thừa Thiên Huế | Là một tướng lĩnh kiệt xuất của Quân đội Nhân dân Việt Nam. Ông là người đề xuất chiến thuật đánh áp sát của Quân giải phóng miền Nam với phương châm “nắm thắt lưng địch mà đánh”. Năm 1959, ông được phong quân hàm Đại tướng. Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (1960), ông được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng, được cử vào Bộ Chính trị và Ban Bí thư. Từ năm 1965 đến năm 1967, ông được phân công vào Nam, giữ chức Bí thư Trung ương Cục miền Nam, kiêm Chính ủy Quân giải phóng miền Nam. Ông mất năm 1967. |
|  | Lý Đạo Thành  (1053-  1080) | Làng Cổ Pháp, huyện Đông Ngàn (nay là phường Đình Bảng, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh) | Thái sư triều Lý Thánh Tông (1054-1072) tính tình cương trực, có tài tổ chức, góp phần giúp Lý Thường Kiệt đánh thắng quân Tống xâm lược. Nổi tiếng trung thực vì dân vì nước. |
|  | Cao Thắng  (1864-1893) | Làng Yên Đức, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh | Tham gia khởi nghĩa Hương Khê do Phan Đình Phùng chỉ huy năm 1885, ông hy sinh trong một trận đánh đồn Pháp ở Thanh Chương (Nghệ An). Ông được cụ Phan Đình Phùng tin cẩn giao trách nhiệm chỉ huy quân sự. Nhờ có Cao Thắng, nghĩa quân trưởng thành nhanh chóng, mở rộng địa bàn, thanh thế vang dội ở 4 tỉnh miền Trung. Đặc biệt, Cao Thắng đã tìm mọi cách chế tạo được súng trường để trang bị cho nghĩa quân. Súng của Cao Thắng chế tạo làm cho các sĩ quan Pháp và kỹ sư Âu châu phải kinh ngạc, vì nó chỉ là kết quả của sự mày mò, bắt chước của những người thợ rèn Nghệ Tĩnh, không có máy móc và tri thức khoa học hiện đại. |
|  | Tôn  Đức Thắng  (1888-1980) | Cù lao “Ông Hổ”, nay là xã Mỹ Hòa Hưng, thành phố Long Xuyên, An Giang | Vốn là nông dân, Ông lên Sài Gòn làm thợ xưởng Ba Son, lãnh đạo cuộc bãi công năm 1912. Năm 1920, Tôn Đức Thắng tích cực tham gia hoạt động nghiệp đoàn và phong trào của giai cấp công nhân, thành lập và lãnh đạo Công hội bí mật ở Sài Gòn - hình thức tổ chức đầu tiên của giai cấp công nhân Việt Nam.  Năm 1926, gia nhập Việt Nam Thanh niên Cách mạng Đồng chí hội. Năm 1930 bị bắt, đày đi Côn Đảo, thành lập Chi bộ trong tù để đấu tranh. Cách mạng tháng Tám thành công, ông về Nam Bộ kháng chiến, năm 1946 ra Bắc làm Phó Hội trưởng Hội Liên Việt và đến 3/1951 ông được bầu làm Chủ tịch Mặt trận Liên Việt; năm 1960 là Phó Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, từ năm 1969-1980 là Chủ tịch nước.  Cuộc đời hoạt động cách mạng của đồng chí Tôn Đức Thắng là một tấm gương sáng về lòng trung thành, tận tụy; về tinh thần anh dũng, bất khuất; về đức tính khiêm tốn, giản dị. Đồng chí Tôn Đức Thắng vinh dự là người đầu tiên được Quốc hội và Chủ tịch Hồ Chí Minh trao tặng Huân chương Sao Vàng; được Quốc hội nước Cộng hòa Nhân dân Mông Cổ trao tặng Huân chương cao quý nhất của Nhà nước Mông Cổ, Hội đồng Bộ trưởng nước Cộng hòa Cu Ba trao tặng Huân chương Hữu nghị Cu Ba, Đoàn Chủ tịch Xô Viết Tối cao Liên Xô trao tặng Huân chương Lênin,… cùng nhiều phần thưởng cao quý khác |
|  | Lê Đức Thọ  (tên thật là  Phan Đình Khải)  (1911-1990) | Làng Dịch Lễ, nay thuộc xã Nam Vân, thành phố Nam Định. | Ông vào Đảng Cộng sản Đông Dương, bị Pháp bắt tù đày ở Côn Đảo, Hỏa Lò, Sơn La, Hòa Bình… ra tù, ông tham gia phát động cao trào cách mạng tiến tới tổng khởi nghĩa. Kháng chiến toàn quốc, ông công tác ở miền Nam, giữ cương vị chủ chốt trong Xứ ủy Nam Bộ, Trung ương Cục miền Nam. Năm 1955 ông được bổ sung vào Bộ Chính trị, phụ trách công tác tổ chức của Trung ương Đảng, Giám đốc Trường Đảng Nguyễn Ái Quốc, tham gia Quân ủy Trung ương, sau trở lại miền Nam công tác. Ông là cố vấn đặc biệt của phái đoàn Chính phủ ta tại hội nghị Paris, ký hiệp định với Mỹ giải quyết hòa bình vấn đề Việt Nam. Năm 1975, ông vào Nam chỉ đạo cuộc tổng tiến công mùa xuân và chiến dịch Hồ Chí Minh thống nhất đất nước.  Với 64 năm hoạt động cách mạng liên tục, đồng chí Lê Đức Thọ đã đem tâm sức, tài năng và trí tuệ của mình cống hiến cho sự nghiệp cách mạng vẻ vang của Đảng và nhân dân ta, là một trong những học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại. Đảng và Nhà nước ta đã trao tặng Đồng chí Huân chương Sao vàng và nhiều Huân chương cao quý khác; Đảng và Nhà nước Liên Xô tặng Huân chương Cách mạng Tháng Mười; Đảng và Nhà nước Campuchia tặng Huân chương Ăngco. |
|  | Hoàng  Văn Thụ  (1906-1944) | Thôn Phạc Lạn, tổng Nhân Lý, châu Văn Uyên, nay là thôn Nhân Hòa, xã Hoàng Văn Thụ, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn | Bậc tiền bối cách mạng, dân tộc Tày, tham gia cách mạng từ năm 1927, đại biểu dự Đại hội lần thứ nhất của Đảng ở Ma Cao, Bí thư Xứ ủy Bắc Kỳ, Thường vụ Trung ương Đảng, năm 1943 ông bị Pháp bắt tại Hà Nội, kiên cường bất khuất, bị chúng kết án tử hình.  Ngày 25/8/1943, Đồng chí bị mật thám Pháp bắt tại ngõ Nam Diệm, khu Tám Mái (Hà Nội). Mặc dù bị tra tấn cực hình, đồng chí Hoàng Văn Thụ vẫn vững vàng trong tư thế hiên ngang của người chiến sĩ cộng sản trung thành với Đảng, với đồng bào, đồng chí. Không khuất phục được ý chí kiên cường của người chiến sĩ cộng sản, rạng sáng ngày 24/5/1944, kẻ thù đã xử bắn Đồng chí tại Tương Mai (Hà Nội), trong niềm đau thương vô hạn của đồng bào, đồng chí.  Ông là chủ bút nhiều tờ báo bí mật như: Tranh đấu, Lao động nhằm phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng cho đồng bào miền núi. Ông cũng sử dụng thơ ca phục vụ cho lý tưởng cách mạng của mình. Có nhiều bài Sli, lượn do Hoàng Văn Thụ sáng tác đã trở thành phổ biến và đi vào kho tàng văn nghệ dân gian dân tộc. |
|  | Trần  Quốc Toản  (1267-1285) | Người Võ Ninh, nay thuộc huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh | Năm 1282, vua Trần Nhân Tông tổ chức Hội nghị quân sự cấp cao gồm các Vương hầu và tướng lĩnh tại bến Bình Than để bàn kế sách chống giặc Mông - Nguyên. Vì còn ít tuổi nên Trần Quốc Toản không được tham dự Hội nghị để bàn việc quân.  Hổ thẹn, uất ức, Trần Quốc Toản đã bóp nát quả cam trong tay sau đó, ông đã tập hợp những người thân thuộc và trai tráng trong vùng thành đạo quân hơn 1.000 người tự sắm sửa vũ khí, chiến thuyền và cùng nhau ngày đêm luyện võ, tập trận chờ thời cơ đánh giặc. Tiếng vang của Trần Quốc Toản và lá cờ thêu sáu chữ vàng được lan truyền khắp mọi nơi. Hưng Đạo Vương khen ngợi và cho Trần Quốc Toản đem quân đến tham gia cuộc duyệt binh lớn ở Thăng Long.  Năm 1285, quân Mông - Nguyên tràn vào nước ta, Trần Quốc Toản đã trực tiếp chỉ huy đội quân hơn 1.000 người sát cánh chiến đấu với quân chủ lực của triều đình góp phần làm nên những chiến thắng vang dội ở Hàm Tử, Tây Kết, Chương Dương. Trần Quốc Toản được lệnh điều quân đến mai phục chặn đánh địch ở vùng sông Như Nguyệt. Trong trận đánh quyết liệt đó, giặc thua to nhưng không may Trần Quốc Toản đã hy sinh anh dũng khi mới 18 tuổi. Được tin Trần Quốc Toản mất, vua Trần Nhân Tông vô cùng thương tiếc. Nhà vua cho cử hành tang lễ trọng thể, đích thân làm văn tế và truy tặng Trần Quốc Toản tước Hoài Văn Vương. |
|  | Lê Lợi  (Lê Thái Tổ)  (1385-1433) | người Lam Sơn, nay thuộc huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, | Đầu năm 1416, tại núi rừng Lam Sơn trên đất Thanh Hóa, Lê Lợi cùng với 18 người bạn thân thiết, đồng tâm cứu nước đã làm lễ thề đánh giặc giữ yên quê hương. Đó là hội Thề Lũng Nhai đã đi vào sử sách.  Sau một thời gian chuẩn bị chín muồi, đầu năm 1418, Lê Lợi xưng là Bình Định Vương, truyền hịch đi khắp nơi, kêu gọi nhân dân đứng lên đánh giặc cứu nước. Lê Lợi là linh hồn, là lãnh tụ tối cao của cuộc khởi nghĩa ấy.  Sau khi đuổi hết giặc Minh về nước, Lê Lợi lên ngôi hoàng đế năm 1428, sáng lập ra vương triều Lê. Lê Lợi làm vua được 5 năm thì mất (1433), an táng tại Vĩnh Lăng, Lam Sơn, miếu hiệu là Thái Tổ. |
|  | Lý Thái Tổ (Lý Công Uẩn)  (974-1028) | quê trang Cổ Pháp (nay là phường Đình Bảng, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh) | Thời niên thiếu của Lý Công Uẩn trải qua trong môi trường Phật giáo. Năm lên ba, Lý Công Uẩn làm con nuôi cho nhà sư Lý Khánh Vân (vì thế ông mang họ Lý). Sau đó ông lại là đệ tử của Sư Vạn Hạnh và ở hẳn trong chùa Lục Tổ (còn gọi là chùa Cổ Pháp). Sau này, thiền sư Vạn Hạnh tiến cử Lý Công Uẩn triều đình phục sự cho vua Lê Đại Hành, thời gian sau Lý Công Uẩn được phong tới chức Tả thân vệ điện tiền chỉ huy sứ. Năm 1009 Lê Long Đĩnh chết. Lúc bấy giờ giới Phật giáo với các vị cao tăng danh tiếng như sư Vạn Hạnh đang có uy tín trong xã hội và trong triều đình. Họ cùng quan đại thần là Đào Cam Mộc đưa Lý Công Uẩn lên làm vua, lấy hiệu là Lý Thái Tổ, lập nên nhà Lý, đặt niên hiệu là Thuận Thiên  Lên ngôi báu, được sự nhất trí đồng lòng của muôn dân ông quyết dời đô từ Hoa Lư ra Đại La. Bộ máy hành chính được xây dựng có quy củ, cả nước chia làm 24 lộ, các thế lực cát cứ địa phương bị dẹp yên. Nhà vua đặc biệt chăm lo xây dựng cơ sở xã hội, chính trị, tư tưởng cho vương triều. Lý Công Uẩn thi hành chính sách “thân dân”, năm 1013 định lại các lệ thuế, từ thuế ruộng đất, ao hồ đến thuế bãi dâu, các thuế sản vật..., và nhiều năm xá thuế cho dân như năm 1016 xá tô thuế 3 năm, năm sau, năm 1017 lại xá tô ruộng... Vua mất vào năm 1028, ở ngôi được 19 năm. |
|  | Trần  Nhân Tông  (1258-1308) | Quê ở Tức Mặc, phủ Thiên Trường, nay thuộc thành phố Nam Định. | Ông lên ngôi vua năm 1279 đến năm 1293 nhường ngôi cho con để đi xuất gia hoằng pháp. Ông là nhà cách tân Phật pháp vĩ đại trong thế kỷ XIII - khai mở dòng thiền Trúc Lâm - Yên Tử thuần Việt, giáo hóa con người theo hướng tự hoàn thiện, gắn kết đạo - đời theo hướng nhập thế tích cực "Vui đạo giữa đời thường", Phật trong Tâm; tinh giản đường tu, giác ngộ cõi phúc lạc, tìm thấy niết bàn ngay nơi trần thế, chống mê tín dị đoan... Trên lĩnh vực tinh thần - tôn giáo, Trần Nhân Tông có nhiều đóng góp cho sự phát triển Phật giáo Việt Nam. Ông là nhà tư tưởng lớn đã vượt qua thời đại mình và để lại nhiều dấu ấn sâu sắc trong lịch sử tư tưởng Việt Nam.  Trong suốt thời gian trên ngôi vua, ông tỏ rõ tài thao lược trong trị quốc an dân, coi trọng hòa hiếu. Ông còn là thiên tài quân sự, trực tiếp tổ chức và chỉ huy hai cuộc kháng Nguyên, cùng quân dân Đại Việt kết thúc vẻ vang 30 năm chiến tranh vệ quốc vĩ đại thế kỉ XIII. Ngoài ra ông còn là nhà ngoại giao lịch lãm và thông tuệ - ông luôn luôn tôn cao thể diện quốc gia và cốt cách Quân vương Đại Việt. Là nhà văn hóa - tư tưởng, ông có công cắm mốc cho nền văn học thành văn nước nhà viết bằng chữ Nôm, với những tác phẩm truyền đời. Hơn thế, ông còn là ngọn cờ đầu trong công cuộc giáo hóa con người, bồi đắp nền thuần phong mĩ tục, thực hiện sống hòa giải và yêu thương, vững bước và kiên gan cách tân Phật pháp. Ông mất năm 1308, ở am Ngọa Vân núi Yên Tử, đưa về táng ở Đức Lăng. |
|  | Trần  Thái Tông  (1218-1277) | quê huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình | Ông là vị vua đầu tiên của nhà Trần và là vị vua rất coi trọng Phật giáo, Trần Thái Tông còn là nhà Thiền học, nhà thơ, một triết gia có những tư tưởng yêu nước, thương dân sâu sắc. Năm 1256, ông đã cho đúc 330 quả chuông đồng tại các chùa.  Ông trực tiếp chỉ huy cuộc kháng chiến chống quân Nguyên - Mông lần thứ nhất thắng lợi; nhường ngôi cho con để tập trung nghiên cứu giáo lý nhà Phật và soạn tập Khóa hư lục. Trong thời gian làm vua, Trần Thái Tông đã có công lớn lãnh đạo nhân dân Đại Việt chống lại thành công cuộc xâm lược lần thứ nhất của quân Nguyên- Mông (1257- 1258).,  Năm 1232, ông mở khoa thi Tiến sĩ, lấy đỗ tam khôi: Trạng nguyên, Bảng nhãn, Thám hoa; định lệ cứ 7 năm lại mở một khoa thi để tuyển người tài. Đến năm 1247, vua Thái Tông cho mở cả khoa thi tam giáo: Nho, Thích, Lão; rộng đường học vấn cho các sĩ tử. Sau đó, tiếp tục phát triển văn hóa, kinh tế, cho đắp đê, khai khẩn ruộng, chăm lo đời sống muôn dân. Ông thường tự mình đi về tận các làng xã thăm hỏi dân chúng và giải quyết mọi công việc ngay tại đó. Ông là vị vua mở đầu cho Triều Trần đã gần gũi với quần thần và dân chúng. Ngày mồng 1 tháng 4 năm Đinh Sửu (tức 05/5/1277), vua Trần Thái Tông qua đời, thọ 60 tuổi. |
|  | Lê  Thánh Tông  (1442-1497) | sinh ra ở điện Huy Văn | Con thứ tư của vua Lê Thái Tông với bà phi Ngô Thị Ngọc Dao, sau được đưa lên làm vua lấy niên hiệu là Quang Thuận. Ông đẩy mạnh phát triển giáo dục, đào tạo nhân tài; tích cực trong cải tổ giáo dục, có những chính sách mới về thi cử và tránh gian lận trong thi cử. Lê Thánh Tông cho xây kho bí thư chứa sách, đặc biệt đã sáng lập Hội Tao do ông là Tao Đàn chủ soái. Lê Thánh Tông là một nhà thơ và phê bình văn học, vừa sáng tác văn thơ, vừa nghiên cứu, phê bình.  Lê Thánh Tông đã lấy những quan điểm của Nho giáo làm hệ tư tưởng, chỉ đạo việc biên soạn, ban hành luật pháp, nhằm thể chế hóa một nhà nước phong kiến Đại Việt, với truyền thống nhân nghĩa, lấy dân làm gốc.  Lê Thánh Tông làm vua được 37 năm (từ năm 1460 đến 1497), đã để lại những giá trị văn hóa, xã hội như Hồng Đức thiên hạ bản đồ, Hồng Đức hình luật, Thiên Nam dư hạ tập, Hồng Đức quốc âm thi tập. |
|  | Lê Hữu Trác (Hải thượng Lãn Ông)  (1720-1791) | Liêu Xá, huyện Đường Hào (nay là Mỹ Hào), tỉnh Hưng Yên. | Lúc nhỏ, ông theo cha lên Thăng Long học. Nổi tiếng thông minh học giỏi, ông cùng một số bạn bè lập ra một “Thi xã” (Hội thơ) ở Hồ Tây để cùng nhau xướng họa. Năm 20 tuổi ông bỏ đường cử nghiệp, chuyển sang học võ, từng tham dự nhiều trận mạc, hy vọng trở thành một võ tướng có tài. Nhưng bấy giờ vua Lê chỉ còn là hư vị, Trịnh, Nguyễn, Tây Sơn còn đang giao tranh, ông chán công danh lánh về ở ẩn nơi quê mẹ là làng Thượng Phúc, huyện Hương Sơn, trấn Nghệ An. Ông chuyên tâm nghiên cứu y học, xây dựng sự nghiệp y học dân tộc để trị bệnh cứu người, với một ham muốn phần nào giúp cho xã hội bớt đi những đau khổ.  Năm 1781, ông được lệnh của Trịnh Sâm ra kinh đô Thăng Long chữa bệnh cho thế tử Trịnh Cán. Trong thời gian này ông viết “Thượng kinh ký sự” ghi lại sinh hoạt trong phủ của vua Lê, chúa Trịnh. Trịnh Sâm nể tài muốn giữ ông ở trong triều, trọng thưởng ngang với chức quan kiểm soát bộ Hộ nhưng ông chối từ và trở về Hương Sơn.  Không chỉ làm thuốc chữa bệnh, ông còn để công dạy nghề y và viết sách. Bộ “Y tông tâm lĩnh” gồm 28 tập, 66 quyển, viết trong gần 40 năm. Đây là một công trình kế thừa trước tác y học của nhiều thế hệ, được coi là bộ “Bách khoa toàn thư” y học của thế kỷ 18.  Lê Hữu Trác không những là một nhà y học, dược học vĩ đại có kiến thức uyên thâm, ông còn là nhà thơ, nhà văn xuất sắc, một nhà tư tưởng tiến bộ, thấm nhuần sâu sắc tinh thần nhân đạo. Sau khi mất ông được nhân dân và giới y học cả nước suy tôn là bậc “Y thánh của Việt Nam” và lập miếu thờ chung với Đại danh y Tuệ Tĩnh ở Hà Nội. |
|  | Nguyễn Trãi  (1380 - 1442) | Chí Linh, Hải Dương. | Năm 1400, Hồ Quý Ly lật đổ nhà Trần và tiếp tục thi hành các cải cách như chính sách hạn nô, hạn điền, tổ chức lại giáo dục, thi cử và y tế. Sau khi lên ngôi Vua, Hồ Quý Ly mở khoa thi. Trong khoa này Nguyễn Trãi ra ứng thí và đỗ Thái học sinh (tiến sĩ) năm ông 20 tuổi. Hồ Quý Ly cử ông giữ chức Ngự sử đài chánh chưởng. Còn cha ông là Nguyễn Phi Khanh đỗ bảng nhãn từ năm 1374, được Hồ Quý Ly cử giữ chức Đại lý tự khanh Thị lang tòa trung thư kiêm Hàn lâm Viện học sĩ tư nghiệp Quốc Tử Giám.  Năm 1406, Minh Thành Tổ sai Trương Phụ mang quân sang xâm lược, nhà Hồ đem quân ra chống cự, nhưng bị đánh bại. Sau một thời gian bị giam lỏng ở Đông Quan (tức Thăng Long), Nguyễn Trãi vượt được vòng vây của giặc vào Thanh Hóa theo Lê Lợi và trao cho Lê Lợi bản chiến lược đánh đuổi quân Minh mà sử sách Việt Nam gọi là Bình Ngô sách. Sau khi đã đánh đuổi ngoại xâm, Nguyễn Trãi được phong tước Quan phục hầu, liệt vào hạng khai quốc công thần đệ nhất. Triều vua Lê Thái Tông được làm Nhập nội hành khiển (tức Tể tướng). Năm 60 tuổi, về trí sĩ tại Côn Sơn (thuộc huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương).  Năm 1442, cả gia đình ông bị hãm hại (tru di tam tộc) khiến cho người đương thời vô cùng thương tiếc. Năm 1464, vua Lê Thánh Tông hạ chiếu minh oan cho Nguyễn Trãi, truy tặng quan tước và tìm hỏi con cháu còn sót lại. Năm 1980, nhân dịp kỷ niệm 600 năm ngày sinh của Nguyễn Trãi, tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên Hợp Quốc UNESCO đã công nhận ông là danh nhân văn hóa thế giới. |
|  | Đặng  Thùy Trâm (1942-1970) | Quê quán tại thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên, nay là tỉnh Thừa Thiên – Huế. | Năm 1961, Đặng Thùy Trâm thi đỗ vào Trường Đại học Y khoa Hà Nội. Với những thành tích học tập và hoạt động xuất sắc, đồng chí Đặng Thùy Trâm được Trường Đại học Y khoa Hà Nội cho tốt nghiệp sớm hơn một năm với tấm bằng hạng ưu. Sau khi tốt nghiệp, Đồng chí tình nguyện vượt Trường Sơn vào công tác tại chiến trường Quảng Ngãi.  Tháng 3/1967, đồng chí Đặng Thùy Trâm được phân công phụ trách Bệnh xá Đức Phổ, Quảng Ngãi. Suốt thời gian ở Bệnh xá, đồng chí cùng với các đồng nghiệp đã cứu chữa cho hàng nghìn nhân dân Đức Phổ và thương binh. Ngày 27/9/1968, đồng chí Đặng Thùy Trâm được kết nạp vào Đảng. Năm 1970, trong một chuyến công tác từ vùng núi Ba Tơ về đồng bằng, Bệnh xá Đức Phổ bị lính Mỹ tập kích và đồng chí Đặng Thùy Trâm anh dũng hy sinh khi chưa tròn 28 tuổi đời.  Sau khi tập kích bắn phá Bệnh xá Đức Phổ, Fredric Whitehurst - một lính Mỹ, tại chiến trường Đức Phổ, Quảng Ngãi tìm thấy một cuốn sổ tay được bọc bằng vải, định châm lửa đốt nhưng người thông dịch của ông đã cản: "Đừng đốt. Bản thân nó đã có lửa rồi!". Nghe lời khuyên, người lính Mỹ ấy đã không đốt quyển sổ tay. Đó là cuốn nhật ký của nữ chiến sĩ, bác sĩ Đặng Thùy Trâm. Năm 2006 Nhà nước ta đã truy tặng Đồng chí danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. |
|  | Bà Triệu (Triệu Thị Trinh)  (226-248) | Sơn Trung  (Nông Cống - Thanh Hóa) | Bà Triệu còn được gọi là Triệu Ẩu, Triệu Trinh Nương, Triệu Thị Trinh, là em gái Triệu Quốc Đạt, một Huyện lệnh có thế lực trong vùng. Năm 20 tuổi, bà đã chiêu nạp trai tráng trong vùng, luyện tập võ nghệ sau đó hợp binh với anh nổi dậy khởi nghĩa.  Khởi nghĩa bắt đầu vào năm 246-247, tại vùng núi Nưa (thuộc Kẻ Nưa - Cổ Định, huyện Nông Cống, nay là huyện Triệu Sơn). Triệu Thị Trinh cùng anh trai đã thảo hịch kể tội ác giặc Ngô đối với nhân dân ta và kêu gọi mọi người đứng lên đánh giặc cứu nước. Ngay khi lời hịch truyền đi và cờ khởi nghĩa giương lên đã được đông đảo nhân dân trong vùng hưởng ứng. Khi Triệu Quốc Đạt mất, bà được nghĩa quân tôn làm chủ soái, xưng là Nhuỵ Kiều tướng quân (giặc Ngô thì gọi bà là Lệ Hải Bà Vương). Triệu Thị Trinh có một khí phách rất hùng dũng của một người chỉ huy quân sự và có ý chí khôi phục giang sơn mãnh liệt. Sau một thời gian chuẩn bị, Bà Triệu cùng nghĩa quân đã vượt sông Chu đến vùng Núi Nưa cách quê hương mình hơn 30km để lập căn cứ, chuẩn bị tràn xuống đồng bằng. Bà được đông đảo nhân dân Cửu Chân đã khâm phục và gia nhập nghĩa quân. Từ Cửu Chân, cuộc khởi nghĩa đã nhanh chóng lan ra Giao Chỉ và vào tận Cửu Đức, Nhật Nam. Triều đình Ngô tức tốc cử tướng quân Lục Dận (cháu họ viên danh tướng Lục Tốn) sang làm thứ sử Giao Châu, đem tám nghìn quân sang đàn áp cuộc khởi nghĩa.  Triệu Thị Trinh cùng quân sỹ củng cố lực lượng ra sức chống Ngô, do lực lượng non trẻ, binh ít, thế cô trong một trận huyết chiến vào năm 248 tại khu căn cứ Bồ Điền, Bà Triệu đã anh dũng ngã xuống trong sự tiếc thương, kính phục từ nhân dân. |
|  | Phan  Châu Trinh  (1872-1926): | Làng Tây Lộc, huyện Tiền Phước, tỉnh Quảng Nam | Năm 1900, ông thi Hương đỗ Cử nhân, năm sau thi Hội đỗ Phó bảng, được bổ nhiệm làm Thừa biện Bộ Lễ trong triều đình Huế. Nhưng chỉ ít lâu sau, ông từ quan về liên lạc với các nhà yêu nước như Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp đề xướng phong trào Duy Tân và bắt đầu hoạt động khá tích cực ở các tỉnh miền Trung.  Năm 1906, Phan Châu Trinh sang Nhật gặp Phan Bội Châu, nhưng hai người có ý kiến bất đồng về phương pháp đấu tranh cứu nước. Năm 1908 ông ùng với nhiều chí sĩ khác, bị bắt và đầy đi Côn đảo. Sau 3 năm ra tù, Phan Châu Trinh xin sang Pháp với ý định tranh thủ hội Nhân quyền Pháp để đòi chính quyền thực dân ở Đông Dương cải cách chính trị, tôn trọng dân quyền.  Trong chiến tranh thế giới thứ nhất (1914-1918), Phan Châu Trinh bị Chính phủ Pháp bắt giam ở ngục Xăngtê (Santé) 15 tháng. Sau đó, ông tiếp tục sống trên đất Pháp cố gắng tìm hiểu tình hình chính trị thế giới, tiếp xúc với một số nhà tri thức yêu nước tiến bộ của Việt Nam sống tại Pháp, đặc biệt có mối quan hệ mật thiết với Nguyễn Ái Quốc từ những năm 1917-1923.  Năm 1925, Phan Châu Trinh trở về nước, tiếp tục hoạt động theo đường lối cũ, kêu gọi dân quyền, dân sinh, dân khí… Ông có 2 buối diễn thuyết tại Sài Gòn về đề tài: Quân trị và dân trị chủ nghĩa, Đạo đức và luân lí Đông Tây. Sau đó, ông lâm bệnh mất ngày 24/3/1926. Nhiều nơi, trong đó có Hà Nội tổ chức lễ truy điệu ông. |
|  | Đinh  Công Tráng  (1842-1887) | Huyện Thanh Liêm, Hà Nam | Ông là một cựu chánh tổng tại làng Tràng Xá. Khi quân Pháp tiến hành công cuộc xâm chiếm Bắc Kỳ lần thứ 2 (năm 1882), Đinh Công Tráng đã tham gia chiến đấu trong đội quân của Hoàng Tá Viêm và phối hợp với Lưu Vĩnh Phúc đánh Pháp, ông đã đánh bại Rivière (chỉ huy của Pháp) tại trận Cầu Giấy ngày 19/5/1883.  Năm 1885, sau khi kinh thành Huế thất thủ, tướng Tôn Thất Thuyết đưa vua Hàm Nghi lên chiến khu Tân Sở (Quảng Trị) ban dụ Cần Vương kêu gọi toàn dân kháng chiến. Năm 1886, Đinh Công Tráng cùng với Trần Xuân Soạn và một số văn thân, thổ hào yêu nước như: Phạm Bành, Nguyễn Khế, Hà Văn Mao, Cầm Bá Thước, Hoàng Bật Đạt, Lê Toại lập chiến khu kháng chiến lâu dài tại ba làng Mậu Thịnh, làng Thượng Thọ và lành Mỹ Khê làm căn cứ kháng chiến lâu dài.  Cuối năm 1886, quân Pháp tập trung lực lượng khá mạnh với 500 quân, có đại bác yểm hộ tấn công vào căn cứ Ba Đình nhưng bị thất bại.  Năm 1887, Pháp cử Đại tá Bờ-rit-xô (Brissaud) sang Việt Nam trực tiếp đảm nhiệm việc đánh phá căn cứ Ba Đình. Vào ngày 06 tháng 01 năm 1887, Bờ-rit-xô huy động 2.500 quân lính chia làm ba mũi cùng với sự yểm trợ của pháo binh đánh vào căn cứ. Đinh Công Tráng cùng các thủ lĩnh khác đã tổ chức cho nghĩa quân phá vòng vây của địch rồi rút lui về căn cứ Mã Cao vào đêm 20/01/1887.  Ít lâu Đinh Công Tráng cùng nghĩa quân rút lui lên miền tây Thanh Hóa sát nhập vào đội nghĩa quân của Cầm Bá Thước. Sau đó Đinh Công Tráng vào Nghệ Tĩnh định liên hệ với nghĩa quân Phan Đình Phùng để tiếp tục xây dựng lại phong trào kháng chiến, nhưng ông vừa đến làng Tang Yên, huyện Đô Lương thì bị địch vây bắt, ông hi sinh vào ngày 06/10/1887. |
|  | Trần  Bình Trọng  (1259-1285) | Huyện Thanh Liêm, Hà Nam | Năm 1285, năm mươi vạn quân Nguyên - Mông do Trấn Nam vương Thoát Hoan, con trai của Hoàng đế nhà Nguyên Hốt Tất Liệt cầm đầu chia quân làm ba cánh tấn công xâm lược Đại Việt. Trần Bình Trọng cho nhiệm vụ giữ vùng Đà Mạc - Thiên Mạc, ngăn chặn và cầm chân quân Nguyên, đảm bảo cho bộ chỉ huy quân kháng chiến rút lui an toàn.  Tại trận chiến Trần Bình Trọng đã sử dụng lối đánh cảm tử, chấp nhận hy sinh đến người lính cuối cùng nhưng đồng thời phải kéo dài được về mặt thời gian, gây lên sự khiếp đảm cho đại quân Nguyên - Mông. Trận huyết chiến không cân sức đó Trần Bình Trọng bị thương tích đầy mình và bị giặc bắt.  Tướng giặc tìm mọi cách vừa dọa nạt, vừa dụ dỗ nhưng Trần Bình Trọng kiên quyết không khuất phục, khẳng khái trả lời “Ta thà làm quỷ nước Nam, chứ không thèm làm vương đất Bắc”. Không thể khuất phục được Trần Bình Trọng, quân Nguyên - Mông buộc phải giết ông vào ngày 21 tháng Giêng năm Ất Dậu (26/02/1285). |
|  | Lý Tự Trọng  (1913-1931) | Xã Thạch Minh, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh | Lên 10 tuổi, ông được Tổng bộ Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội ở Trung Quốc chọn đưa về Quảng Châu ăn học. Tại đây, Lê Hữu Trọng được đồng chí Nguyễn Ái Quốc đổi tên là Lý Tự Trọng. Trong thời gian theo học, ông được giao nhiệm vụ làm liên lạc, giúp việc tại cơ quan Tổng bộ Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội ở Quảng Châu. Năm 1929, Lý Tự Trọng về Sài Gòn đổi tên là Nguyễn Huy để dễ bề tiếp xúc với quần chúng và hoạt động.  Năm 1931, Xứ ủy Nam Kỳ tổ chức cuộc mít-tinh kỷ niệm một năm ngày khởi nghĩa Yên Bái tại Sài Gòn. Cuộc mít-tinh vừa kết thúc, bọn cảnh sát và mật thám ập tới. Lý Tự Trọng có sẵn súng lục trong tay, bắn liền hai phát, Lơ-gơ-răng gục xuống chết ngay tại chỗ. Sau đó, Lý Tự Trọng và Phan Bôi bị chúng bắt đưa về bót Catinat, giam cầm và tra tấn dã man.  Ngày 18/4/1931, Tòa Thượng thẩm Sài Gòn đã đưa ra xét xử và kết án tử hình Lý Tự Trọng và 20 năm khổ sai đày ra Côn Đảo đối với Phan Bộ Châu. Sáng ngày 21/11/1931 thực dân Pháp dựng máy chém ở ngay khám lớn Sài Gòn để giết anh trong im lặng nhưng tấm gương đấu tranh kiên cường anh dũng luôn được lưu truyền. |
|  | Nguyễn Văn Trỗi (1940-1964) | Xã Điện Thắng, huyện Điện Bàn, Quảng Nam | Năm 1963, trong phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân Sài Gòn chống xâm lược, anh được giác ngộ cách mạng và được kết nạp vào Ðoàn Thanh niên, trở thành một chiến sĩ trong tổ chức Biệt động thành, Ðại đội quyết tử cánh Tây Nam Sài Gòn.  Năm 1964, anh được đưa ra căn cứ học chính trị và tập huấn cách đánh biệt động nội thành ở căn cứ Rừng Thơm, Ðức Hòa, Long An. Tại đây, anh gặp các đồng đội Ba Sơn, Tư Kiếm, Nguyễn Hữu Lời. Sau lớp học, bốn người được tổ chức thành một tổ hoạt động và được chỉ thị mục tiêu đánh Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Mỹ Robert McNamara. Tháng 3/1964, sau khi thống nhất kế hoạch, cả 4 người chia nhau theo dõi hành trình của McNamara khi sang Sài Gòn.  Ngày 02/5/1964, Nguyễn Văn Trỗi nhận nhiệm vụ đặt mìn ở cầu Công Lý để ám sát phái đoàn quân sự chính trị cao cấp của Chính phủ Mỹ do Bộ trưởng Quốc phòng Robert McNamara dẫn đầu. Nguyễn Văn Trỗi và người đồng đội Nguyễn Hữu Lời đã bị bắt khi đang làm nhiệm vụ vào lúc 22 giờ ngày 09/5/1964.  Ngày 10/8/1964, anh Nguyễn Văn Trỗi và Nguyễn Hữu Lời bị đưa ra tòa án quân sự chính quyền Sài Gòn và bị kết án tử hình. Ông bị xử bắn tại sân sau nhà lao Chí Hòa lúc 9 giờ 45 phút ngày 15 tháng 10 năm 1964, trước sự chứng kiến của nhiều phóng viên nước ngoài. |
|  | Hai Bà Trưng  (tức là Trưng Trắc và Trưng Nhị )  (không rõ năm sinh) | Huyện Mê Linh (ngoại thành Hà Nội ngày nay) | Trưng Trắc là vợ của Thi Sách, con trai Lạc tướng Chu Diên. Tuy nhiên các Lạc tướng Mê Linh và Chu Diên có ý chống lại sự cai trị tàn bạo của Thái thú Tô Định. Nên Tô Định đã bắt giết Thi Sách để trấn áp tinh thần người Việt.  Tháng 02/40, Trưng Trắc cùng Trưng Nhị nổi binh chống lại quân Hán. Các quận Cửu Chân, Nhật Nam, Hợp Phố đều hưởng ứng. Hai bà lấy được 65 thành ở Lĩnh Nam. Trưng Trắc tự lập làm vua, xưng là Trưng Nữ Vương, đóng đô ở Mê Linh.  Năm 42, Mã Viện mang quân sang đàn áp, Hai Bà cùng toàn dân kiên quyết kháng chiến, nhưng thế yếu, chống lại không nổi, hai chị em bà đã anh dũng tuẫn tiết ở Cấm Khê vào ngày 06 tháng 02 năm Quý Mão (năm 43). |
|  | Nguyễn  Công Trứ (1778-1858) | Làng Uy Viễn, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh. | Năm 1819, ông đỗ giải nguyên, làm tri huyện. Năm 1820, Nguyễn Công Trứ giữ chức Hành tẩu ở Quốc sử quán. Sau đó ông liên tiếp giữ các chức Tri huyện Đường Hào, Hải Dương (1823), Tư nghiệp Quốc tử Giám (năm 1824), Phủ thừa phủ Thừa Thiên (1825), Tham tán quân vụ, rồi thăng Thị lang Bộ hình (năm 1826). Năm 1828, ông được thăng Hữu tham tri Bộ hình, sung chức Dinh điền sứ, chuyên coi việc khai khẩn đất hoang. Năm 1832, ông được bổ chức Bố Chánh sứ Hải Dương, cùng năm thăng Tham tri Bộ binh, giữ chức Tổng đốc tỉnh Hải An... Sau nhiều năm thăng gián, Năm 1847 ông xin về hưu đến năm 1848 mới được chấp thuận.  Trong quá trình làm quan, những việc ông làm, có ích lợi thiết thực và to lớn cho nhân dân chính là công cuộc khẩn hoang. Đó là tấu xin nhà nước cấp tiền gạo để chiêu tập dân nghèo đi khai khẩn. Sau đó hướng dẫn nông dân khai phá một vùng đất đai rộng lớn ven biển thuộc các tỉnh Ninh Bình và Thái Bình, lập nên hai huyện Tiền Hải và Kim Sơn. Tiếp theo ông chỉ huy việc khai khẩn vùng đất ven bờ biển tỉnh Quảng Yên, Hải Dương... Nhân dân các vùng khai hoang rất biết ơn ông. Họ lập đền thờ ông ngay khi ông còn sống. Nguyễn Công Trứ còn là nhà thơ có một vị trí đáng kể trong văn học Việt Nam. Thơ văn của ông mang màu sắc thời đại rõ rệt. |
|  | Nguyễn  Trung Trực (1838-1868) | Phủ Tân An, tỉnh Định Tường (nay thuộc Long An). | Năm 1861, Nguyễn Trung Trực cùng nghĩa quân đốt cháy tàu Espérance của giặc Pháp trên vàm Nhật Tảo và tiêu diệt nhiều tên địch lập nên chiến công vang dội. Tiếp theo nghĩa quân mở hàng loạt cuộc tấn công khác đánh vào tàu địch ở Bến Lức, Sông Tra…, làm cho quân Pháp lúng túng, bị động. Với chiến công trên vàm Nhật Tảo, Nguyễn Trung Trực được triều đình phong tặng chức quản cơ, xếp vào hàng chánh tứ phẩm.  Cuối tháng 6/1867, thực dân Pháp chiếm Vĩnh Long, tiếp đó là các tỉnh An Giang và Hà Tiên. Rạng sáng ngày 16/6/1868, ông chỉ huy nghĩa quân tấn công đồn Kiên Giang, toàn bộ quân Pháp và lính giữ đồn bị tiêu diệt.  Ngày 19/9/1868, giặc Pháp đưa hơn 100 lính Mã tà ra Phú Quốc, tấn công Hàm Ninh; sau đó chúng tăng cường thêm viện binh tấn công Dương Đông. Chúng bao vây, khủng bố, khống chế gắt gao nhân dân trên đảo hòng cô lập và triệt hạ nghĩa quân.  Sau khi bắt được Nguyễn Trung Trực, giặc Pháp đưa ông về Sài Gòn, giam tại Khám lớn và ra sức mua chuộc, dụ dỗ ông nhưng ông cương quyết từ chối. Biết không thể khuất phục được Nguyễn Trung Trực, ngày 27/10/1868, thực dân Pháp đã xử chém ông tại Rạch Giá, khi ông mới 30 tuổi. Nhiều nơi ở miền Tây Nam Bộ, nhân dân lập đình thờ ông Nguyễn Trung Trực. |
|  | Đào Duy Từ  (1572-1634) | Huyện Tĩnh Gia, Thanh Hóa | Đào Duy Từ là một người thông minh, học giỏi, năm 14 tuổi vào học trường của Hương cống Nguyễn Đức Khoa. Thời gian sau đó ông đi thi Hương ở Thanh Hóa, nhưng vì ông con nhà phường chèo nên đã bị gạch bỏ tên, không cho vào thi.  Sau khi Nguyễn Hoàng mất, con trai Nguyễn Phúc Nguyên đã tiếp tục xây dựng cơ đồ mà cha ông để lại. Ông đã gặp và được Đào Duy Từ giúp cho vững xây cơ đồ, mở ra một thời kỳ vàng son cho sự phát triển của triều đại các chúa Nguyễn ở phương Nam.  Năm 1625-1634, Đào Duy Từ đã kịp xây dựng được một định chế chính quyền rất được lòng dân. Do vậy, sau đời chúa Nguyễn Phúc Nguyên còn truyền thêm được bảy đời nữa. Ông đã giúp chúa Nguyễn giữ vững cơ nghiệp ở Đàng Trong chống cự thành công với họ Trịnh ở phía Bắc; Mở đất phương Nam làm cho Nam Việt thời ấy trở nên phồn thịnh; Đặt nền móng vững chắc cho triều Nguyễn, sửa sang chính trị, quan chế, thi cử, võ bị, thuế khóa, nội trị, ngoại giao… Trong đó việc nghĩ ra các kế sách giúp chúa Nguyễn đối phó để không phải chịu sự quản lý của vua Lê chúa Trịnh đã gắn liền với các giai thoại được dân gian truyền tụng đến ngày nay. Là nhà quân sự, nhà thơ và nhà văn hóa, danh thần thời chúa Nguyễn Phúc Nguyên.  Đào Duy Từ mất năm 1634. Chúa Nguyễn thương tiếc truy tặng ông “Hiệp mưu đồng đức công thần, đặc tiến trụ Quốc Kim tử Vĩnh Lộc đại phu Thái thượng tự khanh Lộc khê hầu”. Năm Gia Long thứ tư (1804), xét công trạng các khai quốc công thần, Đào Duy Từ được xếp vào hạng Thượng đẳng, được thờ phụng ở Thái Miếu, năm Gia Long thứ chín (1810) được liệt thờ ở Miếu Khai quốc công thần, năm Minh Mệnh thứ 12 (1831) truy phong Đông cát Đại học sĩ, Thái sư hoàn Quốc công. |
|  | Hàn Mặc Tử  (1912-1940) | Làng Lệ Mỹ, huyện Đồng Lộc, tỉnh Đồng Hới (nay là tỉnh Quảng Bình). | Tên thật là Nguyễn Trọng Trí. Hàn Mặc Tử là bút danh, năm 14 tuổi ông đã làm thơ Đường luật đăng báo với bút danh Minh Duệ Thị. Năm 1930 đoạt giải nhất trong cuộc thi thơ do một thi xã tổ chức. Cùng Chế Lan Viên lập trường thơ Loạn. Ông sử dụng nhiều bút danh: Phong Trần, Lệ Thanh, Minh Duệ Thị rồi cuối cùng là Hàn Mặc Tử. Tác phẩm gồm có: Lệ Thanh thi tập, Gái quê, Đau thương (còn gọi là Thơ điên), Xuân như ý, Thượng thanh khí, Cầm châu duyên (gồm 02 vở kịch thơ: Duyên kỳ ngộ và Quần tiên hội)…Hàn Mặc Tử học tiểu học ở Qui Nhơn, trung học ở Huế, có thời gian làm ở Sở Đạc điền (Qui Nhơn). Năm 1934-1935 theo Thúc Tề vào Sài Gòn làm báo (viết báo Công luận, phụ trách trang văn báo Sài Gòn), về sau lại trở ra Qui Nhơn. Năm 1936 bị mắc bệnh phong, phải vào nhà thương Qui Hòa và qua đời ở đó. |
|  | Ngô Gia Tự  (1908-1935) | Xã Tam Sơn, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. | Năm 1925, Ngô Gia Tự tham gia phong trào đấu tranh đòi thực dân Pháp thả nhà yêu nước Phan Bội Châu. Một năm sau, do tích cực hưởng ứng phong trào đấu tranh đòi truy điệu cụ Phan Châu Trinh, Ngô Gia Tự đã bị Giám đốc Trường Bưởi đuổi học vì “tội” chống lại “Chính phủ bảo hộ”. Giữa năm 1926, Ngô Gia Tự được kết nạp vào Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên. Năm 1927 sang Quảng Châu dự huấn luyện, về nước được vào Tỉnh bộ Bắc Ninh, Kỳ bộ Bắc Kỳ. Ông là một trong bảy người lập Chi bộ Đảng Cộng sản đầu tiên ở phố Hàm Long (3-1929). Thành lập Đảng, ông làm Bí thư lâm thời Xứ ủy Nam Kỳ. Cuối năm 1930 bị bắt và kết án tù chung thân, 1933 đày ra Côn Đảo. Tháng 01-1935, ông cùng một số đồng chí vượt Côn Đảo và mất tích giữa biển Đông. |
|  | Nguyễn Huy Tưởng  (1912-1960) | Làng Dục Tú, phủ Từ Sơn, Bắc Ninh (nay thuộc huyện Đông Anh, Hà Nội) | Năm 1930, khi còn là học sinh, Nguyễn Huy Tưởng tham gia phong trào yêu nước của thanh niên học sinh ở Hải Phòng. Năm 1935, ông làm thư ký nhà Đoan (Thuế quan) ở Hải Phòng, sau đó quay về Hà Nội. Năm 1938, ông tham gia Hội Truyền bá Quốc ngữ và phong trào hướng đạo sinh ở Hải Phòng. Năm 1943, ông gia nhập nhóm Văn hóa cứu quốc bí mật và được bầu làm Tổng thư ký Hội Truyền bá Quốc ngữ Hải Phòng. Năm 1943 tham gia Văn hóa cứu quốc, đại biểu dự hội nghị Tân Trào. Sau cách mạng Tháng Tám, hoạt động văn nghệ. Kháng chiến, lên Việt Bắc góp phần thành lập và xây dựng Hội văn nghệ Việt Nam. Hòa bình lập lại, ông thành lập và là Giám đốc đầu tiên của Nhà xuất bản Kim Đồng- Nhà xuất bản sách cho thiếu nhi đầu tiên dưới chế độ mới. Ông là nhà văn Hà Nội viết nhiều tác phẩm xuất sắc về Hà Nội, nhất là tiểu thuyết Sống mãi với thủ đô và kịch bản Lũy Hoa. |
|  | Dã Tượng | Quê ở tỉnh Hải Dương | Là gia tướng của Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn.  Dã Tượng là người có tài thuần phục và huấn luyện voi chiến. Ông đã lập nhiều chiến công trong kháng chiến chống Nguyên - Mông, đời Trần, ông đóng góp đắc lực, tận tình bảo vệ chủ tướng thoát khỏi vòng vây của giặc và tham gia nhiều trận đánh lớn đánh bại Ô Mã Nhi, Toa Đô. Dã Tượng là bậc gia tướng chẳng những giỏi về chiến đấu, mà còn biết đặt lợi ích dân tộc lên trên hết, xem nhẹ bổng lộc triều đình. Ông và Yết Kiêu đã cương quyết vì nước mà cho rằng chủ tướng Trần Quốc Tuấn nên đặt lợi ích dân tộc Việt lên trên thù riêng vụn vặt. Chính vì sự khẳng khái đó, ông đã được Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn xem như bậc đại trượng phu và dân chúng tôn thờ. |
|  | Lê Anh Xuân  (1940 - 1968) | Xã [Tân Thành Bình](https://vi.wikipedia.org/wiki/T%C3%A2n_Th%C3%A0nh_B%C3%ACnh), huyện [Mỏ Cày](https://vi.wikipedia.org/wiki/M%E1%BB%8F_C%C3%A0y_(huy%E1%BB%87n)) (nay thuộc huyện [Mỏ Cày Bắc](https://vi.wikipedia.org/wiki/M%E1%BB%8F_C%C3%A0y_B%E1%BA%AFc)), tỉnh [Bến Tre](https://vi.wikipedia.org/wiki/B%E1%BA%BFn_Tre) | Tên thật là Ca Lê Hiến, cha là Giáo sư Ca Văn Thỉnh. Năm 12 tuổi, Lê Anh Xuân đi theo kháng chiến, vừa học văn hóa, vừa tập việc ở Nhà in Trịnh Đình Trọng, thuộc Sở Giáo dục Nam Bộ trong chiến khu.  Năm 1954, Lê Anh Xuân theo gia đình tập kết ra Bắc, học ở các trường học sinh miền Nam, Trường Phổ thông trung học Nguyễn Trãi (Hà Nội), rồi vào Khoa Sử, Trường Đại học tổng hợp Hà Nội. Sau khi tốt nghiệp đại học, Lê Anh Xuân được giữ lại trường làm cán bộ giảng dạy và được cử đi nghiên cứu sinh ở nước ngoài, nhưng anh đã từ chối, xin được về quê hương chiến đấu. Cuối năm 1964, Lê Anh Xuân đã vượt Trường Sơn về Nam, công tác ở Tiểu ban Giáo dục thuộc Ban Tuyên huấn Trung ương Cục miền Nam, sau đó công tác ở Hội Văn nghệ Giải phóng miền Nam. Năm 1966, Lê Anh Xuân vinh dự được đứng vào hàng ngũ của Đảng.  Lê Anh Xuân tham gia đợt 2 Tổng công kích, tổng khởi nghĩa Mậu Thân cùng số văn nghệ sĩ khác. Trên đường tiến công vào Sài Gòn, tháng 5/1968, đến ấp Phước Quảng, xã Phước Lợi, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, anh hy sinh trong một trận chống càn của giặc Mỹ. Lê Anh Xuân có 3 tập thơ đã xuất bản *"*Tiếng gà gáy", "Hoa dừa", "Trường ca Nguyễn Văn Trỗi", trong đó có bài thơ nổi tiếng "Dáng đứng Việt Nam". Năm 2001, Lê Anh Xuân được truy tặng Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật và được truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang năm 2011. |
|  | Bùi Thị Xuân  (?-1802) | Phủ Quy Nhơn, tỉnh Bình Định | Năm 1771, Bùi Thị Xuân tham gia phong trào Tây Sơn và được Nguyễn Nhạc giao trọng trách thuần dưỡng voi chiến, huấn luyện tân binh. Chỉ trong một thời gian ngắn Bà đã huấn luyện thuần thục hàng trăm voi chiến. Năm 1778, vua Thái Đức Nguyễn Nhạc phong Bà chức Đô đốc chỉ huy quân cấm vệ bảo vệ kinh thành Hoàng Đế. Năm 1785, tham gia những trận chiến Đàng trong và góp phần làm nên chiến thắng Rạch Gầm - Xoài Mút tiêu diệt 5 vạn quân Xiêm xâm lược. Từ 1786 đến 1792, Bùi Thị Xuân cùng chồng là Thiếu phó Trần Quang Diệu, dưới lá cờ đại nghĩa Tây Sơn đã cùng Nguyễn Huệ nhiều lần vào Nam ra Bắc tiêu diệt các thế lực phong kiến cát cứ Lê, Trịnh, Nguyễn, xóa bỏ ranh giới sông Gianh chia cắt đất nước trên 200 năm. Đến thời vua Quang Toản thất thế, vợ chồng bà và con cái bị nhà Nguyễn bắt và hành hình. Bà hy sinh lẫm liệt, giữ tròn tiết tháo. |
|  | Nguyễn  Viết Xuân (1933 – 1964) | Thôn Thượng, xã Ngũ Kiên, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc. | Ngày 05/11/1952, Ông nhập ngũ và trở thành chiến sỹ của C3 Đoàn 99. Sau đó Ông trở thành chiến sỹ trinh sát của C832 D396. Ngày 18/11/1964, tại trận địa phòng không miền Tây tỉnh Quảng Bình. Máy bay phản lực Mỹ nhằm vào trận địa ném bom. Anh em trong đơn vị chưa quen bắn pháo nên có phần lúng túng, Ông đã kịp thời động viên: “các đồng chí hãy vững vàng, dũng cảm nhìn thẳng máy bay mà bắn.  Ngày 19/11/1964, Nguyễn Viết Xuân hi sinh nhưng lời hô bất hủ của Ông **“**Nhằmthẳng quân thù, bắn!**”** còn vang vọng. Cảm phục trước tấm gương hy sinh anh dũng, toàn quân đã noi gương Ông. Tổ quốc ghi nhớ công lao của Ông. Ngày 01/01/1967, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Quyết định truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân cho liệt sĩ Nguyễn Viết Xuân. |
|  | Chế Lan Viên  (1920-1989) | Xã Cam An, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị, | Năm 1939, Chế Lan Viên ra học tại Hà Nội, trở vào Sài Gòn làm báo, sau đó ra Thanh Hóa dạy học. Cách mạng Tháng Tám nổ ra, Chế Lan Viên tham gia phong trào cách mạng tại Bình Định, Thừa Thiên - Huế. Năm 1949, Chế Lan Viên gia nhập Đảng Cộng sản Đông Dương. Năm 1954, Chế Lan Viên tập kết ra Bắc làm biên tập viên báo “Văn học”.  Sau năm 1975, Chế Lan Viên vào sống tại Thành phố Hồ Chí Minh. Ông mất ngày 19/6/1989 tại Thành phố Hồ Chí Minh, thọ 69 tuổi. Năm 1996, ông được Nhà nước truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học Nghệ thuật.  Trong cuộc đời sáng tác, nhà thơ Chế Lan Viên để lại nhiều tác phẩm giá trị ở cả thể loại thơ, văn, tiểu luận phê bình. Đáng chú ý là các tập thơ: “Điêu tàn”, “Ánh sáng và phù sa”, “Hoa ngày thường - Chim báo bão”, “Những bài thơ đánh giặc”, “Đối thoại mới”, “Hoa trên đá”, các tập văn “Vàng sao”, “Những ngày nổi giận”, “Bác về quê ta”, “Giờ của đô thành”... Trong đó, có nhiều bài thơ được các thế hệ độc giả yêu mến như “Người đi tìm hình của nước”, “Tiếng hát con tàu”, “Tổ quốc bao giờ đẹp thế này chăng?”... |
|  | An Dương Vương | Thế kỷ III trước công nguyên | An Dương Vương có họ là Thục, tên là Phán, người Ba Thục.  Vua Hùng Vương và họ Thục Phán chống cuộc xâm lược của quân Tần thắng lợi đến năm 257 trước Công nguyên, ông lên ngôi thay thế Hùng Vương lấy hiệu An Dương Vương, đặt tên nước là Âu Lạc, đóng đô ở Phong Khê (Đông Anh - Hà Nội) và ở ngôi được 50 năm.  An Dương Vương lập nước Âu Lạc, đánh dấu bước phát triển mới, nối tiếp sau quá trình dựng nước Văn Lang, là sự liên kết, hòa nhập của hai cộng đồng người Việt cổ gồm Lạc Việt và Tây Âu trở thành cộng đồng mới là Âu Lạc, lập nên quốc gia Âu Lạc hùng mạnh, dựng đô ở thành Cổ Loa, phá được Tần, buổi đầu ngăn được Triệu, tiếp tục phát triển nền văn hóa truyền thống ngàn năm của Văn Lang trước đó. Âu Lạc là một nước có lịch sử tồn tại và phát triển trong 78 năm (từ năm 257 trước Công nguyên đến 179 trước Công nguyên).  An Dương Vương cho xây thành Cổ Loa với bố cục gồm ba vòng tường đất khép kín với tên gọi dân gian theo trình tự từ trong ra ngoài là thành Nội, thành Trung và thành Ngoại. Cả ba vòng thành đều có ngoại hào, giữa các hào có đường nước nối liền nhau và ăn thông ra sông Hoàng Giang. Ngoài ba vòng thành và hào bao quanh, có nhiều đoạn lũy, ụ đất phấn bố rải rác bên trong thành sử dụng như là những điểm phòng vệ. |
|  | Hùng Vương |  | Hùng Vương là tôn xưng vương hiệu của 18 đời vua, thuộc họ Hồng Bàng, Thủy tổ dân tộc Việt Nam. Theo “Hùng triều ngọc phả” và “Thiên Nam bảo lục diễn ca” thì bắt đầu từ Kinh Dương Vương Lộc Tục miếu hiệu là Hùng Dương Vương, Lạc Long Quân Sùng Lãm thụy hiệu là Hùng Hiền Vương, Hùng Lân Vương, Hùng Việp Vương, Hùng Hy Vương, Hùng Huy Vương, Hùng Chiêu Vương, Hùng Vĩ Vương, Hùng Định Vương, Hùng Hi Vương, Hùng Trinh Vương, Hùng Võ Vương, Hùng Việt Vương, Hùng Anh Vương, Hùng Triệu Vương, Hùng Tạo Vương, Hùng Nghị Vương, Hùng Duệ Vương. Cả 18 đời vua Hùng đều lấy hiệu nước là Văn Lang, đóng đô ở Phong Châu (nay thuộc vùng Bạch Hạc, tỉnh Phú Thọ).  Sử cũ chép rằng, triều đại các vua Hùng và nhà nước Văn Lang khởi đầu khoảng năm 698 - 682 trước Công nguyên, tương ứng với văn hóa khảo cổ học Gò Mun (thế kỷ 7 trước Công nguyên) và kết thúc năm 258 khi Thục Phán An Dương Vương lên ngôi, tổng cộng gần 500 năm. Toàn lãnh thổ lúc ấy được chia làm 15 bộ: Văn Lang, Châu Diên, Phúc Lộc, Tân Hưng, Võ Định, Võ Ninh, Lục Khải, Ninh Hải, Dương Tuyền, Giao Chỉ, Cửu Chân, Hoài Nam, Cửu Đức, Việt Thường và Bình Văn.  Thời vua Hùng, đất nước ta sản sinh ra lắm huyền thoại, truyền thuyết như sự tích trầu cau, bánh chưng bánh dầy, quả dưa hấu; chuyện Sơn Tinh Thủy Tinh; Thần Tản Viên, Anh hùng Gióng. Di tích Hùng Vương hiện vẫn còn trên núi Nghĩa Cương (còn gọi là núi Nghĩa Lĩnh), thuộc xã Hy Cương, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, tại đây có đền thờ các vua nên cũng gọi là núi Đền. Bia trước đền ghi rõ 4 chữ “Cao sơn cảnh Hùng”. Tại hai cột chính giữa điện thờ có đôi câu đối: “Thiên địa trường tồn, ức vạn niên do truyền quốc tổ/Tinh thần bất hủ, thập bát thế giai hiệu Hùng Vương” (Nghĩa là: Trời đất còn dài, ức muôn năm vẫn truyền là quốc tổ/Tinh thần bất diệt, mười tám đời đều mang hiệu Hùng Vương). Hằng năm, nhân dân cả nước ta thường nô nức về dự lễ giỗ tổ, ca dao cổ nhắc rằng: “Dù ai đi ngược về xuôi/Nhớ ngày giỗ tổ mồng mười, tháng ba”. Lễ giỗ tổ Hùng Vương kéo dài 4 ngày - bắt đầu từ ngày 8, ngày 10 vào chính lễ, đến ngày 11 tháng 3 âm lịch kết thúc. |
|  | Kinh Dương Vương |  | Theo truyền thuyết, Kinh Dương Vương là Tổ thứ nhất của dân tộc Việt Nam, khai sinh họ Hồng Bàng, dựng nước Xích Quỷ, tiền thân của Nhà nước Văn Lang.  Đại Việt Sử ký toàn thư chép: “Vương, húy là Lộc Tục, cháu họ Thần Nông. Nhâm Tuất nguyên niên (2879 TCN), cháu ba đời Viêm Đế họ Thần Nông là Đế Minh sanh Đế Nghi, đi tuần thú phương Nam, đến núi Ngũ Lĩnh lấy con gái Vụ Tiên sanh ra Vương. Vương thánh trí thông minh, Đế Minh cho là lạ muốn cho kế vị, vương cố nhường cho anh, không dám vâng mệnh. Đế Minh do đó lập Đế Nghi nối nghiệp cai trị Bắc phương, phong vương là Kinh Dương Vương cai trị Nam phương, lấy quốc hiệu là Xích Quỷ. Vương lấy con gái Động Đình Quân tên là Thần Long sanh ra Lạc Long Quân”.  Về sau, người Hán đánh chiếm nước Xích Quỷ, tiền nhân chúng ta phải lui về phương Nam lập nước Văn Lang, đóng đô ở Phong Châu, thuộc huyện Bạch Hạc, tỉnh Vĩnh Phú, ngày nay là vùng thuộc phường Bạch Hạc, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Toàn lãnh thổ lúc đó chia ra làm 15 bộ: Văn Lang, Châu Diên, Phúc Lộc, Tân Hưng, Võ Định, Võ Ninh, Lục Khải, Ninh Hải, Dương Tuyền, Giao Chỉ, Cửu Chân, Hoài Nam, Cửu Đức, Việt Thường và Bình Văn.  Đến nay di tích hãy còn trên đỉnh Hùng Sơn (Núi Hùng), cũng gọi là Núi Đền, Nghĩa Lĩnh, hay Nghĩa Cương, cách thành phố Hà Nội 105km. Khu di tích Đền Hùng, trước cổng có 4 chữ Cao sơn cảnh hạnh (núi cao để mà trông ngóng, đức lớn để mà ngưỡng mộ). Đó là một quần thể gồm các di tích nằm trong khu vực đền Hùng như: Đền Hùng, Đền Hạ, Đền Trung, Đền Thượng, Đền Giếng, chùa Sơn Cảnh Thừa Long Tự, Bảo tàng Hùng Vương, chùa Hy Cương...  Công đức của các vua Hùng, nhất là Tổ Kinh Dương Vương được thể hiện qua 4 chữ “Nam thiên triệu tổ” ở Đền Thượng. Nơi đó, trên bàn thờ có ba bài vị, bài vị chính ghi “Khai quốc hồng đồ, đột ngột cao sơn cổ Việt Hùng thị, thập bát thế Thánh vương” (Mười tám đời vua Thánh dòng Hùng nước Việt xưa, non cao chất ngất nên sự nghiệp to mở nước). |
|  | Nguyễn Xí  (1396-1465) | Nguyễn Xí sinh năm Đinh Sửu (1397) tại xã Thượng Xá, huyện Chân Phúc (nay là xã Khánh Hợp, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An) | Ông tham gia khởi nghĩa Lam Sơn từ những ngày đầu dấy binh. Trong suốt 10 năm khởi nghĩa, Nguyễn Xí luôn là vị tướng tiên phong, vào sinh ra tử, tham gia đánh thắng nhiều trận đánh lớn. Năm 1428, Lê Lợi lên ngôi vua, Nguyễn Xí được xếp vào hàng "*khai quôc công thần*" được phong chức "*Long hổ thượng tướng suy trung bảo chính công thần*". Năm 1429, nhà vua cho khắc biển công thần, khi bàn công, ông đứng vào hàng thứ năm, được phong tước Huyện Hầu. Để thể hiện sự ưu ái đặc biệt cho những người có công lớn trong khởi nghĩa, Lê Lợi đã ban quốc tính cho Nguyễn Xí là Lê Xí.  Năm 1465 ông mất và được an táng ở quê nhà huyện Chân Phúc. Nguyễn Xí được coi là một tướng tài từng phục vụ từ đời Lê Thái Tổ cho đến Lê Thánh Tông, đem lại nhiều thắng lợi trên hai mặt trận quân sự và chính trị. |

**2. Danh nhân, anh hùng, nhân vật tiêu biểu tỉnh Sóc Trăng**

| **STT** | **Họ tên/ Năm sinh** | **Quê quán** | **Tóm tắt tiểu sử** |
| --- | --- | --- | --- |
|  | Trần Thị Hồng Anh  (1946 - 1969) | xã Gia Hoà, huyện Thạnh Trị, (nay là xã Gia Hoà 1, huyện Mỹ Xuyên), tỉnh Sóc Trăng | Bà tham gia cách mạng từ tháng 5/1962, làm y tá tại Ban Quân y, Phòng Hậu cần, Tỉnh Đội Sóc Trăng (nay là Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Sóc Trăng). Trong suốt quá trình hoạt động cách mạng, bà đã cùng tập thể cứu chữa 230 thương bệnh binh và nhân dân; vận chuyển an toàn 150 chuyến thương trong các trận càn quét của địch như: trận đánh Chi khu Vĩnh Thuận, trận Giầy Lăng, trận Mậu Thân 1968. Riêng bản thân bà đã 27 lần hiến máu để cứu chữa thương binh và nhân dân; tham gia chiến đấu chống càn bảo vệ thương binh 25 trận; vận chuyển an toàn 45 chuyến thương trong các trận càn quét của địch; là người trực tiếp được giao trách nhiệm quản lý bộ dụng cụ của Đội phẫu thuật quân y, bảo quản an toàn, phục vụ kịp thời và luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Khoảng 14 giờ ngày 16/8/1969, địch bất ngờ đổ quân đánh vào bệnh xá, để nghi binh cho đồng đội vận chuyển bảo vệ an toàn cho thương binh đang điều trị tại bệnh xá; bà Trần Thị Hồng Anh cùng tổ (gồm 7 người) đánh phá vòng vây thu hút địch để bộ phận còn lại di chuyển thương binh đi nơi khác. Tuy là nữ nhưng bà đã xung phong cùng với tổ phá vây thu hút địch, do tính khẩn trương và không còn cách lựa chọn nào khác nên cả tổ băng qua đồng trống để máy bay và bộ binh địch phát hiện. Bà chiến đấu dũng cảm trong làn đạn của kẻ thù và đã anh dũng hy sinh.  Bà Trần Thị Hồng Anh có3 lần là Chiến sĩ thi đua cấp Quân khu; được Đảng và Nhà nước tặng thưởng 7 Bằng khen. Ngày 09/10/2014, Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký Quyết định số 2557/QĐ-CTN truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân cho liệt sĩ Trần Thị Hồng Anh. |
|  | Huỳnh Văn Bảo (1932 - 1972) | ấp Mỹ Tây, làng Mỹ Quới, quận Thạnh Trị (nay là xã Mỹ Quới, thị xã Ngã Năm), tỉnh Sóc Trăng | Ông tham gia cách mạng năm 1961. Trong quá trình kháng chiến chống Mỹ, Huỳnh Văn Bảo tham gia đánh 53 trận, diệt trên 50 tên địch, thu 25 súng các loại. Tiêu biểu là trận đánh Chi khu Ngã Năm: Ông được giao nhiệm vụ vận chuyển thương binh, trên đường đi bị địch bao vây, ông đã dũng cảm chiến đấu diệt 20 tên địch, bảo vệ thương binh an toàn. Trận đánh sân bay Sóc Trăng năm 1968: Ông cùng 1 tổ đột nhập vào sân bay phá hủy 10 chiếc máy bay của địch. Đêm 07/02/1972, đơn vị tổ chức tiến công địch, Huỳnh Văn Bảo trực tiếp chỉ huy chiến đấu, trong quá trình tiếp cận ông bị địch bắn trúng 2 viên đạn vào bên sườn, trong tình huống hết sức khó khăn, nhưng với quyết tâm *“không thắng không về”*, dù bị thương nặng nhưng ông vẫn kiên trì chiến đấu, tấn công diệt gọn 2 đồn địch, diệt và làm bị thương 95 tên, bắt sống 6 tên, thu 97 súng. Sau đó, đơn vị 603 được lệnh đánh địch mở rộng tuyến hành lang đoạn lộ 36, do quân số đơn vị tham gia chiến đấu liên tục giảm nên thiếu quân số chiến đấu, mặc dù vết thương chưa bình phục nhưng để động viên cũng như đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ trên giao, đêm 10/8/1972 Huỳnh Văn Bảo trực tiếp đánh mũi đồn Cầu Sắt và anh dũng hy sinh.  Ông được tặng thưởng 1 Huân chương Kháng chiến hạng Ba; 2 Huân chương Chiến sĩ giải phóng hạng Nhì, Ba; 3 lần Chiến sĩ thi đua; 1 danh hiệu Dũng sĩ và nhiều Bằng khen. Ngày 09/10/2014, liệt sĩ Huỳnh Văn Bảo được Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân. |
|  | Lê Thị Bảy  (1923 – 2000) | Mỹ Quới | Lúc nhỏ Lê Thị Bảy đi bán kẹo tại lò kẹo ở chợ Mỹ Quới - nơi hoạt động bí mật của cơ quan Quận ủy Phước Long, Bảy trở thành giao liên của cách mạng.  Năm 1938, tham gia công tác tại cơ quan Tỉnh ủy Trà Vinh đến đầu năm 1940 Bảy Lê chuyển về công tác ở cơ quan Liên Tỉnh ủy Cần Thơ. Năm 17 tuổi, Lê Thị Bảy vinh dự được đứng trong hàng ngũ của Đảng.  Sau đó, do bị chỉ điểm, đồng chí Lê Thị Bảy bị địch bắt và giải lên Sài Gòn, qua các khám Phú Mỹ, Thị Nghè, Chí Hòa, bị kết án 5 năm tù. Tháng 3 năm 1945 Nhật đảo chính Pháp, Lê Thị Bảy nhờ có người tốt giúp đỡ nên đã vượt ngục và về Trà Vinh an toàn.  Về Trà Vinh, đồng chí Lê Thị Bảy được bầu là Ủy viên Ban Chấp hành Hội Phụ nữ cứu quốc tỉnh Trà Vinh, sau đó là Ủy viên Thường trực. Gần cuối năm 1949, Bảy Lê chuyển công tác về Bạc Liêu làm Thư ký Ban Chấp hành Hội Phụ nữ, giữ nhiệm vụ Thường trực Ban Chấp hành kiêm Thư ký Hội.  Sau 1954, rút về công tác tại Ban Phụ vận Khu 9. Đến đầu năm 1957, đồng chí Bảy Lê làm Trưởng Ban Phụ vận tỉnh Sóc Trăng, một thời gian sau giữ chức Trưởng Ban Dân vận kiêm Trưởng Ban Phụ vận tỉnh Sóc Trăng.  Cuối năm 1961 rút về công tác ở Ban Phụ vận Khu, đến năm 1963, đồng chí Bảy Lê trở lại Sóc Trăng phụ trách Dân vận kiêm Hội trưởng Hội Phụ nữ Giải phóng. Năm 1965 được chỉ định vào Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Sóc Trăng, phụ trách Dân vận kiêm Hội trưởng Hội Phụ nữ Giải phóng.  Sau Tết Mậu Thân, làm Hội phó Hội Phụ nữ Giải phòng Khu Tây Nam Bộ. Đầu năm 1969, giữ chức Hội trưởng Hội Phụ nữ Giải phóng Khu Tây Nam Bộ, đồng chí Bảy Lê được bổ sung vào Khu ủy.  Sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, công tác tại tỉnh Hậu Giang, được bầu vào Tỉnh ủy Hậu Giang, rồi Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng Ban Kiểm tra Đảng liên tục hai nhiệm kỳ cho đến năm 1985 đồng chí mới được nghỉ hưu. Ngày 30/01/2000 sau một cơn bệnh nặng, đồng chí Bảy Lê đã từ trần, thọ 77 tuổi.  Với những công lao, thành tích phấn đấu không mệt mỏi suốt hơn 40 năm hoạt động cách mạng, đồng chí Bảy Lê đã vinh dự được Đảng và Nhà nước tặng thưởng nhiều danh hiệu cao quý như Huân chương Độc lập hạng nhất, Huân chương Kháng chiến hạng I, II, Huy hiệu 40, 50 năm tuổi Đảng,… |
|  | Nguyễn Văn Bé Bảy (1947 - 1965) | xã Long Điền, huyện Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu | Tham gia cách mạng từ tháng 4/1960, Ông luôn luôn tỏ ra là một chiến sĩ có tinh thần dũng cảm ngoan cường, thường xung phong đi đầu trong những lúc khó khăn, nguy hiểm, chấp hành nghiêm mệnh lệnh và hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ.  Tháng 01/1965, Bé Bảy cùng đại đội đi phục kích đánh tiểu đoàn bảo an đi cứu viện đồn Tam Sóc, kết quả tiêu diệt 1 tiểu đoàn bảo an, 1 đồn, phá 3 ấp chiến lược, bắt sống 47 tên trong đó có tên Um - quận trưởng Mỹ Tú, phá hủy 4 xe quân sự (có 2 xe bọc thép), thu trên 100 súng các loại và nhiều đạn dược. Riêng Bé Bảy đã mưu trí gọi hàng 7 tên, thu 7 súng. Tháng 8/1965, Bé Bảy là chiến sĩ liên lạc đại đội, ông đã lọt vào trong đồn địch, dùng lựu đạn tiến công, dùng lưỡi lê dũng mãnh đánh xáp lá cà với địch, phối hợp cùng đại đội tấn công từ ngoài vào, tiêu diệt và làm bị thương trên 100 tên, thu 50 súng (có năm trung liên), đồn ngã tư Phó Sinh bị bắn sập, kế hoạch bình định khu vực 3 xã Phước Long, Ninh Thạnh Lợi, Phong Thạnh của địch bị thất bại. Riêng ông diệt 20 tên, thu 20 súng. Tháng 12/1965, trong trận chống càn ở Định Hòa, Gia Hòa, Mỹ Xuyên mặc dù đang đợi để đi báo công, nhưng ông vẫn xin được tham gia chiến đấu cùng đơn vị. Được phân công nổ súng kềm chân địch, ông đã mưu trí vừa đánh vừa dụ địch vào hỏa lực của ta để đơn vị tiêu diệt. Với tinh thần ngoan cường, ông đã bám trụ chống càn đến ngày thứ năm, bắn đến viên đạn cuối cùng và quyết không để súng rơi vào tay giặc, ông đã đập gẫy súng rồi vật lộn với địch và anh dũng hy sinh. Khi hy sinh, ông là đảng viên, Trung Đội phó thuộc Đại đội 71, Tiểu đoàn Phú Lợi, bộ đội địa phương tỉnh Sóc Trăng.  Trong hơn 5 năm tham gia chiến đấu và công tác, ông đã 4 lần được bầu là Chiến sĩ thi đua cấp Quân khu và năm 1965 được báo cáo điển hình tại Đại hội Chiến sĩ thi đua Quân khu 9. Ngày 20/12/1994, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký Quyết định số 385/KT/CTN truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân cho liệt sĩ Nguyễn Văn Bé Bảy. |
|  | Đoàn Minh Bảy  (1940 - 1974) | xã Gia Hoà, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng | Trong quá trình tham gia công tác, chiến đấu, Đoàn Minh Bảy đã lập được nhiều thành tích và chiến công xuất sắc. Tiêu biểu là một số trận đánh: Ngày 10/11/1971, tổ công tác do Đoàn Minh Bảy chỉ huy đã phục kích, bắt sống tên Hết – một tên ác ôn có nhiều nợ máu và có nhiều kinh nghiệm dồn dân, lập ấp, bình định. Sau đó, đưa về xã Gia Hoà để khai thác và thi hành bản án tử hình đối với y. Trong Chiến dịch Hồ Chí Minh, Đoàn Minh Bảy đã chỉ huy 2 trung đội an ninh vũ trang phối hợp với các lực lượng khác đóng chiếm Trường huấn luyện quân sự Dù Tho, phân khu Cổ Cò và chi cảnh sát huyện Mỹ Xuyên, truy kích bắt sống 400 tên địch, gọi ra hàng 4.379 tên, thu 3.127 súng, 113 máy thông tin, 4 tàu, 9 xe quân sự và nhiều quân trang, quân dụng khác. Tháng 11/1971, Đoàn Minh Bảy trực tiếp chỉ huy tấn công vào khu căn cứ của đảng Khăn Trắng, tiêu diệt và bắt sống 100 tên, thu 30 súng, kêu gọi 10 tên ra trình diện. Trung tuần tháng 01/1974, ông trực tiếp chỉ huy lực lượng công an, dân quân du kích tiến hành cuộc truy quét các nhóm tàn quân cuối cùng của đảng Khăn Trắng đang ẩn náu tại các xã Thạnh Quới, Viên Bình, Viên An. Sau khi dùng loa gọi hàng, Đoàn Minh Bảy đã phát lệnh tấn công, tiêu diệt và bắt sống 64 tên, xoá sổ hoàn toàn nhóm tàn quân của đảng Khăn Trắng. Trong trận chiến đấu này, ông đã anh dũng hy sinh.  Ngày 22/7/1998, liệt sĩ Đoàn Minh Bảy được Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân. |
|  | Trần Văn Bảy  (1911 – 1941) | Ấp Bào Sàng, làng Mỹ Quới, quận Phước Long, tỉnh Rạch Giá (nay thuộc thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng). | Trần Văn Bảy mồ côi cha lúc 4 tuổi, mẹ đi tu, ông phải nghỉ học để đi coi trâu cho địa chủ. Những năm 1927 – 1928, Ông đã vận động thanh niên trong vùng không tin vào những trò bịp bợm của địch.  Năm 1928, ông tham gia vận động thành lập tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên (Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí Hội) làng Mỹ Quới. Năm 1930, ông trở thành Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam khi ba tổ chức cộng sản trong nước hợp nhất. Tháng 6-1930, Chi bộ xã Mỹ Quới được thành lập do ông Châu Văn Phát làm bí thư, sau thời gian ngắn ông Trần Văn Bảy thay thế. Năm 1936, Trần Văn bảy làm Bí thư Quận ủy Phước Long. Những năm 1937 – 1938, ông đã chủ trương thành lập Hội Ái hữu. Đầu năm 1939, Liên Tỉnh ủy Cần Thơ điều ông về làm Bí thư Tỉnh Ủy Cần Thơ. Cuối năm 1939 ông được điều về làm Bí thư Tỉnh ủy Vĩnh Long kiêm Ủy viên Thường vụ Liên Tỉnh ủy Cần Thơ. Khi cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ chuẩn bị nổ ra, ông bị bắt tại trụ sở Liên Tỉnh ủy ở Vĩnh Long, bị kết án tù chung thân và đày ra Côn Đảo.  Giữa năm 1941, địch xông vào khủng bố và đánh anh em tù vô cớ. Ông đã lao vào đỡ đòn roi cho những người tù đau yếu hơn ông. Khi ông bị thương, bọn cai tù bắt ông lên trạm xá, sau đó chúng chích độc tố vào cánh tay trái cho đến khi cánh tay ông bị nhiễm trùng nặng, hoại tử chúng mới trả ông về khám và không điều trị làm cho sức khỏe ông ngày càng suy kiệt. Ngày 25-11-1941, ông qua đời trong niềm thương xót của anh em, đồng chí trong tù; ông là tấm gương sáng ngời về chủ nghĩa anh hùng cách mạng cho mọi người học tập và noi theo. |
|  | Nguyễn Văn Bé (1930 - 1972) | xã Châu Hưng, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu | Từ năm 1945 - 1954, ông phụ trách bảo vệ ông Trần Đắc Sang là Trưởng Ban Quân sự huyện Thạnh Trị. Từ năm 1954 - 1962, sau khi Hiệp định Giơnevơ được ký kết, ông là Cán bộ phụ trách bảo liên hoạt động bí mật tại đơn vị xã Vĩnh Lợi. Từ năm 1962 - 1972, ông là giao liên xã Vĩnh lợi, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.  Trong thời gian ông tham gia du kích của xã, huyện. Mặc dù mới 15 tuổi nhưng bản lĩnh rất gan dạ đã tổ chức và tham gia giết chết Quận trưởng Tỵ tại buổi lễ mít tinh tại thị trấn Phú Lộc. Năm 1960, ông treo cờ đỏ sao vàng trên dây cáp ngang sông thị trấn Phú Lộc, đến 03 ngày sau lính đồn mới lấy lá cờ xuống được. Đến tháng 3/1972, trên đường đi công tác ông bị Tiểu đoàn 411 của ngụy bắt tại ấp Mỹ Đông, xã Mỹ Quới. Khi bị địch bắt, vì sợ bị lộ tài liệu, thơ từ, báo cáo nên ông đã nhai nuốt để phi tang. Ông bị đánh đập, tra tấn rất dã man, chết đi sống lại, thậm chí bị cắt đứt 02 lỗ tai nhưng ông vẫn nhất quyết không khai. Cùng lúc đó, địch phát hiện và khui hầm bí mật bắt 13 cán bộ văn phòng và các ban, ngành của Huyện ủy nhưng ông nhất quyết không khai là cán bộ. Không nắm tin tức từ Nguyễn Văn Bé, bọn địch dã man mổ bụng của ông để lấy tài liệu nhưng cũng không thu được gì vì đã bị nhào nát, cuối cùng chúng dùng súng bắn vào đầu ông. Ông hy sinh vào tháng 3/1972 trước sự kính phục của đồng đội và lòng căm phẫn trước sự dã man, tàn ác của kẻ thù.  Ngày 09/10/2014, liệt sĩ Nguyễn Văn Bé được Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân. |
|  | Hứa Thị Biểu  (1904 - 1966) | làng Vĩnh Phước, quận Vĩnh Châu, tỉnh Bạc Liêu (nay là phường Vĩnh Phước, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng) | Suốt 21 năm tham gia kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, bà đã hiến cho cách mạng gần 100 tấn lúa; gần 600 kg thuốc trị bệnh và 10.000 viên đạn. Tham gia đấu tranh chính trị trực diện 2 lần tại thị trấn Vĩnh Châu, đào nhiều hầm bí mật để che giấu cán bộ, cung cấp rất nhiều thực phẩm cho bộ đội. Tiêu biểu tháng 6/1963, đơn vị địa phương quân huyện đề nghị cài khối thuốc nổ trong nhà để “Bẫy địch”, dù biết sẽ nguy hiểm đến tính mạng và liên lụy đến người thân, tài sản gia đình và khi địch biết sẽ trả thù nhưng Má Biểu sẵn sàng hy sinh vì cách mạng, đồng ý với phương án được đề ra. Kết quả mìn nổ, bọn địch chết 15 tên, bị thương 12 tên, ngôi nhà bị sập, tài sản bị hư hại và bị địch đốt cháy. Ngày 06/6/1966, địch ở quận Vĩnh Châu tổ chức càn quét vào xã Vĩnh Phước, lực lượng địa phương quân huyện và du kích xã đánh địch càn quét, trận đánh diễn ra ác liệt kéo dài từ sáng đến xế chiều, địch thiệt hại gần 50 tên. Biết lực lượng cách mạng chiến đấu cả ngày chưa được ăn uống gì, Má Biểu không ngại hiểm nguy, gian khổ băng mình vượt qua lửa đạn để tiếp tế lương thực, vận chuyển, cứu chữa thương binh. Tuy nhiên, trên đường vận chuyển lương thực, bà bị máy bay địch bắn và đã anh dũng hy sinh.  Với nhiều thành tích đóng góp trong kháng chiến, bà được khen thưởng 01Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng Nhì, nhiều Bằng khen, giấy khen của Huyện ủy Vĩnh Châu và Tỉnh ủy Sóc Trăng. Ngày 09/10/2014, Chủ tịch nước ký Quyết định số 2557/QĐ-CTN truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân cho liệt sĩ Hứa Thị Biểu. |
|  | Nguyễn Văn Cải (1939 - 1970) | xã Phong Nẫm, quận Kế Sách, tỉnh Cần Thơ (nay là huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng) | Trong thời gian tham gia cách mạng,ông đã cùng tập thể vận chuyển 15 tấn vũ khí, đạn dược và tài liệu. Riêng ông đã tổ chức đưa đón trên 10.000 lượt cán bộ, bộ đội an toàn. Trực tiếp chỉ huy du kích xã và đường dây 32; đánh địch trên 129 trận lớn nhỏ, diệt 120 tên, bắt sống 29 tên, thu 79 súng các loại, 5 máy thông tin, bắn cháy 2 tàu sắt, 1 ca nô, bắn bị thương 2 máy bay lên thẳng. Diệt và xóa phiên hiệu 5 trung đội dân vệ và bảo an của chi khu Phong Thuận, tiểu khu Phong Dinh và chi khu Trà Ôn, tiểu khu Vĩnh Bình.Tiêu biểu như: Ngày 26/6/1968, Ba Cải đã xung phong nhận nhiệm vụ một mình lội qua phía bờ Nam sông Hậu để đi truyền đạt chỉ thị của Khu ủy cho đường dây 31, suốt 4 giờ vượt qua các tàu tuần tiểu của địch, có lúc phải lặn sâu dưới mặt nước trốn tàu địch, vừa phải xác định phương hướng phía đất liền, vừa phải tìm cách tránh địch lùng sụt trên bờ, suốt một ngày, đêm vừa đói, vừa khát, song ông đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Tháng 12/1969, trong lúc đưa đoàn cán bộ (gồm 20 đồng chí) của Khu ủy về Hội nghị ở Trung ương Cục thì đụng phải 1 trung đội biệt kích của địch. Trước tình thế nguy hiểm đó, Ba Cải đã mưu trí nổ súng đánh lạc hướng thu hút địch về phía mình, để đồng đội kịp thời đưa đoàn cán bộ về phía sau an toàn. Ông đã đánh bật nhiều đợt xung phong của địch, diệt và làm bị thương 7 tên biệt kích và đã anh dũng hy sinh vào năm 1970 khi chiến đấu đến viên đạn cuối cùng.  Với nhiều thành tích chiến đấu, Nguyễn Văn Cải được khen thưởng 1 Huân chương Kháng chiến hạng Nhất, 1 Huân chương chống Mỹ hạng Nhất, 1 Huân chương Chiến công hạng Ba. Ngày 09/10/2014, Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký Quyết định số 2557/QĐ-CTN truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân cho liệt sĩ Nguyễn Văn Cải. |
|  | Trịnh Thới Cang  (1924 – 2011) | Làng Vĩnh Phú, quận Phước Long, tỉnh Rạch Giá. | Đầu năm 1945, Trịnh Thới Cang còn được chính quyền thực dân ở Sóc Trăng đề cử làm Tổng Thư ký Hội Samacum (Hội Phục hưng đức, trí, thể dục Cao Miên Nam Kỳ). Tháng 6-1945, tổ chức Thanh niên Tiền phong tỉnh Sóc Trăng được thành lập, thì tổ chức Yuvan Khmer do Trịnh Thới Cang làm thủ lĩnh hoạt động dưới sự chỉ đạo của Thanh niên Tiền phong tỉnh. Sau Cách mạng Tháng Tám, Trịnh Thới Cang tiếp tục hoạt động trong tổ chức Thanh niên Khmer và tham mưu cho tỉnh về các vấn đề dân tộc; ông còn tham gia Đội tuyên truyền lưu động của Mặt trận Việt Minh tỉnh,…  Sau khi thực dân Pháp tái chiếm Sóc Trăng (tháng 01-1946), Trịnh Thới Cang được tổ chức phân công bám trụ hợp pháp ở tỉnh lỵ. Ông bí mật xây dựng mạng lưới cơ sở Khmer vận trong tỉnh lỵ, tập hợp được nhiều giáo viên ở các trường chùa. Cuối tháng 11-1947, thực dân Pháp thành lập tổ chức “Đảng của dân tộc thiểu số ở miền Nam Việt Nam”, trụ sở Trung ương đặt tại tỉnh lỵ Sóc Trăng. Khi đó, Trịnh Thới Cang được đề cử làm Tổng Thư ký tổ chức này. Đầu năm 1949, vì có nguy cơ bị lộ nên Trịnh Thới Cang vào chùa Khleang tu và mang tên Lục Cang. Ngày 26-12-1949, bọn mật thám, cảnh sát ập vào chùa Khleang bắt Trịnh Thới Cang, gây bất bình trong nhân dân, nhất là giới trí thức và sư sãi Khmer. Sự bất bình ấy nhanh chóng biến thành cuộc biểu tình của hàng nghìn người vào sáng ngày 27-12-1949. Nhằm xoa dịu phong trào đấu tranh của đồng bào Khmer, địch thả Trịnh Thới Cang nhưng quản thúc ông ở Sài Gòn 2 năm. Ngày 23-6-1951, Trịnh Thới Cang vinh dự được kết nạp vào Đảng Lao Động Việt Nam và được phân công làm Phó Hội trưởng Hội Ủng hộ Ixarắc kiêm Phó Chủ tịch Mặt trận Liên Việt tỉnh Sóc Trăng  Sau hiệp định Giơnevơ, ông được tổ chức phân công tập kết ra Bắc và làm việc tại Ban Dân tộc Trung ương cho đến tháng 12-1964. Đầu năm 1965, Trịnh Thới Cang vượt Trường Sơn về miền Nam công tác và được phân công làm Ủy viên Tuyên truyền, chuyên trách công tác dân tộc Khmer Ban Tuyên huấn Khu 9.  Cuối tháng 12-1970, ông được biệt phái về tỉnh Sóc Trăng và bổ sung vào Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, làm Trưởng Ban Khmer vận tỉnh và chỉ đạo huyện Vĩnh Châu. Cuối tháng 12-1972, ông được điều động trở lại Khu ủy công tác và được đề bạt là Khu ủy viên dự khuyết, Thường trực Ban Khmer vận Khu 9, kiêm Phó Ban Tuyên huấn Khu 9. Tháng 2-1976, cấp khu giải thể, ông được điều động về Ban Dân tộc Trung ương Cục miền Nam. Tháng 1-1977, ông được điều động ra Hà Nội công tác ở Ban Dân tộc Trung ương. Đến tháng 4-1986, ông được nghỉ hưu theo chế độ và sinh sống cùng gia đình ở~~,~~ Thành phố Hồ Chí Minh. Ông mất ngày 20-02-2011. |
|  | Dương  Minh Cảnh (1920 - 1963) | Làng Vĩnh Kim, tổng Bình Trị, quận Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh | Ông tham gia cách mạng vào năm 1937. Sau 3 năm hoạt động tích cực, đầu năm 1940, tại chi bộ làng Vĩnh Kim, Dương Minh Cảnh được vinh dự đứng vào hàng ngũ của Đảng.  Khoảng cuối năm 1943, đồng chí Dương Minh Cảnh được chi bộ làng Vĩnh Kim giới thiệu tham gia vào Mặt trận Việt Minh. Đêm 24/8/1945, Chi bộ và Mặt trận Việt Minh làng Vĩnh Kim nhận được mật lệnh Tổng khởi nghĩa của Ủy ban khởi nghĩa cầu Ngang. Rạng sáng ngày 25/8/1945, chính quyền làng Vĩnh Kim được thành lập do đồng chí Dương Minh Cảnh làm Chủ tịch.  Cuối năm 1947, đồng chí Dương Minh Cảnh (lúc này bí danh là Ba Hòa) được rút lên nhận nhiệm vụ Chủ nhiệm Mặt trận Việt Minh quận Cầu Ngang, sau đó được Tỉnh ủy quyết định làm Bí thư Quận ủy kiêm Chủ nhiệm Mặt trận Việt Minh quận.  Tháng 01 năm 1950, đồng chí Dương Minh Cảnh được đề cử vào Ban Chỉ huy của chiến dịch Cầu Kè. Đến giữa năm 1950, Bộ Tư lệnh Khu 8 chỉ đạo tiếp tục mở chiến dịch Trà Vinh. Đồng chí Dương Minh Cảnh được Tỉnh ủy giao nhiệm vụ trực tiếp chỉ đạo trên ba mặt trận của chiến dịch Tiểu Cần - Trà Cú - Cầu Ngang. Đầu năm 1952, đồng chí Dương Minh Cảnh tiến hành thành lập Ban Ngụy địch vận huyện Cầu Ngang do đồng chí làm Trưởng ban.  Cuối năm 1953, Đảng bộ huyện Cầu Ngang tiến hành Đại hội, đồng chí Dương Minh Cảnh được bầu tiếp tục làm Bí thư Huyện ủy, kiêm Chính trị viên Huyện đội.  Năm 1954, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Trà Vinh được Trung ương chỉ định gồm 9 đồng chí, đồng chí Dương Minh Cảnh được cử làm Tỉnh ủy viên và tiếp tục giữ trọng trách Bí thư Huyện ủy Cầu Ngang.  Cuối năm 1954, đồng chí Dương Minh Cảnh được điều động về Ban Binh vận tỉnh, đến đầu năm 1955 được giao nhiệm vụ làm Trưởng Ban Binh vận tỉnh.  Cuối năm 1957, đồng chí Dương Minh Cảnh được Liên Tỉnh ủy quyết định điều động về tỉnh Sóc Trăng nhận nhiệm vụ Bí thư Tỉnh ủy.  Tháng 4/1960, đồng chí Dương Minh Cảnh chỉ đạo cho đơn vị Đinh Tiên Hoàng đổi tên là đơn vị Phú Lợi.  Đến cuối năm 1961, đồng chí Dương Minh Cảnh được Khu ủy quyết định điều động về Khu đề bạt là Khu ủy viên, phụ trách Trưởng Ban Tài chính Khu ủy.  Ngày 06/6/1963, trong chuyến về chỉ đạo tại Sóc Trăng, đến xã Vĩnh Hưng, huyện Hồng Dân (nay thuộc tỉnh Bạc Liêu) gặp trận càn ác liệt của địch, đồng chí Dương Minh Cảnh đã hy sinh.  Đồng chí Dương Minh Cảnh được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam truy tặng Huân chương Độc lập hạng Nhất, Huân chương Kháng chiến hạng Nhất. |
|  | Phan  Văn Chiêu  (1915 – 2000) | ấp Cái Triết, làng Thiện Hòa, quận Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng. | Trong cuộc mittinh kỷ niệm ngày Quốc tế Lao động 01-5-1930 được tổ chức tại Ngã Sáu đường Verdun (Sài Gòn), Phan Văn Chiêu được phân công bảo vệ người diễn thuyết và đã bị địch bắt. Ông bị địch giam 11 ngày rồi được trả tự do. Sau đó ông vừa học, vừa tham gia phong trào học sinh.  Cuối năm 1935, Phan Văn Chiêu về Sóc Trăng cùng người mở cửa hàng tạp hóa tại phố Đại Ngãi (nay là đường Hai Bà Trưng) bán đồ dùng trong gia đình và một ít sách báo, mục đích là để có điều kiện tiếp xúc, tuyên truyền cách mạng cho nhân dân và lấy tiền hoạt động cách mạng.  Giữa năm 1936, ông lên Sài Gòn và ra Huế. Tại Huế, ông làm quen với Hải Triều, chủ tiệm “Hương Giang Thư quán”. Sau đó, ông thường lui tới đây để mua và đọc sách báo tiến bộ.  Tháng 4-1937, ông ra tỉnh lỵ Sóc Trăng và tiếp tục hoạt động cách mạng tại “Thanh niên Thư quán”. Tháng 9-1938, ông làm quản lý cho “Đông Phương tạp chí”. Tháng 9-1939 ông bị mật thám bắt. Sau vài tháng ông được thả ra nhưng vẫn còn bị quản thúc tại quê nhà.  Đầu tháng 5-1945, hết thời gian quản thúc, Phan Văn Chiêu ra tỉnh lỵ Sóc Trăng tiếp tục hoạt động cách mạng. Đến giữa tháng 5-1945, ông được kết nạp vào Đảng cộng sản Đông Dương. Tháng 6-1945, tổ chức Thanh niên Tiền phong tỉnh Sóc Trăng được thành lập, Phan Văn Chiêu được phân công làm Trưởng Ban Thanh tra.  Sau thắng lợi cách mạng tháng Tám ông được bầu làm chủ nhiệm Mặt trận Việt Minh tỉnh Sóc Trăng và Đại biểu Quốc hội khóa I (1946 - 1960) (đơn vị tỉnh Sóc Trăng).  Từ cuối tháng 9-1946 đến tháng 02-1950, ông làm Bí thư Tỉnh ủy Sóc Trăng. Cuối năm 1948, Phan Văn Chiêu vừa là Bí thư Tỉnh ủy kiêm Chủ tịch Ủy ban kháng chiến - hành chính tỉnh Sóc Trăng.  Từ tháng 02-1950 đến tháng 11-1953, ông được bầu làm Phó Bí thư Tỉnh ủy - Chủ tịch Ủy ban kháng chiến - hành chính và được bổ sung vào khu ủy Khu 9.  Tháng 11-1953, tại Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Sóc Trăng, Phan Văn Chiêu được bầu làm Ủy viên Thường vụ, Thường trực Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban kháng chiến - hành chính tỉnh.  Hiệp định Giơnevơ được ký kết, ông tập kết ra Bắc. Đầu năm 1955, ông làm cán bộ nghiên cứu Ban Kinh tế Chính phủ. Từ tháng 6-1956, ông chuyển sang làm cán bộ nghiên cứu, Bí thư Chi bộ Văn phòng Nông - Lâm - Ngư nghiệp và Thủy lợi, phủ Thủ tướng. Tháng 10-1958, tổ chức điều động ông sang làm Chánh Văn phòng Bộ Nông - Lâm nghiệp. Đến tháng 5-1960, ông được đề bạt làm Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp, Đại biểu Quốc hội khóa II, III. Cuối năm 1967, Trung ương điều động ông sang làm Phó Chủ nhiệm văn phòng Nông - Lâm nghiệp, phủ Thủ tướng.  Tháng 8-1971, tổ chức phân công ông làm Ủy viên, rồi làm Phó Chủ nhiệm Ủy ban nông nghiệp Trung ương. Tháng 4-1975, Bộ Chính trị điều động ông vào Trung ương Cục miền Nam. Ông được phân công làm từ Ủy viên, rồi làm Phó Chủ nhiệm Ban Kinh tế - Kế hoạch miền Nam. Tháng 3-1976, ông nghỉ hưu và cùng sinh sống với gia đình ở Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.  Ngày 17-9-2000, ông từ trần. Với những thành tích đạt được trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, Phan Văn Chiêu được Đảng và Nhà nước tặng nhiều phần thưởng cao quý. |
|  | Huỳnh Văn Chính  (1946 – 1973) | xã Gia Hòa, huyện Thạnh Trị (nay là xã Gia Hòa 2, huyện Mỹ Xuyên), tỉnh Sóc Trăng | Ông tham gia cách mạng năm 1960, làm giao liên cho ấp. Năm 1962, ông làm y tế cho Đội Du kích xã Gia Hòa. Năm 1963 được đứng vào hàng ngũ Đảng Cộng sản Việt Nam. Cuối năm 1963, ông được đề bạt cán bộ tiểu đội, sau đó là cán bộ trung đội, rồi giữ chức vụ Xã Đội phó (tháng 8/1969), Xã Đội trưởng xã Gia Hòa (năm 1970) và sau đó là Đại đội trưởng Đại đội Địa phương quân huyện Mỹ Xuyên (tháng 9/1972).  Trong quá trình tham gia chiến đấu, Huỳnh Văn Chính chỉ huy và phối hợp với các đơn vị đánh địch trên 100 trận lớn, nhỏ; diệt và loại khỏi vòng chiến đấu khoảng 120 tên, giải tán trên 50 tên phòng vệ dân sự, thu gần 20 súng các loại. Một số trận đánh tiêu biểu đó là: Tháng 2/1966, địch tấn công vào xã Gia Hòa, tìm diệt lực lượng cách mạng, Huỳnh Văn Chính cùng trung đội du kích chống trả quyết liệt, diệt và làm bị thương 12 tên tại chỗ, bẻ gãy ý đồ của địch. Ngày 23/5/1966, địch dùng 24 xe cơ giới đánh phá, giải tỏa, bị tổ chiến đấu của Huỳnh Văn Chính diệt và làm hỏng nặng 3 chiếc. Năm 1968, ông thu lượm bom đạn lép chế tạo thành mìn, gài nổ diệt và làm bị thương 50 tên địch. Tháng 6/1969, Đại đội 403 của địch đi càn bị tổ chiến đấu của Huỳnh Văn Chính bẻ gãy. Ngày 27/4/1970, ông đặt mìn (10kg) tại cầu Cà Lăm, diệt gọn 01 tàu chở đầy lính, diệt và làm bị thương 50 tên. Tháng 2/1971, Huỳnh văn Chính cùng cơ sở nội tuyến diệt 150 tên địch. Tháng 7/1972, địch mở chiến dịch Đại Phong đánh phá 10 ngày liền. Đêm 06/6/1973, Huỳnh Văn Chính đã hy sinh anh dũng khi chỉ huy Đại đội Địa phương quân huyện đánh đồn Kinh Hai (xã Thạnh Phú).  Với thành tích chiến đấu xuất sắc, lập nhiều chiến công vang dội trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước, Huỳnh Văn Chính đã được tặng thưởng nhiều huân, huy chương các hạng; danh hiệu Dũng sĩ diệt Mỹ, Chiến sĩ thi đua cùng nhiều bằng, giấy khen các cấp. Ngày 28/4/2000, liệt sĩ Huỳnh Văn Chính được Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân. |
|  | Văn Ngọc Chính  (1908 – 1955) | Làng Hòa Tú, tổng Nhiêu Phú, quận Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng (nay thuộc xã Hòa Tú 1, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng). | Tháng 01/1938, Văn Ngọc Chính được kết nạp vào Đảng và sinh hoạt tại Chi bộ làng Hòa Tú do đồng chí Nguyễn Tấn Đạt làm Bí thư. Sau đó, Văn Ngọc Chính được cử làm Bí thư Chi bộ Hòa Tú. Văn Ngọc Chính lãnh đạo thành công cuộc khởi nghĩa ở làng Hòa Tú. Ông bị địch bắt và đưa ra tòa kết án chung thân khổ sai, tịch thu gia sản và đày đi Côn Đảo. Cách mạng Tháng Tám thành công, ông trở về đất liền  Từ tháng 02/1950 đến tháng 7/1954, ông được bầu vào Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Sóc Trăng, làm Bí thư Huyện ủy Thạnh Trị (từ tháng 02/1950 đến tháng 11/1953) và Trưởng Ty Canh nông (từ tháng 11-1953 đến tháng 7/1954).  Sau Hiệp định Giơnevơ năm 1954, Văn Ngọc Chính được phân công ở lại miền Nam hoạt động, bám địa bàn, củng cố và xây dựng cơ sở cách mạng để bước vào cuộc đấu tranh mới. Cuối tháng 10/1954, Tỉnh ủy bí mật Sóc Trăng được thành lập, ông được chỉ định là Tỉnh ủy viên. Ngày 05/6/1955, do có kẻ phản bội chỉ điểm, ông bị địch bắt trên đường đi công tác ở ấp Hiệp Hòa, xã Gia Hòa. Chúng đem ông về Sóc Trăng tra tấn rất dã man đến chết rồi quăng xuống cầu Đại Ngãi để nước cuốn trôi mất tích. Văn Ngọc Chính hi sinh ngày 23/8/1955.  Với nhiều đóng góp cho sự nghiệp cách mạng tại quê hương, đồng chí Văn Ngọc Chính được Đảng và Nhà nước tặng Huân chương khánh chiến chống Pháp hạng Nhất; Huân chương giải phóng hạng Nhất. Ngày 22/02/2010 liệt sĩ Văn Ngọc Chính được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký Quyết định truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. |
|  | Thiều Văn Chỏi  (1937 – 1972) | tại ấp 7, làng Ba Trinh, quận Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. | Tháng 5-1968, ông được Đảng phân công bám trụ vùng kềm, vùng ven, tích cực xây dựng cơ sở, vận động nhân dân ủng hộ kháng chiến.  Đầu năm 1969, Thiều Văn Chỏi được bổ sung vào cấp ủy, giữ chức Xã đội trưởng Ba Trinh. Từ tháng 12-1968 đến tháng 7-1969, ông đã xây dựng được mạng lưới cơ sở cách mạng trên tuyến kênh Xáng có chiều dài gần 10km, lực lượng du kích mật hàng chục người… Trong vòng 4 tháng, ông đã tổ chức đánh địch 21 trận vừa và nhỏ, trong đó có một trận một mình một súng tiêu diệt 13 tên, bị thương 8 tên, bắt sống 2 tên, thu nhiều vũ khí. Từ tháng 1-1972, ông là Huyện đội phó Kế Sách. Ông đã chỉ huy 10 trận chiến đấu, trong đó có nhiều trận đánh nổi bật để lại tiếng vang trong lòng người dân xã nhà và làm cho địch thất điên bát đảo. Trong hơn 4 năm (1968 – 1972), ông đã tham gia chiến đấu 152 trận lớn, nhỏ. Ông hi sinh vào tháng 8-1972.  Ngày 29/01/1996 liệt sĩ Thiều Văn Chỏi được được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký Quyết định truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. |
|  | Nguyễn Văn Chơi  (1932 - 1969) | xã Ngọc Tố, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng | Tham gia cách mạng vào năm 1957, ông được phân công hoạt động bí mật tại xã Hoà Tú, xây dựng cơ sở cốt cán và vận động nhân dân địa phương tham gia Đồng Khởi năm 1960, phá vỡ bộ máy tề xã, giải phóng quê hương giành thắng lợi trọn vẹn. Năm 1962, ông được kết nạp vào Đảng. Năm 1963, ông được điều động lãnh đạo Trung đội Địa phương quân huyện Mỹ Xuyên. Năm 1966, ông giữ chức vụ Huyện Đội phó. Năm 1967, ông giữ chức vụ Huyện Đội trưởng cho đến lúc hy sinh vào ngày 05/5/1969.  Trong quá trình chiến đấu, Nguyễn Văn Chơi đã tham gia cùng đơn vị đánh 1.505 trận, loại khỏi vòng chiến đấu 1.750 tên địch; đánh thiệt hại 5 trung đội (diệt gọn 1 trung đội), 12 tiểu đội, làm tan rã 17 toán phòng vệ, 1 ban tề xã, bức rút 9 đồn; vận động khởi nghĩa 1 tiểu đội biệt kích giao nộp toàn bộ súng; bắn rơi 4 máy bay, phá hủy 3 xe M113, thu 270 súng các loại. Riêng ông đã chiến đấu trên 100 trận, diệt 60 tên địch, thu 10 khẩu AK15; lập công trường sản xuất vũ khí; xây dựng xã chiến đấu, lập bãi lửa chống địch càn quét; phát động phong trào bắn máy bay... Tiêu biểu như trận đánh ở thị tứ Nhu Gia, thị tứ Cổ Cò, tổ chức diệt ác, phá kềm, chống càn, kết hợp với lực lượng của trên bẻ gãy nhiều cuộc càn quét lớn của địch. Trong trận Mậu Thân năm 1968, lực lượng Địa phương quân huyện Mỹ Xuyên đã chiến đấu rất dũng cảm, đánh lui nhiều đợt xung phong của địch, riêng Nguyễn Văn Chơi dù vết thương ở đầu khá nặng nhưng ông vẫn kiên cường chỉ huy đơn vị bám trụ trận địa chiến đấu đến cùng. Một mình ông cầm tiểu liên và lựu đạn xung phong cận chiến với địch, diệt hàng chục tên, giữ vững trận địa, đưa thương binh, tử sĩ về tuyến sau an toàn, bảo toàn lực lượng còn lại. Tháng 4/1969, trong lúc đi công tác, ông cùng đồng đội bị máy bay địch oanh kích bất ngờ, số đồng chí đi cùng đã vào được công sự, riêng ông ở lại quan sát nắm tình hình địch để kịp thời đối phó nhưng địch phát hiện và bắn ông hy sinh vào ngày 05/5/1969.  Với nhiều thành tích trong chiến đấu, ông được Đảng và Nhà nước tặng 1 Huân chương Độc lập hạng Ba, 1 Huân chương Chiến sĩ giải phóng hạng Ba, 1 Huân chương Kháng chiến hạng Ba, 3 lần Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh và 5 Bằng khen. Ngày 9/10/2014, liệt sĩ Nguyễn Văn Chơi được Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân. |
|  | Lê Hoàng Chu  (1908 – 1976) | Sinh tại Trà Vinh | Là Đảng viên Chi bộ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên (Việt Nam Thanh niên Cách mạng Đồng chí Hội).  Tháng 6-1930, Lê Hoàng Chu được giao nhiệm vụ phụ trách Mặt trận, đoàn thể. Năm 1938, ông là Thường vụ Quận ủy Phước Long được tăng cường về Ninh Quới tham gia vào Ban Chấp hành Hội Ái Hữu. Trong tình hình địch tăng cường khủng bố, ông được điều về Quận Châu Thành (nay là huyện Mỹ Tú) hoạt động. Cuối năm 1943, Lê Hoàng Chu được điều về Mỹ Quới.  Cách mạng Tháng Tám thành công, ông được Liên Tỉnh ủy điều về Bạc Liêu hoạt động. Sang năm 1946, ông lại được điều về hoạt động tại quận Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.  Cuối năm 1946, ông là Thường vụ Ban Cán sự Đảng quận Châu Thành đồng thời là Chủ tịch Mặt trận Việt Minh.  Tháng 02-1948, ông được bầu làm Bí thư Quận ủy Châu Thành và đề xuất lấy địa bàn các làng Mỹ Quới, Vĩnh Quới, Tân Long làm căn cứ cho Tỉnh ủy Sóc Trăng.  Năm 1954, ông được phân công ở lại miền Nam công tác, đảm nhiệm chức vụ Bí thư Xã ủy chi bộ Mỹ Quới. Đầu năm 1961, Mặt trận Dân tộc giải phóng tỉnh Sóc Trăng được thành lập, ông được bầu làm Chủ tịch. Lê Hoàng Chu mất năm 1976. |
|  | Lê Văn Chữ  (1923 – 2011) | làng An Lạc Thôn, tổng Định Tường, quận Kế Sách (nay là thị trấn An Lạc Thôn, huyện Kế Sách) tỉnh Sóc Trăng | Ông được giác ngộ cách mạng từ năm 1945. Trong 9 năm kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp xâm lược, ông đã lần lượt đảm nhiệm các chức vụ: Tiểu đội trưởng, Trung đội bậc phó, Đại đội bậc phó, Đại đội trưởng rồi Tiểu đoàn phó Tiểu đoàn 308 thuộc Khu 8. Dù ở bất cứ cương vị chỉ huy nào ông cũng luôn là tấm gương sáng về ý chí phấn đấu, bản lĩnh người cán bộ chỉ huy, không ngại khó khăn gian khổ, mưu trí, dũng cảm chiến đấu, lập được nhiều chiến công xuất sắc trên khắp các chiến trường vùng đồng bằng sông Cửu Long. Ông đã cùng với Ban Chỉ huy Tiểu đoàn 308 tổ chức chỉ huy đơn vị đánh trên 150 trận, tiêu diệt 6 tiểu đoàn, 90 tiểu đội, trung đội và đại đội địch; đánh và gọi hàng trên 33 đồn bót, bắn cháy 40 xe cơ giới, tàu chiến, bắt sống hơn 1.000 tù binh...  Sau Hiệp định Giơnevơ 1954, ông được tập kết ra Bắc và được bổ nhiệm làm Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 9, Sư đoàn chủ lực 330. Năm 1960, ông cùng đơn vị sang chiến đấu giúp bạn Lào. Đến năm 1962, ông được bổ nhiệm làm Đoàn trưởng kiêm Chính ủy Đoàn 15 (thuộc Đoàn Phương Đông). Năm 1963, sau khi hành quân trở lại chiến trường miền Tây Nam bộ, ông được giao nhiệm vụ tổ chức xây dựng và trực tiếp chỉ huy Tiểu đoàn T70 - Tiểu đoàn chủ lực độc lập đầu tiên của Quân Giải phóng Khu Tây Nam bộ. Năm 1966, ông được bổ nhiệm làm Trung đoàn trưởng Trung đoàn chủ lực RV5. Thời gian này ông tham gia nhiều trận đánh tiêu biểu là trận vận động tập kích trường huấn luyện biệt kích tại huyện Sử (nay là huyện Thới Bình, Cà Mau), tiêu diệt gọn 01 tiểu đoàn địch, bắt sống 3 sĩ quan Mỹ; trận tiến công Chi khu quân sự Bình Hưng, tiêu diệt 1 tiểu đoàn lính chư hầu khét tiếng ác ôn.  Năm 1967, ông được điều động về làm Tỉnh đội phó Tỉnh đội Trà Vinh. Trong chiến dịch Mậu Thân 1968, ông đã cùng với tập thể Ban Chỉ huy tiền phương chỉ huy các đơn vị thuộc quyền phối hợp hiệp đồng tác chiến chặt chẽ cùng các hướng, các mũi tiến công địch ở khắc nội ô thị xã, góp phần to lớn vào chiến thắng chung của chiến dịch. Tháng 3/1969, Lê Văn Chữ được bổ nhiệm làm Tỉnh đội trưởng Tỉnh đội Trà Vinh. Từ năm 1972 đến ngày 30/4/1975, ông được điều động về công tác tại Quân khu 9. Sau đó, được bổ nhiệm làm Sư đoàn Phó, Sư đoàn 868, Quân khu 9. Năm 1989, ông được tín nhiệm bầu vào Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Phó Chủ tịch, rồi Chủ tịch Hội Cựu chiến binh tỉnh Cửu Long (gồm tỉnh Vĩnh Long và Trà Vinh hiện nay).  Ngày 24/6/2005, Đại tá Lê Văn Chữ được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân. |
|  | Huỳnh Cương  (1925 – 1997) | Làng Vĩnh Phước, quận Vĩnh Châu, tỉnh Bạc Liêu (nay là tỉnh Sóc Trăng). | Năm 1953, ông tham gia hoạt động cách mạng xây dựng cơ sở trong hàng ngũ học sinh, giáo viên, sư sãi và đồng bào Khmer ở thị xã Sóc Trăng và huyện Vĩnh Châu. Năm 1959, hoạt động cách mạng bị lộ, ông bị địch ám sát hụt và được Tỉnh ủy Sóc Trăng điều động ông về Ban Khmer vận tỉnh. Năm 1961, ông là Ủy viên Ủy ban Mặt trận Dân tộc giải phóng Khu Tây Nam Bộ. Năm 1962, ông là Ủy viên Ủy ban Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam. Ngày 11-11-1967, ông được kết nạp vào Đảng Lao Động Việt Nam. Từ năm 1968 – 1974, ông là Ủy viên Hội đồng cố vấn Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam. Từ năm 1974 – 1975, ông là Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Dân tộc giải phóng Khu Tây Nam Bộ, Ủy viên Đảng Đoàn Mặt trận Khu.  Từ năm 1976, ông là Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Hậu Giang, Ủy viên Đảng Đoàn Mặt trận tỉnh; đại biểu Quốc hội khoá VI, Phó Chủ tịch Quốc hội khóa VII, VIII. Từ năm 1980, ông là Tỉnh ủy viên tỉnh Hậu Giang, Trưởng Ban Dân tộc tỉnh ~~ủy~~, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Hậu Giang,… Từ năm 1991 đến ngày 3-3-1997, ông được bầu là Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Trưởng Phân ban Dân tộc Trung ương Nam Bộ, đại biểu Quốc hội khóa IX, Phó Chủ tịch Hội đồng Dân tộc Quốc hội; Ủy viên Ban Cán sự Đảng Ban Dân tộc và Miền núi, Phó Trưởng ban Dân tộc Trung ương; Trưởng cơ quan đại diện Ủy ban Dân tộc và Miền núi, đặc trách công tác Khmer Nam Bộ. Ông mất ngày 04/3/1997. |
|  | Lê Văn Dẹt  (1938 – 1968) | xã Mỹ Phước, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng | Năm 1962, ông nhập ngũ. Năm 1966, giữ chức vụ Trung đội trưởng Đại đội Đặc công (c603). Năm 1968 là Đại đội phó Đại đội Đặc công thuộc Tiểu đoàn Phú Lợi 1.  Từ năm 1962-1968, Lê Văn Dẹt đã tham gia chiến đấu trên 50 trận lớn nhỏ, trong đó trực tiếp chỉ huy đánh 13 trận, diệt hơn 100 tên địch có 3 tên Mỹ, phá hủy 2 máy bay, 1 xe tăng M113, diệt 1 Ban chỉ huy chi khu, 3 Ban chỉ huy phân chi khu, 2 đại đội bảo an. Ngày 07/9/1968, Sư đoàn 21 ngụy tổ chức cuộc càn vào đơn vị và Đại đội Pháo (c602). Cán bộ, chiến sĩ Tiểu đoàn Phú Lợi và Đại đội 602 đã anh dũng chiến đấu đánh lui nhiều đợt tấn công của địch. Tuy nhiên, Sư đoàn 21 ngụy quyết tâm tiêu diệt lực lượng cách mạng, chúng đưa lực lượng 2 tiểu đoàn tiếp tục tấn công Đại đội 602, cướp 1 khẩu pháo. Trước tình hình đó, Lê Văn Dẹt cùng với 2 chiến sĩ đã dũng cảm xung phong đánh chiếm lại khẩu pháo, với quyết tâm thà hy sinh chứ không để vũ khí rơi vào tay giặc. Khi tới mục tiêu, để hạn chế thấp nhất tổn thất về người, anh đã ra lệnh cho hai chiến sĩ đi cùng quay trở ra, rồi một mình ném thủ pháo vào đội hình địch, nhưng thủ pháo không nổ, địch phát hiện nên đã tập trung binh, hỏa lực đánh trả dữ dội. Một mình ông đã anh dũng chiến đấu với một đại đội của địch, diệt và làm bị thương 20 tên. Nhưng trước sự đánh trả quyết liệt của kẻ thù, Lê Văn Dẹt đã anh dũng hy sinh.  Với công lao và sự cống hiến quên mình cho Tổ quốc, Lê Văn Dẹt được Đảng và Nhà nước tặng 1 Huân chương Chiến công hạng Ba; 3 Huân chương Chiến sĩ Giải phóng hạng Nhất, Nhì, Ba và nhiều Bằng khen, Giấy khen khác. Ngày 9/10/2014, liệt sĩ Lê Văn Dẹt được Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. |
|  | Dương Văn Diệp  (1939 - 1972) | xã Thanh Hoà, huyện Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu | Năm 13 tuổi, Dương Văn Diệp tham gia cách mạng, làm giao liên cho chi bộ xã. Sau đó được bổ sung cho lực lượng vũ trang huyện, tỉnh, giữ các chức vụ từ Tiểu Đội trưởng đến Đại Đội phó. Trong thời gian tham gia lực lượng vũ trang (1956 - 1968), ông đã chiến đấu dũng cảm, mưu trí với nhiều thành tích xuất sắc, 2 lần được tặng thưởng danh hiệu Dũng sĩ diệt Mỹ, Dũng sĩ diệt ngụy.  Năm 1969, ông chuyển sang công tác tại Ban An ninh tỉnh Sóc Trăng và được đề bạt giữ chức Đội trưởng Đội Trinh sát Vũ trang. Từ năm 1969 - 1972, ông đã trực tiếp chiến đấu và chỉ huy đơn vị chiến đấu 39 trận, diệt 222 tên địch, làm bị thương 74 tên, bắt 28 tên, bắn rơi 01 máy bay trực thăng, bắn chìm 01 tàu chiến, thu 185 súng, hàng chục tấn đạn dược quân trang, quân dụng của địch. Phá rã 10 ban tề xã, 30 ban tề ấp, 50 toán phòng vệ dân sự, góp phần cùng các lực lượng vũ trang trong tỉnh giải phóng 50.000 dân trở về quê cũ làm ăn. Tháng 2-1972, trên đường đi công tác bảo vệ cán bộ, đồng chí đã bị địch pháo kích và đã anh dũng hi sinh.  Với những thành tích trên, ông đã được tặng thưởng 03 Huân chương, 02 danh hiệu Dũng sĩ diệt Mỹ, Dũng sĩ diệt ngụy và hàng chục Bằng khen của các cấp. Ngày 26/8/1981, liệt sĩ Dương Văn Diệp được Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. |
|  | Huỳnh  Văn Dương  (1911 – 1955) | Làng Châu Thới, quận Vĩnh Lợi, Bạc Liêu | Năm 1929 tham gia tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, năm 1930 tham gia rải truyền đơn và bị đuổi học, ông sang Nam Vang hoạt động trong tổ chức Việt kiều yêu nước Campuchia, sau đó về nước hoạt động tại chi nhánh hãng rượu Bình Tây.  Tháng 8 năm 1945, Huỳnh Văn Dương về làng Mỹ Hòa tham gia khởi nghĩa cướp chính quyền trong tay Pháp - Nhật. Cuộc khởi nghĩa thành công, ông Dương được bầu làm Chủ tịch Ủy ban Giải phóng làng Mỹ Hòa. Đầu năm 1946, ông được Tỉnh ủy và Ủy ban Kháng chiến tỉnh Sóc Trăng phân công làm Phó Chủ nhiệm Mặt trận Việt Minh tỉnh. Năm 1948 Huỳnh Văn Dương được bổ sung vào Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ nhiệm Mặt trận Liên Việt tỉnh Sóc Trăng.  Tháng 2/1950, tại Đại hội đại biểu tỉnh Đảng bộ Sóc Trăng lần thứ nhất đã bầu ông Huỳnh Văn Dương làm Bí thư Tỉnh ủy.  Tháng 10/1954, trong một lần đi công tác trên địa bàn huyện Thạnh Trị, do bị chỉ điểm, ông đã bị biệt kích địch bắt, chúng đày ông qua nhiều nhà tù ở Sóc Trăng, Sài Gòn, Cần Thơ dụ dỗ hứa hẹn đủ điều nhưng không được, chúng chuyển sang dùng mọi cực hình tra tấn dã man, làm cho ông chết đi sống lại nhưng người cộng sản kiên cường này một mực không khai và còn chửi thẳng vào mặt bọn buôn dân, bán nước. Biết không còn cách nào lay chuyển được tinh thần sắt đá của ông Huỳnh Văn Dương, chúng đã thủ tiêu ông.  Huỳnh Văn Dương là người chiến sĩ cộng sản kiên cường, suốt đời tận trung với nước, tận hiếu với dân, là tấm gương sáng cổ vũ mọi người, tinh thần bất khuất của ông đời đời sống mãi trong lòng của nhân dân Sóc Trăng |
|  | Nguyễn  Tấn Đạt  (1903-1992) | Làng Hòa Tú, tổng Nhiêu Phú, quận Phú Lộc, tỉnh Sóc Trăng, (nay là xã Hòa Tú 1, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng). | Năm 1938, đồng chí Nguyễn Tấn Đạt được kết nạp vào Đảng và chỉ định làm Bí thư Chi bộ Hòa Tú.  Cuối tháng 5-1940 do yêu cầu của tình hình mới ông Nguyễn Tấn Đạt được điều động nhận nhiệm vụ Thường trực Ban cán sự Đảng tỉnh, trực tiếp chỉ đạo cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ tại tỉnh Sóc Trăng; Năm 1947, ông Nguyễn Tấn Đạt được bổ sung vào Huyện ủy Cà Mau, phụ trách Nông vận huyện. Đến năm 1948, ông được bầu vào Tỉnh ủy, phụ trách công tác Nông vận tỉnh Bạc Liêu cho đến năm 1954.  Sau Hiệp định Giơnevơ, ông Nguyễn Tấn Đạt (còn có tên thường gọi là Sáu Già) được bố trí vào Tỉnh ủy bí mật làm Phó Bí thư Tỉnh ủy, trực tiếp phụ trách 02 huyện Vĩnh Châu và Vĩnh Lợi.  Năm 1960, ông được điều động về làm Nông vận Khu; Năm 1961 ông được điều động về làm Ủy viên Mặt trận Dân tộc giải phóng tỉnh Cà Mau cho đến năm 1964; Năm 1965 ông được phân công là Ủy viên Ban Dân vận Khu, Đảng đoàn và là ủy viên Ủy ban Dân tộc giải phóng khu Tây Nam Bộ. Sau đó vì lý do sức khỏe được phân công làm cố vấn Nông vận Khu; Tháng 8/1975 bộ phận Nông vận Khu bị giải thể, ông được điều động về làm cán bộ Ban Tổ chức Khu ủy.  Cuối năm 1976, ông được nghỉ hưu và đến ngày 30/5/1992 do tuổi cao, sức yếu, ông Nguyễn Tấn Đạt từ trần. Trong sự nghiệp cách mạng chiến đấu liên tục, không mệt mỏi, ông đã được Nhà nước tặng Huân chương Chống Mỹ cứu nước hạng Nhất, Huân chương Quyết thắng hạng Nhất, Huân chương Giải phóng hạng Nhất; Huy hiệu 50 tuổi Đảng. |
|  | Lưu  Khánh Đức  (1922 – 1971) | Làng Phú Hữu, quận Long Phú, tỉnh Sóc Trăng. | Tháng 02-1945, Lưu Khánh Đức được vinh dự đứng trong hàng ngũ Đảng Cộng sản Đông Dương. Sau Cách mạng Tháng Tám, Lưu Khánh Đức được phân công chỉ huy một Trung đội Cộng hòa vệ binh. Khi thực dân Pháp đánh chiếm Cần Thơ, Tỉnh ủy phân công Lưu Khánh Đức chỉ huy Trung đội Cộng hòa vệ binh chi viện cho Mặt trận Cái Răng. Sau trận chi viện Cần Thơ trở về, Lưu Khánh Đức được phân công trực tiếp chỉ huy Cộng hòa vệ binh tỉnh Sóc Trăng.  Tháng 3-1947, Lưu Khánh Đức được chỉ định là Tỉnh ủy viên phụ trách quân sự. Năm 1949, Bộ Tư lệnh Khu 9 phân công Lưu Khánh Đức chỉ huy Liên Trung đoàn 126 - 128 tỉnh Long Châu Hà. Đến tháng 5-1950, Bộ Tư lệnh Nam Bộ thành lập Trung đoàn Tây Đô, ông được chỉ định làm Trung đoàn phó.  Sau Hiệp định Giơnevơ, Lưu Khánh Đức được phân công tập kết ra Bắc. Ông làm Trung đoàn trưởng Trung đoàn 660, Sư đoàn 330, rồi Tham mưu phó Sư đoàn 338 và đi học quân sự ở Trung Quốc.  Năm 1965, Lưu Khánh Đức được phân công vượt Trường Sơn về miền Nam chiến đấu và được Bộ Tư lệnh Khu 9 phân công làm Tỉnh Đội trưởng tỉnh Sóc Trăng.  Tháng 4-1969, Lưu Khánh Đức được điều động về làm Phó Tư lệnh Khu 9.  Ngày 24-7-1971, trong lúc chỉ huy đánh địch ở U Minh Thượng, Lưu Khánh Đức bị thương nặng và sau đó hi sinh, để lại bao niềm thương tiếc cho gia đình và đồng đội. |
|  | Ngô Hòa Hện  (1907-1985), | Tổng Lịch Hội Thượng (nay là huyện Trần Đề) tỉnh Sóc Trăng. | Năm 1931, Ngô Hòa Hện được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương sinh hoạt tại Chi bộ Lạc Hòa, xã Lạc Hòa, huyện Vĩnh Châu, năm 1936 ông được phân công làm Bí thư Chi bộ.  Năm 1938 tại Hội nghị tỉnh Đảng bộ Bạc Liêu, ông Ngô Hòa Hện được trúng cử làm Tỉnh ủy viên dự khuyết và phụ trách quận Vĩnh Châu. Năm 1939, tại Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Bạc Liêu, được đắc cử làm Tỉnh ủy viên chính thức.  Năm 1940, tại cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ, trong trận đàn áp phong trào tại ấp Mỹ Thanh, ông Sáu Hện bị bắt và tra tấn dã man. Sau 03 tháng giam cầm, không khai thác được gì ở ông, bọn địch bắt buộc phải trả tự do cho ông.  Năm 1951, ông được rút về Ban Tổ chức Tỉnh ủy Cà Mau. Năm 1954, ông Sáu Hện được phân công làm Ủy viên Thường vụ Huyện Ủy Vĩnh Châu.  Tháng 02/1956 ông được tổ chức cho nghỉ hưu và làm cố vấn Nông hội huyện Năm Căn, sau đó công tác ở Ban Thi đua khen thưởng của Ủy ban cách mạng tỉnh Cà Mau.  Ngày 6/12/1985, ông mất do bệnh. |
|  | Nguyễn  Thảo Hiền  (1911 - 1982) | Làng Song Bình, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho (nay là tỉnh Tiền Giang). | Khoảng năm 1941, Nguyễn Thảo Hiền đi xuống Sóc Trăng, xin làm giáo viên. Đầu tháng 02/1945, ông Nguyễn Thảo Hiền được giới thiệu kết nạp vào Đảng và sinh hoạt tại Chi bộ 1 tỉnh lỵ Sóc Trăng.  Ngày 28/8/1945, Ủy ban Hành chính tỉnh tổ chức họp ra mắt, ông Dương Kỳ Hiệp làm Chủ tịch. Lực lượng vũ trang cách mạng được chính thức thành lập, 2 đơn vị Cộng hòa vệ binh đầu tiên của tỉnh ra đời, một do ông Nguyễn Thảo Hiền và một do ông Lưu Khánh Đức phụ trách.  Ngày 23/9/1945, theo phân công của Tỉnh ủy, hai ông Nguyễn Thảo Hiền và Lưu Khánh Đức đã trực tiếp chỉ huy đơn vị tham gia đón tiếp và bảo vệ Đoàn tù chính trị Côn Đảo trở về đất liền, cặp bến tàu Đại Ngãi và đưa về nghỉ, dưỡng tại Trường Fransois – Xavier (còn gọi là Trường Taber), tỉnh lỵ Sóc Trăng.  Tháng 3/1947, ông Nguyễn Thảo Hiền được bổ sung là Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, phụ trách quân sự và là Phó Chủ tịch Mặt trận Việt Minh. Đến tháng 3/1948, ông được quyết định rút về Khu, bổ sung cho khung cán bộ Trung đoàn 133 ở Campuchia.  Ngày 20/7/1954, Hiệp định Genève được ký kết, ông Nguyễn Thảo Hiền được phân công ở lại Nam Vang. Đầu năm 1971, ông Nguyễn Thảo Hiền được điều về công tác ở Ban Tuyên huấn Trung ương Cục (R). Khoảng cuối năm 1971, ông được phân công hoạt động hợp pháp trong vùng Sài Gòn - Chợ Lớn cho đến ngày giải phóng 30/4/1975. Năm 1976, ông tham gia vào Ban Chấp hành Hội Nhà báo Thành phố Hồ Chí Minh, là Ủy viên Thường trực Hội. Ngày 10/4/1982, ông Nguyễn Thảo Hiền mất do một cơn tai biến đột ngột tái phát.  Với công lao hoạt động cách mạng, ông Nguyễn Thảo Hiền được Đảng và Nhà nước tặng thưởng Huân chương Kháng chiến hạng Nhất và nhiều danh hiệu cao quí khác. |
|  | Dương Kỳ Hiệp (1911 – 2000) | Ấp Cái Trúc, làng Ôi Lôi, quận Châu Thành (nay thuộc làng Trường Khánh, huyện Long Phú) Sóc Trăng. | Tháng 9-1930, ông được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam khi còn là học sinh ở Sài Gòn. Trong buổi mittinh tại trường Huỳnh Công Phát để kỷ niệm Cách mạng Tháng Mười Nga, ông bị mật thám Sài Gòn bắt giam ở bốt Catina. Khi ra tù ông được phân công về hoạt động ở Sóc Trăng.  Cuối năm 1932, ông thành lập chi bộ ghép Trường Khánh – Châu Khánh. Sau đó, ông tiếp tục dựng chi bộ Song Phụng, Cái Trâm – Phong Nẫm; Năm 1937, ông lập ra hiệu sách “Thanh niên thư quán” tại số 72 đại lộ Đại Ngãi, tỉnh lỵ Sóc Trăng (nay là số 137, đường Hai Bà Trưng) để làm nơi gặp gỡ, hội họp, phổ biến tin tức, đường lối cách mạng. Năm 1944 ông mở “Quán cơm Thanh niên” tại đại lộ Đại Ngãi làm cơ sở hoạt động.  Cuộc đời hoạt động của ông đã từng trải qua các chức vụ:  - Tháng 3 năm 1945, ông là Bí thư Tỉnh ủy lâm thời Sóc Trăng và được chỉ định là Ủy viên Liên Tỉnh ủy Hậu Giang. Tháng 8-1945, cuộc tổng khởi nghĩa giành chính quyền tại Sóc Trăng thành công ông được phân công làm chủ tịch Ủy ban Hành chính lâm thời tỉnh Sóc Trăng.  - Năm 1947, ông được bổ sung vào Khu ủy Khu 9 với chức vụ Ủy viên dự khuyết nhưng vẫn làm Chủ tịch tỉnh Sóc Trăng. Cuối năm 1948, ông được điều về làm Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến – Hành chính tỉnh Cần Thơ. Tháng 8- 1949 ông được phân công làm Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến – Hành chính tỉnh Bạc Liêu, tháng 5-1953, ông giữ chức Quyền Bí thư Tỉnh ủy kiêm Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến – Hành chính tỉnh Bạc Liêu. Tháng 8-1953, ông được phân công làm Phó Bí thư Tỉnh ủy kiêm Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến – Hành chính tỉnh Long Châu Hà.  - Cuối năm 1954, ông được phân công làm Trưởng ban Tập kết Quân dân chính đảng Khu 9. Năm 1955 ông làm Chánh Văn phòng Ban quan hệ Bắc – Nam. Từ năm 1960 – 1964, ông giữ các chức vụ Vụ phó rồi Vụ trưởng Vụ Tài vụ của Bộ Kinh tế - Tài chính Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam.  - Năm 1965, ông được đề bạt làm Ủy viên Ủy ban Thống nhất phụ trách chi viện cho miền Nam, rồi làm Thứ trưởng Bộ Kinh tế - Tài chính Chính phủ, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch miền Nam.  Với những thành tích đã đạt được trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, ông được Đảng và Nhà nước tặng thưởng nhiều Huân, Huy chương. Ông mất ngày 8-4-2000 tại Thành phố Hồ Chí Minh. |
|  | Chánh  lãnh binh  Trần Văn Hòa | quê ở tỉnh Quảng Ngãi, | Lúc nhỏ nổi tiếng là người thông minh, học giỏi, văn võ song toàn. Lớn lên ông gia nhập vào quân đội thời vua Tự Đức (1847 – 1883), ông đã trải qua nhiều chức vụ trong quân đội nhà Nguyễn, có lúc ông từng làm tham sai cùng với đô thống sứ Đặng Văn Phong; chiêu thảo sứ Nguyễn Văn Đổng cho giám quân Tổng Phước Đạm… Khi vùng đất Sóc Trăng có loạn, ông được triều đình điều về làm Chánh lãnh binh dẹp loạn nơi đây. Chánh lãnh binh Trần Văn Hòa đóng doanh trại tại Ba Thắc, nay thuộc huyện Mỹ Xuyên. Ông đã cho xây dựng chiến lũy tại đây để chống lại quân nổi loạn.  Ông lãnh đạo quân lính chiến đấu rất anh dũng, quả cảm. Ông là vị quan thanh liêm và nhân từ. Tương truyền khi dẹp quân nổi loạn ông thường dùng tình cảm, lòng nhân từ của mình thuyết phục quân nổi loạn. Nhưng trong một trận chiến, ông bị đối phương phục kích, rơi xuống hầm sâu tại Sóc Vồ và bị chém đầu.  Theo truyền thuyết dân gian cho rằng ông chết oan ức nên oan hồn ông rất linh thiêng, thường về báo mộng cho quân lính biết mỗi khi quân nổi loạn dự định đánh vào doanh trại ở Ba Thắc. Nhân dân Sóc Trăng thương tiếc vị tướng tài giỏi xin vua ban sắc phong thần cho Chánh lãnh binh Trần Văn Hòa và thờ ông ở đình Thần Khánh Hưng (nay là đình Năm Ông). |
|  | Lê Vĩnh Hòa  (1932 - 1967) | Sinh tại Bình Định. Theo cha chuyển sống tại Ngọc Chúc (xã Vĩnh Hòa), huyện Giồng Riềng, tỉnh Rạch Giá (nay là tỉnh Kiên Giang). | Ông Lê Vĩnh Hòa tên thật là Đoàn Thế Hối (bút danh là Lê Vĩnh Hòa, Nhị Anh). Từ năm 1946 đến năm 1948, Lê Vĩnh Hòa tham gia hoạt động phong trào thiếu nhi của xã và sau đó làm công tác Đoàn Thanh niên Cứu quốc Rạch Giá, phụ trách thiếu nhi. Cuối năm 1949, ông về công tác tại Văn phòng Bộ Tư lệnh Phân liên khu miền Tây. Năm 1951, ông công tác tại Văn phòng Ban Dân vận Mặt trận Tỉnh ủy Sóc Trăng. Sau Hiệp định Giơ-ne-vơ, Lê Vĩnh Hòa là Ủy viên Ban Chấp hành Thị đoàn Sóc Trăng, sau đó được tổ chức cho đi học ở Trường Trung học tư thục Trần Văn và Trường Trung học bán công Phụ huynh Học sinh, vừa học vừa xây dựng cơ sở Đoàn trong thanh niên, học sinh. Sau khi ra trường, Lê Vĩnh Hòa làm giáo viên các trường trung học tư thục và bán công ở thị xã Sóc Trăng, như: Trần Văn, Lam Sơn và Phụ huynh Học sinh. Tháng 5-1957, ông được kết nạp vào Đảng Lao động Việt Nam.  Tháng 10-1958, ông bị địch bắt và giam tại nhà giam Sóc Trăng, mặc dù bị đánh đập rất dã man nhưng ông vẫn không khai báo. Tháng 5-1964, hết hạn tù, ông móc nối với tổ chức, ra vùng giải phóng tiếp tục hoạt động cách mạng và sáng tác. Tháng 6-1964, ông được điều về công tác tại Ban Dân vận tỉnh Cần Thơ. Thấy ông say mê văn nghệ, Ban Tuyên huấn Khu 9 rút ông về Tiểu ban Văn nghệ Khu hoạt động ở Chiến trường Cần Thơ, Sóc Trăng, Rạch Giá.  Lê Vĩnh Hòa viết rất nhiều bài đăng trên các tạp chí *Nhân Loại, Bông Lúa, Lúa Vàng...* Những bài văn,, bài thơ của Lê Vĩnh Hòa mang nội dung chống Mỹ - Diệm một cách khéo léo và sâu sắc, được cán bộ và nhân dân tỉnh Sóc Trăng ca ngợi và theo dõi thường xuyên.  Lê Vĩnh Hòa hy sinh ngày 7-1-1967 (âm lịch), trong một trận chống càn. |
|  | Phan  Văn Hoành  (1898-1996) | tại xã Tân Thuận Tây, quận Cao Lãnh, tỉnh Sa Đéc (nay là tỉnh Đồng Tháp). | Năm 17 tuổi, Phan Văn Hoành theo mẹ về huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng sinh sống và tham gia vận động nhân dân ký tên vào đơn phản đối lệnh đóng cửa của tờ báo Tân thế kỷ và vận động nhân dân dùng đồ nội. Năm 1933 Phan Văn Hoành ra tỉnh Sóc Trăng sinh sống và thành lập Hội Ái hữu. Năm 1936 -1938 Phan Văn Hoành đã tổ chức, lãnh đạo phong trào đấu tranh đòi tăng lương, giảm giờ làm, đưa ra các yêu sách về quyền lợi chính đáng của người lao động và thành lập Nghiệp đoàn thợ kim hoàn.  Năm 1945 ông Phan Văn Hoành được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương. Tháng 3/1945 Tỉnh ủy lâm thời tỉnh Sóc Trăng được thành lập, ông Phan Văn Hoành được tín nhiệm bầu làm Tỉnh ủy viên phụ trách tỉnh lỵ Sóc Trăng.  Ngày 25/8/1945 cùng với các đồng chí trong Tỉnh ủy, ông Phan Văn Hoành tổ chức đoàn biểu tình buộc Tỉnh trưởng Võ Văn Đảnh bàn giao chính quyền cho nhân dân và đi tuần hành thị uy khắp đường phố, chiếm các công sở của chính quyền địch. Cũng trong thời gian đó ông Phan Văn Hoành được giao nhiệm vụ tổ chức nơi ăn, chỗ ở cho các chiến sĩ cách mạng từ nhà tù Côn Đảo trở về, ông đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ với tinh thần trách nhiệm cao.  Tháng 11/1946, ông Phan Văn Hoành được cử đi xây dựng cơ sở Đảng ở huyện Kế Sách, trong thời gian này ông đã thành lập cơ sở đảng tại các xã Song Phụng, Phú An, Nhơn Mỹ, An Mỹ. Tiếp tục tháng 8/1948 xây dựng cơ sở đảng tại xã Kế An.  Đầu năm 1950 ông được tăng cường về huyện Kế Sách, giữ chức vụ Phó Bí thư Huyện ủy. Cuối năm 1950, ông được cử đi học lớp Chính trị Nguyễn Văn Cừ do Trung ương tổ chức.  Năm 1951, ông được phân công làm Ủy viên Thường vụ Huyện ủy Long Phú, Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chánh huyện Long Phú. Năm 1953, ông được bầu làm Tỉnh ủy viên, Bí thư Thị ủy Sóc Trăng. Năm 1954 ông được phân công làm Phó Bí thư Tỉnh ủy Sóc Trăng. Năm 1957, do sức khỏe ngày càng kém, ông về xã Phú Tâm, huyện Kế Sách dưỡng bệnh và cũng cố gắng củng cố lại phong trào cách mạng nơi đây, sau đó lại tiếp tục gây dựng lại phong trào cách mạng tại xã Kế An, huyện Kế Sách.  Sau khi nghỉ hưu, ông về sinh sống ở thành phố Cần Thơ và từ trần ở đây. |
|  | Huỳnh Phan Hộ  (1911 – 1947) | Bãi Xàu, Sóc Trăng | Ông bắt đầu hoạt động cách mạng từ năm 1942. Ông được Ung Văn Khiêm kết nạp vào Đảng.  Tháng 8-1945, Huỳnh Phan Hộ tham gia Tổng khởi nghĩa giành chính quyền ở Cần Thơ. Tháng 9-1945, ông được Đảng giao nhiệm vụ Chỉ huy trưởng Cộng hòa Vệ binh Cần Thơ; Đầu năm 1947, ông được Bộ Quốc phòng điều về làm Khu Bộ trưởng Khu 9.  Tháng 7-1947, Huỳnh Phan Hộ hi sinh trong một trận đánh giao thông trên Quốc lộ 4 (nay là Quốc lộ 1) tại Cống Đôi, xã Đại Hải, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. Chủ tịch Hồ Chí Minh ký bảng vàng danh dự truy phong hàm thiếu tướng cho ông dịp kỷ niệm 1.000 ngày kháng chiến chống Pháp (1948). |
|  | Trần Văn Hộ  (1950 - 1972) | xã Minh Diệu, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu | Ông đã tham gia vào đội quân du kích xã vào năm 17 tuổi. Trong quá trình chiến đấu, từ một chiến sĩ du kích xã Trần Văn Hộ nhanh chóng trưởng thành, không ngại khó khăn, gian khổ sẵn sàng nhận và hoàn thành nhiệm vụ được giao. Do có nhiều thành tích trong chiến đấu, ông lần lượt được đề bạt lên Xã Đội phó, sau đó là Xã đội trưởng xã Minh Diệu. Năm 1970, ông được điều động về công tác ở Đội Trinh sát vũ trang thuộc Ban An ninh tỉnh Sóc Trăng, với nhiệm vụ là Đội trưởng, đảm trách bảo vệ vành đai khu đóng quân của Tỉnh ủy Sóc Trăng.  Ngày 28/12/1972, địch mở cuộc hành quân lớn vào căn cứ Mỹ Phước, dưới sự chỉ huy của Trần Văn Hộ, Đại đội Trinh sát vũ trang đã đánh trả quyết liệt, cầm chân địch, tạo điều kiện thuận lợi để các cơ quan đầu não của tỉnh sơ tán an toàn. Tuy nhiên, với ưu thế về quân sự và lực lượng, trong một trận đối đầu với địch (sau khi ta đã điều thương binh và lực lượng rút về tuyến sau an toàn), Trần Văn Hộ đã anh dũng hy sinh. Sự hy sinh kiên cường trước kẻ thù của ông đã để lại bao tiếc thương cho đồng đội.  Khi hy sinh, Trần Văn Hộ vừa tròn 22 tuổi tràn đầy sức sống, những đóng góp vô cùng to lớn, xứng đáng được Tổ quốc ghi công của ông là tấm gương sáng ngời cho lớp trẻ hôm nay soi gọi. Với những thành tích đặc biệt xuất sắc ấy, liệt sĩ Trần Văn Hộ được Chủ tịch nước ký quyết định truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân vào ngày 22/7/1998. |
|  | Phạm Văn Hớn  (1927 – 1971) | làng Mỹ Quới, quận Phước Long, tỉnh Rạch Giá (nay thuộc thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng) | Năm 1956, sau khi được tổ chức giác ngộ cách mạng, Phạm Văn Hớn nhập ngũ tham gia lực lượng an ninh vũ trang, công tác trong Đội An ninh vũ trang tỉnh Rạch Giá. Sau khi tham gia khoá đào tạo và huấn luyện chiến đấu, Phạm Văn Hớn được giao nhiệm vụ là bảo vệ huyện ủy, rồi tỉnh ủy. Do biết cách vận động quần chúng, xây dựng cơ sở cách mạng vững chắc nên đồng chí luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ bảo vệ căn cứ, bảo vệ cấp ủy trong những điều kiện hiểm nguy. Ngày 17/01/1971, trong lúc làm nhiệm vụ bảo vệ các đồng chí Thường vụ Khu ủy và Quân khu 9 họp tại khu vực xã Đông Hoà, huyện An Biên, Phạm Văn Hớn đã anh dũng hy sinh. Khi hy sinh ông đang giữ chức vụ Đại đội trưởng An ninh vũ trang bảo vệ Tỉnh uỷ Rạch Giá.  Trong suốt quá trình công tác và chiến đấu, từ một chiến sĩ, sau đó trở thành người chỉ huy, Phạm Văn Hớn luôn tỏ rõ bản lĩnh, mưu trí, gan dạ, dũng cảm. Dù ở bất cứ cương vị nào, Phạm Văn Hớn luôn quyết tâm với tinh thần trách nhiệm cao, tuyệt đối trung thành với Đảng, với cách mạng, luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong mọi điều kiện nên được lãnh đạo Đảng và đồng đội tín nhiệm. Từ năm 1956 - 1971, ông được tổ chức phân công nhiệm vụ trong lực lượng an ninh, hoạt động trên địa bàn tỉnh Rạch Giá (nay là tỉnh Kiên Giang), ông đã tham gia nhiều trận đánh và lập nhiều thành tích tiêu biểu.  Ngày 20/12/1990, liệt sĩ Phạm Văn Hớn được truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. |
|  | Ngô Thị Huệ  (1918 - 2022) | Làng Mỹ Quới, quận Phước Long, tỉnh Rạch Giá (nay thuộc thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng) | Là vợ của ông Nguyễn Văn Linh, cố Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng.  Năm 1936 bà Bảy Huệ được kết nạp vào Đảng, sinh hoạt tại Chi bộ Mỹ Quới. Sau đó bà thoát ly gia đình, về quận Càng Long, tỉnh Trà Vinh hoạt động. Năm 1937, bà Bảy về công tác ở cơ quan Tỉnh ủy Trà Vinh. Cuối năm 1937, bà Bảy được chỉ định vào Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Trà Vinh. Năm 1938, bà chuyển về tỉnh Cần Thơ, tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cần Thơ, phụ trách quận Châu Thành rồi chuyển qua phụ trách quận Trà Ôn (lúc này thuộc tỉnh Cần Thơ).  Sau đó bà được điều về Vĩnh Long, là Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Vĩnh Long, đến khoảng tháng 10 năm 1940 bà Ngô Thị Huệ được chỉ định làm Ủy viên Liên Tỉnh ủy, Phó Bí thư Tỉnh ủy Vĩnh Long, lúc này bà mới 21 tuổi.  Sau Cách mạng Tháng Tám thành công, bà được bầu vào Tỉnh ủy Bạc Liêu, giữ chức Hội trưởng Hội Phụ nữ Cứu quốc tỉnh Bạc Liêu. Ngày 06/01/1946, tỉnh Bạc Liêu tiến hành tổng tuyển cử bầu đại biểu Quốc hội, bà Ngô Thị Huệ là ứng cử viên đơn vị tỉnh Bạc Liêu được trúng cử, khi đó bà Bảy Huệ mới 27 tuổi và là một trong 10 nữ đại biểu Quốc hội khóa đầu tiên của cả nước.  Bà Bảy Huệ được chỉ định tham gia Thành ủy Sài Gòn – Chợ Lớn, phụ trách công tác phụ vận. Năm 1960 bà ra Hà Nội dự Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III và được giữ lại công tác tại Ban Tổ chức Trung ương Đảng, bà làm Vụ phó, rồi Vụ trưởng Vụ Tổ chức – Cán bộ; liên tục là đại biểu Quốc hội từ khóa I đến khóa V.  Sau năm 1975, bà được điều trở lại miền Nam, phụ trách tổ chức xây dựng Đảng, quản lý Tổ chức của Trung ương tại Văn phòng II Trung ương Đảng tại Thành phố Hồ Chí Minh cho đến năm 1979 được nghỉ hưu. Bà từ trần năm 2022, thọ 105 tuổi.  Với những đóng góp to lớn cho sự nghiệp cách mạng của đất nước, bà Bảy Huệ được Đảng và Nhà nước tặng thưởng nhiều huân, huy chương cao quý. |
|  | Lâm Út Huệ  (1937 - 1966) | xã Vĩnh Châu, huyện Vĩnh Châu (nay là thị xã Vĩnh Châu), tỉnh Sóc Trăng | Ông tham gia vào tổ chức cách mạng xã Vĩnh Châu từ năm 1958, trở thành nhân tố tích cực và được kết nạp vào Đảng tháng 02/1960. Năm 1962, ông là Bí thư chi bộ xã Vĩnh Châu. Từ năm 1962 - 1966, ông chỉ đạo phát triển nhiều cơ sở mật, vận động thanh niên tòng quân, đặc biệt đã xây dựng được lực lượng du kích xã đánh địch. Ông tham gia cùng du kích đánh địch trên 50 trận lớn nhỏ, diệt trên 100 tên, trong đó có tên quận trưởng Vĩnh Châu và nhiều tên tề điệp ác ôn.  Ngày 08/7/1966, ông chỉ huy dân công và du kích đắp mô, phá lộ. Nhận được tin địch tổ chức giải tỏa, ông không rút đi cùng với lực lượng mà ở lại hầm bí mật để kịp thời theo dõi tình hình của địch. Do bọn chỉ điểm nên khi bị địch phát hiện, ông đã dùng lựu đạn và dao găm làm bị thương 04 tên địch. Ông bị thương và bị địch bắt, tra tấn đến lúc hy sinh. Nhân dân thị trấn Vĩnh Châu luôn cảm phục hành động dũng cảm gan dạ của Lâm Út Huệ.  Thành tích của đồng chí đã đóng góp xứng đáng vào cuộc kháng chiến chống Mỹ - ngụy trên quê hương Vĩnh Châu, được Đảng và Nhà nước ghi nhận, khen thưởng 2 Huân chương Chiến công hạng Ba. Ngày 25/4/2013, Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ký Quyết định số 803/QĐ-CTN truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân cho liệt sĩ Lâm Út Huệ. |
|  | Đặng  Thanh Hùng  (1940 - 1972) | xã Xuân Hoà, quận Kế Sách (nay là huyện Kế Sách), tỉnh Sóc Trăng | Ông tham gia cách mạng năm 1958, hy sinh ngày 15/9/1972, là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, nguyên Tỉnh Đội phó tỉnh Cần Thơ.  Trong quá trình tham gia chiến đấu, ông trực tiếp chỉ huy đánh 193 trận, diệt 357 tên, có 3 tên cố vấn Mỹ, bắt sống 121 tên, bắn cháy 2 xe M113, bắn rơi 2 máy bay. Riêng ông diệt 37 tên, thu 15 súng, bắn 1 xe M113.  Tháng 8/1964, Đặng Thanh Hùng trực tiếp chỉ huy đánh địch càn quét và bị thương (gãy xương hàm). Tháng 10/1967, ông cùng đồng đội tập kích địch ở Đại An, trước nguy cơ thương binh bị hy sinh, ông đã dũng cảm băng trong lửa đạn của kẻ thù để đánh lạc hướng địch cho đồng đội chuyển thương binh đến vị trí an toàn.  Với nhiều thành tích trong chiến đấu, ông được Đảng và Nhà nước khen thưởng 1 Huân chương Chiến công hạng Ba, 1 Huân chương Độc lập hạng Nhì, 3 Huân chương Chiến sĩ giải phóng hạng Nhất, Nhì, Ba. Ngày 22/2/2010, Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký Quyết định số 212/QĐ-CTN truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân cho liệt sĩ Đặng Thanh Hùng. |
|  | Phan Văn Hùng  (1949 - 1971) | xã Đại Hải, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng | Năm 1965, ông  tham gia vào đội du kích xã Đại Hải và được kết nạp vào Đoàn thanh niên cứu quốc. Năm 1967, ông được kết nạp vào Đảng cộng sản Việt Nam và giữ chức Xã Đội trưởng xã Đại Hải.  Với  cương vị là Xã Đội trưởng, ông đã tổ chức hiệp đồng tác chiến với đơn vị địa phương quân huyện và các xã bạn tiến hành tác chiến 75 trận, làm chết và bị thương 433 tên giặc, bắt sống 61 tên, thu 151 súng các loại và 05 máy PRC 25. Riêng bản thân ông trực tiếp chỉ huy lực lượng du kích từ một tổ đến một trung đội tác chiến 46 trận, diệt và làm bị thương 230 tên giặc, bắt sống 11 tên, thu 13 súng các loại, 02 máy PRC 25 và phá huỷ 03 xe GMC.  Đầu năm 1970, đại đội 313 bảo an lọt vào trận địa phục kích tại khu vực cầu Ba Rinh, Phan Văn Hùng chờ địch vào khu vực đơn vị bố trí mìn, anh cho nổ mìn và đồng loạt xung phong, diệt tại chỗ 33 tên (có 3 tên Mỹ), làm bị thương 9 tên, bắt sống 3 tên (có 2 sĩ quan), thu 37 súng các loại, 1 máy PRC25, phá huỷ 3 xe GMC. Tháng 5/1971, biệt kích địch bất ngờ tập kích vào hậu cứ của ta. Phan Văn Hùng bình tĩnh chỉ huy một bộ phận du kích chặn đánh địch để các đồng chí lãnh đạo xã rút lui an toàn. Trận đánh gần kết thúc, Phan Văn Hùng trúng đạn hy sinh.  Với những chiến công trong kháng chiến, ông được Nhà nước trao tặng 01 Huân chương Chiến công hạng Nhì, 02 Huân chương Chiến sĩ giải phóng hạng Nhất, hạng Nhì, 01 Bằng Dũng sĩ diệt Mỹ, 01 Bằng Dũng sĩ diệt xe cơ giới, 01 Bằng Dũng sĩ diệt ngụy và 17 bằng, giấy khen các loại. Ngày 18/4/2000, liệt sĩ Phan Văn Hùng được Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang. |
|  | Nguyễn  Việt Hùng  (1943 – 1969) | ấp An Hòa, xã Gia Hòa (nay thuộc xã Gia Hòa 2, huyện Mỹ Xuyên) tỉnh Sóc Trăng | Năm 1957, ông được tổ chức cách mạng giác ngộ, được giao nhiệm vụ làm giao liên bí mật cho Bí thư chi bộ xã Gia Hòa. Trong phong trào Đồng khởi ở Gia Hòa, Nguyễn Việt Hùng trở thành người chỉ huy trẻ tuổi của lực lượng du kích xã Gia Hòa. Tháng 02/1962, ông được kết nạp vào Đảng. Đầu năm 1965, ông công tác tại Đội Phòng thủ Tỉnh ủy. Đầu tháng 01/1968, Tỉnh ủy quyết định đổi tên Đội Phòng thủ Tỉnh ủy thành Đơn vị B68 (đây là mật danh, tên chính thức là c68). Đồng chí Nguyễn Việt Hùng được đề bạt làm Chính trị viên.  Trong suốt quá trình công tác và chiến đấu, ông đã lập nhiều thành tích xuất sắc với nhiều trận đánh tiêu biểu, tiêu diệt và loại khỏi vòng chiến đấu hàng trăm tên địch, diệt nhiều tên ác ôn có nhiều nợ máu với nhân dân; bắn rơi 1 chiếc máy bay địch; thu nhiều vũ khí, đạn dược. Tiêu biểu là trận đánh tiêu diệt đợt tập kích của địch vào ngày 28/01/1968, khi đang trên đường đưa đồng chí Nguyễn Văn Hơn, Bí thư Tỉnh ủy về Khu ủy ở U Minh Hạ (Cà Mau) dự họp để nghe triển khai công tác chuẩn bị cho cuộc tổng công kích, tổng khởi nghĩa Tết Mậu Thân 1968. Trong trận phối hợp bao vây, đánh lấn, bức rút Chi khu Ngã Năm vào những tháng đầu năm 1968, đồng chí Nguyễn Việt Hùng đã chỉ huy Đại đội nắm chắc tình hình, chớp đúng thời cơ, tiến công vào chỗ hiểm yếu của địch để tiêu diệt, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, góp phần bức rút Chi khu Ngã Năm.  Ngày 09/10/2014, liệt sĩ Nguyễn Việt Hùng được truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân. |
|  | Lâm  Thành Hưng (1907-1985) | Xã Nhơn Mỹ, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. | Tên thường dùng là Hòa Bình Tửu, là cơ sở cách mạng của tỉnh Sóc Trăng thời kỳ kháng chiến chống Pháp và Mỹ xâm lược. Trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945, ông nhiều lần tìm cách móc nối với cách mạng để có thể đóng góp công sức cho cách mạng. Đến tháng 8-1945, Lâm Thành Hưng cùng với nhiều trí thức, nhân sĩ yêu nước và nhân dân tham gia tổng khởi nghĩa thành công tại tỉnh lỵ Sóc Trăng. Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, lực lượng ta rút về chiến khu, tiếp tục cuộc kháng chiến trường kỳ, ông Hưng ở lại thành tiếp tục thực hiện nhiệm vụ. Thực hiện công việc được vài năm, do bọn đầu thú phản bội về khai báo cho giặc, ông Hưng bị bọn phòng nhì Pháp bắt giam và bị tịch thu toàn bộ nhà cửa, tài sản.  Trong thời kỳ chống thực dân Pháp, ông bị địch bắt nhiều lần, tra tấn dã man và đày qua các nhà tù Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cần Thơ, Catina Sài Gòn, Thủ Đức. Sau Hiệp định Giơnevơ, ông ra tù ở nhà giam Thủ Đức. Đầu năm 1957, ông về ấp Kinh Xáng, xã An Ninh, huyện Mỹ Tú dựng một ngôi nhà gỗ đơn sơ, sinh sống cùng vợ và 2 con nhỏ, làm ruộng, vườn. Năm 1957, ông móc nối lại được với cách mạng, tiếp tục cuộc hành trình chống Mỹ, cứu nước và có đóng góp to lớn trong cuộc tổng tiến công ngày 30/4/1975.  Ông được Đảng và Nhà nước khen thưởng Huân chương Kháng chiến hạng Nhất và nhiều bằng khen, giấy khen khác. Tháng 2-2011, ông được Đảng và Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân. |
|  | Quốc Hương  (1920-1987) | Xã Kiến Thái, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình. | Khi kháng chiến chống thực dân Pháp bùng nổ tại miền Nam, ông gia nhập Vệ Quốc quân, làm Tiểu đội trưởng, ca hát và chiến đấu ở khắp các chiến trường Khu 7, Khu 8, Khu 9. Một lần ông được cử về các xã Cù Lao Long Phú công tác, đến đây ông được nghe nhân dân và tận mắt chứng kiến những chiến công của Đội du kích Long Phú; nhất là những thành tích gan dạ anh hùng của người đội viên du kích Khmer Sơn Tol. Cảm kích và xúc động trước những hoạt động của đội du kích Long Phú, chỉ sau một đêm ông đã sáng tác xong bài hát "Du kích Long Phú" và bản thân ông đã hát tặng ngay cho đồng bào, bà con Long Phú trong khoảng thời gian này.  Năm 1954, Quốc Hương tập kết ra Bắc, sau đó đi tu nghiệp tại Nhạc viện Budapest, Hunggary. Sau khi về nước, ông làm việc tại Nhà hát ca múa nhạc Việt Nam. Năm 1975, đất nước thống nhất, ông chuyển về Thành phố Hồ Chí Minh làm ca sĩ cho Đoàn Nghệ thuật Bông Sen. Năm 1984, Quốc Hương được phong tặng danh hiệu Nghệ sĩ nhân dân đợt đầu tiên.  Năm 1987, ông mất vì bệnh hiểm nghèo. |
|  | Phan  Văn Hương  (1910 - 1960) | xã Khánh Hoà, huyện Vĩnh Châu (nay là xã Vĩnh Hiệp, thị xã Vĩnh Châu), tỉnh Sóc Trăng | Tháng 2/1942, ông tham gia phong trào cách mạng xã Lạc Hoà. Ngày 15/3/1943, ông trở thành đảng viên Đảng Cộng sản. Trong suốt quá trình tham gia cách mạng, Phan Văn Hương đã kinh qua các vị trí lãnh đạo tổ chức cơ sở đảng, chính quyền ở địa phương như Bí thư chi bộ các xã Lạc Hòa, Khánh Hòa, Vĩnh Trạch; Chủ tịch xã Lạc Hòa. Ở mỗi vị trí công tác ông đều thể hiện rõ bản lĩnh của người lãnh đạo, chỉ đạo sáng suốt trong chiến đấu, trong vận động cách mạng quần chúng ở địa phương.  Ngày 13/3/1960, Phan Văn Hương được Huyện ủy Vĩnh Lợi - Vĩnh Châu phân công triển khai Nghị quyết 15 cho các đồng chí bí thư chi bộ xã trong huyện tại xã Vĩnh Trạch. Sau khi triển khai xong Nghị quyết, trên đường trở về cơ sở ông bị biệt kích vây bắt ở ấp An Trạch Đông, xã Vĩnh Trạch. Ông bị địch tra tấn rất dã man nhưng vẫn không làm lung lay khí tiết cộng sản. Không khuất phục được Phan Văn Hương, bọn địch đưa ông ra thị xã Bạc Liêu để tiếp tục tra tấn, uy hiếp phong trào cách mạng của quần chúng, nhưng ông vẫn giữ im lặng, không khai báo gì. Trước sự tra tấn dã man của kẻ thù, ngày 10/3/1960 Phan Văn Hương đã hy sinh.  Tấm gương hy sinh, giữ vững khí tiết cách mạng của ông được Đảng và Nhà nước ghi nhận, khen thưởng 1 Huân chương Chiến công hạng Nhất, 1 Huân chương Kháng chiến hạng Nhất, 1 Huân chương Độc lập hạng Ba, 1 Huân chương Giải phóng hạng Nhì. Ngày 22/2/2010, Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ký Quyết định số 212/QĐ-CTN truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân cho liệt sĩ Phan Văn Hương. |
|  | Nguyễn  Hồng Khanh  (1944 - 1975) | xã Ninh Quới, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu | Năm 1960, Nguyễn Hồng Khanh tham gia cách mạng, đến năm 1962 trở thành đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam. Năm 1963, ông lần lượt được đề bạt giữ các chức vụ Đội trưởng Đội Trinh sát vũ trang rồi Tiểu đoàn phó Tiểu đoàn An ninh vũ trang, Công an tỉnh Sóc Trăng.  Từ năm 1964 - 1975, ông cùng đơn vị độc lập chiến đấu đánh địch 73 trận, diệt 472 tên địch, trong đó có nhiều tên tình báo, cảnh sát, mật vụ ác ôn, cố vấn Mỹ; bắt sống 38 tên, phá rã 4 cuộc hành quân của địch; làm tan rã 26 ban, tề xã ấp; 7 đoàn bình định; 150 toán phòng vệ dân sự có trên 1.400 tên, đưa rước hàng trăm lượt cán bộ, cấp ủy đi công tác an toàn. Ngoài ra, ông còn cùng với đơn vị phối hợp với các địa phương chiến đấu 17 trận, diệt và làm bị thương 243 tên; kết hợp với bộ đội địa phương bao vây bức rút, bức hàng 12 đồn bót, diệt và bắt sống 140 tên, thu 251 súng các loại, 10 máy thông tin, phá hủy và bắn rơi 3 máy bay, 2 xe quân sự, thu nhiều quân trang, quân dụng và đồ dùng quân sự.  Ngày 29/4/1975, Nguyễn Hồng Khanh được giao nhiệm vụ chỉ huy đơn vị đánh vào Ty Cảnh sát phối hợp với các đơn vị bạn giải phóng tỉnh Sóc Trăng. Trong trận này đơn vị ông đã tiêu diệt 70 tên, làm tan rã 1 đại đội phòng vệ, thu toàn bộ vũ khí và tài liệu của địch. Tại mũi chính diện của Tiểu đoàn An ninh vũ trang, địch chống cự quyết liệt, Nguyễn Hồng Khanh đã chỉ huy tổ chức một tổ xung kích đột phá vào khu trung tâm để tiêu diệt tên Trưởng Ty cảnh sát, nhưng bị địch tập trung hỏa lực bắn dữ dội, ông cùng với một cán bộ trợ lý tiểu đoàn đã anh dũng hy sinh vào sáng ngày 30/4/1975. Tấm gương hy sinh của đồng chí mãi mãi là nét son tô thắm truyền thống của lực lượng công an nhân dân “vì nước quên thân, vì dân phục vụ”.  Với những thành tích đặc biệt xuất sắc trong chiến đấu, ngày 03/8/1995 liệt sĩ Nguyễn Hồng Khanh được Đảng, Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. |
|  | Sơn Khinh  (1930 - 1968) | làng Vĩnh Phước, quận Vĩnh Châu, tỉnh Bạc Liêu (nay là xã Vĩnh Tân, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng | Ông tham gia cách mạng tháng 12/1958, nhập ngũ năm 1964. Ông là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, hy sinh năm 1968 khi đang giữ chức vụ Huyện Đội phó huyện Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.  Năm 1960, trong một lần đi công tác, Sơn Khinh gặp tên Phân liên đoàn trưởng, ông cùng với 2 người khác đã xông vào dùng dao găm đâm chết tên này. Cũng năm đó, Sơn Khinh chỉ huy du kích xã Vĩnh Phước phối hợp với bộ đội tập kích 1 Trung đội biệt kích ở chùa Trà Vôn, bọn địch ngoan cố ở trên nóc chùa xả súng dữ dội vào đội hình ta, trước tình hình hết sức khó khăn, ông đã mưu trí, dũng cảm dẫn đầu lực lượng xung phong tràn vào tiêu diệt hỏa điểm, tạo điều kiện cho đơn vị giành thắng lợi hoàn toàn.  Đầu năm 1966, Mỹ - Ngụy mở đợt phản công mùa khô nhằm tiêu diệt lực lượng chủ lực của ta và đánh phá vào các cơ sở hạ tầng trên địa bàn huyện. Dưới sự lãnh đạo của Bí thư chi bộ Sơn Khinh, lực lượng du kích và nhân dân trong xã đấu tranh chống càn quét, chống bắn phá và chiến tranh tâm lý của địch; xây dựng và bảo vệ vững vùng nông thôn giải phóng, từ đó các ấp, xã chiến đấu được kiện toàn và tiếp tục mở rộng ra vùng yếu, vùng kềm.  Đêm 17/8/1968, tổng tiến công đợt 3 trên toàn tỉnh mở màn ở nhiều nơi, với cương vị Huyện đội phó, Sơn Khinh đã tham gia chỉ huy trận đánh, phối hợp các lực lượng anh dũng chống càn, kìm chân Sư đoàn 21 ngụy suốt mấy ngày liền. Kết quả ta loại khỏi vòng chiến đấu 50 tên địch, nhiều tên khác bị thương, thu nhiều súng, đạn dược; phía ta hy sinh 2 đồng chí, bị thương 2 đồng chí, trong đó có Sơn Khinh, do bị thương quá nặng, ông đã hy sinh.  Ông được Đảng, Nhà nước tặng thưởng 01 Huy chương Quyết thắng, 01 Huân chương Chiến công Giải phóng hạng Nhì, 01 Huân chương Chiến công Giải phóng hạng Ba. Ngày 20/12/1994, liệt sĩ Sơn Khinh được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân. |
|  | Hồ  Hoàng Kiếm  (1947-1969) | ấp Tân Hội, làng Tân Thạnh, quận Long Phú (nay là huyện Long Phú), tỉnh Sóc Trăng | Hồ Hoàng Kiếm có tên khai sinh là Hồ Văn Kiếm, khi chưa tròn 15 tuổi, Hồ Văn Kiếm tham gia cách mạng và được tổ chức cho gia nhập lực lượng du kích xã Tân Thạnh, huyện Long Phú. Năm 1967, Hồ Văn Kiếm được rút lên thị xã Sóc Trăng và được tổ chức tin tưởng phân công làm Trung Đội phó Trung đội Biệt động Khu II. Sau đó, ông được đề bạt làm Trung Đội trưởng Trung đội Biệt động Khu III, Đội Biệt động thị xã Sóc Trăng. Sau khi được điều động lên thị xã, ông đổi tên thành Hồ Hoàng Kiếm để thuận lợi trong hoạt động cách mạng của mình. Với trách nhiệm mới nặng nề hơn, Hồ Hoàng Kiếm không ngừng nghiên cứu tìm tòi và nhanh chóng hòa nhập vào chiến trường mới. Trong quá trình chiến đấu, đơn vị do Hồ Hoàng Kiếm chỉ huy đã phối hợp với các đội du kích mật ở 3 khu (I, II và III), Đại đội 247, Đại đội 301 (là Đại đội Địa phương huyện Vĩnh Châu) đánh chiếm và làm chủ nhiều khu vực ở thị xã Sóc Trăng, làm tiêu hao, tiêu diệt nhiều sinh lực địch.  Trong một lần ém quân ở ấp Mương Tra (thuộc xã Tân Thạnh), ông Hồ Hoàng Kiếm không may bị trúng đạn của bọn địch từ thị xã Sóc Trăng đi càn quét. Ông Hồ Hoàng Kiếm hy sinh vào ngày 17/11/1969 (nhằm ngày 18/10 năm Kỷ Dậu) khi vừa tròn 22 tuổi.  Ông Hồ Hoàng Kiếm đã được phong tặng và truy tặng nhiều danh hiệu cao quý, gồm: Dũng sĩ diệt xe cơ giới, Dũng sĩ diệt ngụy, Huân chương Chiến công hạng III, Huân chương Chiến công hạng II, Liệt sĩ, Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân. |
|  | Phạm Hữu Lệ (1932 - 1969) | ấp Nghĩa Huấn, xã Mỹ Thành, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre | Năm 1948, Hữu Lệ tình nguyện nhập ngũ vào quân đội, tham gia Tiểu đoàn 308. Ông được đồng đội tin tưởng giao phó giữ trọng trách cán bộ Tiểu đội trưởng rồi đến cán bộ Trung đội. Tại chiến trường tỉnh Trà Vinh, Bến Tre trong nhiều trận đánh lớn của Tiểu đoàn 308 đều có sự tham gia và lập thành tích của ông.  Từ năm 1952, Tiểu đoàn 308 về hoạt động tại địa bàn tỉnh Sóc Trăng và Cần Thơ, Tư Thuỳ đã trực tiếp tham gia chiến đấu một số trận đánh lớn đạt hiệu suất cao như: trận Chắc Tức – Bàu Còn, trận Bố Thảo... Đến năm 1954 tập kết ra Bắc, ông công tác tại miền Bắc được đào tạo y sĩ. Năm 1962, ông tình nguyện về Nam chiến đấu ở chiến trường T3 (nay là Quân khu 9). Năm 1964, được phân công về tỉnh Sóc Trăng công tác tại Bệnh xá Quân y Sóc Trăng. Ông cùng với Bệnh xá cứu chữa 4.451 thương binh, 2.008 bệnh binh, 1.200 nhân dân. Tham gia chống càn bảo vệ căn cứ 55 trận, diệt 60 tên địch, thu 05 súng. Bản thân đồng chí trực tiếp cứu chữa 2.500 thương, bệnh binh và nhân dân, trên 10 lần hiến máu để cứu chữa thương binh, cùng đồng đội đánh địch bảo vệ an toàn cho thương binh và anh dũng hy sinh vào tháng 9/1969 khi đang đảm nhiệm chức vụ Bệnh xá trưởng kiêm Chính trị viên và Bí thư Chi bộ Bệnh xá I.  Với nhiều thành tích cống hiếntrong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Phạm Hữu Lệ (Tư Thuỳ) được Đảng và Nhà nước tặng 01 Huân chương Chiến công hạng Ba; 01 danh hiệu Chiến sĩ thi đua Quân khu; 03 lần được phong tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh và nhiều bằng khen khác. Những thành tích cống hiến của ông cũng đã góp phần to lớn tô thắm thêm truyền thống và thành tích để Đại đội Quân y Sóc Trăng được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân. Ngày 09/10/2014, Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký Quyết định số 2557/QĐ-CTN truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân cho liệt sĩ Phạm Hữu Lệ. |
|  | Hồ Minh Luông  (1942-1969) | làng Thạnh Thới An, quận Phú Lộc (nay thuộc huyện Trần Đề), tỉnh Sóc Trăng. | Hồ Minh Luông khi chưa tròn 18 tuổi ông là cán bộ Xã Đội Thạnh Thới An. Ngày 15/12/1961 Hồ Minh Luông được kết nạp vào Đảng, sau đó ông được cử công đi học lớp đào tạo cán bộ trung đội. Ngày 01/7/1964 Tiểu đoàn Phú Lợi thuộc Tỉnh Đội Sóc Trăng được thành lập, ông được điều động lên tỉnh, làm cán bộ chính trị Tiểu đoàn Phú Lợi. Đầu năm 1967, ông được phân công làm Chính trị viên, Bí thư Chi bộ Đại đội 247.  Ngày 02/4/1967, Đại đội 247 cơ động vào vùng 6 xã đất liền của huyện Long Phú để hoạt động, tổ chức đánh địch để phá kềm, mở lõm, cùng các lực lượng liên tục tiến công vào thị xã Sóc Trăng. Hoạt động trên địa bàn vô cùng khó khăn, ác liệt, ông lãnh đạo Đại đội 247 kiên trì khắc phục khó khăn, anh dũng chiến đấu, bám trụ vững chắc địa bàn. Với phương châm “tập trung, phân tán linh hoạt”, đồng chí Hồ Minh Luông đã lãnh đạo đơn vị vừa luồn sâu vũ trang tuyên truyền trong vùng yếu, vùng kềm, vừa chủ động tiến công tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch, bồi dưỡng phát triển lực lượng của địa phương hỗ trợ các phong trào đấu tranh của quần chúng. Đồng chí đã chỉ huy đơn vị đánh trên 50 trận, loại khỏi vòng chiến đấu gần 1.000 tên địch.  Trong một tối khi dẫn một tổ đi trinh sát, nghiên cứu địa hình ở xã Châu Khánh và Trường Khánh, đồng chí Hồ Minh Luông cùng các chiến sĩ bị lọt vào ổ phục kích của địch. Đồng chí Hồ Minh Luông bị thương nặng và hy sinh ngày 16-11-1969, nhằm ngày 7 tháng 10 năm Kỷ Dậu.  Ngày 20/12/1994, liệt sĩ Hồ Minh Luông được Chủ tịch nước truy tặng danh hiệu cao quý Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân. |
|  | Phạm Thị  Minh Lý  (1936 – 2022) | ấp Phụng An, làng An Mỹ, quận Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng | Năm 1949, Phạm Thị Minh Lý tham gia làm giao liên xã khi mới 13 tuổi. Đến năm 1950, bà tình nguyện tham gia hoạt động [cách mạng](http://baodantoc.com.vn/dong-ky-su/nhung-nguoi-anh-hung-lon-len-tu-ban-lang.html) trong quân ngũ, được phân công làm công việc cứu thương. Năm 1954, bà không đi tập kết ra Bắc mà ở lại miền Nam và được phân công làm nhiệm vụ bảo vệ sức khỏe cán bộ Tỉnh ủy Sóc Trăng. Ngày 17/10/1959, bà được kết nạp vào Đảng. Từ năm 1961 - 1975, bà đã cùng với đơn vị điều trị hơn 10.000 thương binh, bệnh binh và hơn 4.000 người dân. Đào tạo 220 cán bộ, nhân viên y tế đáp ứng yêu cầu chiến đấu và phục vụ chiến đấu, cứu chữa người dân. Trực tiếp phẫu thuật 620 ca, có 334 ca nặng, 13 sản phụ. Song, bản thân đồng chí cũng có 8 lần bị thương, phải phẫu thuật để bảo toàn tính mạng.  Suốt 26 năm tham gia kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, với các chức vụ khác nhau như Đội trưởng Đội phẫu, Bệnh xá Trưởng, Phó Ban rồi Trưởng Ban Quân y tỉnh, Phạm Thị Minh Lý đã chiến đấu và phục vụ chiến đấu hàng trăm trận, lập được nhiều thành tích xuất sắc, góp phần cùng đơn vị hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao, tiêu biểu như: trận đánh Dù Tho vào tháng 4/1961; trận đánh Chi khu Ngã Năm vào tháng 6/1962; trận đánh diệt Chi khu Vĩnh Thuận (Rạch Giá, Kiên Giang) vào tháng 3/1963. Trong đợt Tổng tấn công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968, cuộc chiến đấu diễn ra ác liệt, số lượng thương binh nhập trạm lớn, bà đã trực tiếp đứng mổ liên tục suốt 2 ngày đêm và chỉ đạo cấp dưới cấp cứu tại chỗ trên 60% lượng thương binh nặng. Sau khi đất nước thống nhất đến năm 1992, bà giữ các chức vụ như: Phó Chủ nhiệm Hậu cần kiêm Chủ nhiệm Quân y; Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ tỉnh Sóc Trăng, kiêm Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ bảo trợ nạn nhân chất độc da cam, tham gia Hội Y học.  Với những thành tích đặc biệt xuất sắc trong chiến đấu và công tác, Phạm Thị Minh Lý đã được Đảng, Nhà nước tặng thưởng nhiều huân, huy chương. Ngày 25/4/2013, bà được phong tặng danh hiệu Anh hùng lực Lượng vũ trang nhân dân. |
|  | Lê Văn Mỹ  (1911 – 2008) | ở làng Long Phú, quận Long Mỹ, tỉnh Rạch Giá (nay thuộc huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang). | Lê Văn Mỹ đã tham gia thanh niên tiền phong ở làng, cướp chính quyền ở quận vào ngày 28/8/1945 sau đó cùng anh em thanh niên tiền phong quay về lập chính quyền ở làng Long Phú.  Năm 1947, ông được kết nạp vào Đảng, được phân công làm Hội Trưởng Nông dân làng Long Phú. Năm 1948, được chỉ định làm Bí thư Chi bộ và Thư ký Mặt trận xã. Năm 1951, ông vừa là Bí thư chi bộ, vừa làm Chủ tịch Ủy ban kháng chiến – hành chính xã Long Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng. Năm 1952, điều động ông sang làm Thường vụ Huyện ủy, đồng thời là Thư ký Mặt trận huyện Châu Thành (Sóc Trăng) và là Ủy viên của Đoàn cải cách ruộng đất tỉnh, chuyên trách tại Châu Thành.  Sau khi học tập chỉnh huấn “tình hình mới, nhiệm vụ mới”, Lê Văn Mỹ được đề bạt làm Bí thư Huyện ủy Châu Thành. Cuối năm 1957, Lê Văn Mỹ được điều làm Phó Bí thư Huyện ủy Vĩnh Lợi – Vĩnh Châu.  Đầu năm 1961, Lê Văn Mỹ được Tỉnh ủy điều làm Bí thư Huyện ủy Mỹ Xuyên. Tháng 5/1961, Lê Văn Mỹ được bổ sung vào Thường vụ Tỉnh ủy, phụ trách Nông hội. Cuối năm 1961, ông được điều động làm Trưởng ban An ninh tỉnh. Tháng 10/1964, ông được chỉ định làm Phó Bí thư Tỉnh ủy phụ trách công tác Dân vận và Mặt trận.  Tháng 4/1969, ông nhận quyết định làm Bí thư Tỉnh ủy Sóc Trăng, khi tuổi đời đã xấp xỉ 60, nhận thấy mình tuổi cao không còn đủ sức lãnh đạo trước yêu cầu mới hết sức nặng nề, ông đã tự nguyện đề xuất với Khu ủy và Ban Thường vụ Tỉnh ủy đưa ông Lê Phước Thọ lên giữ chức Bí Thư Tỉnh ủy thay mình, còn ông nhận cương vị làm Phó Bí thư Tỉnh ủy chăm lo đến công tác Dân vận và Mặt trận. Cuối năm 1972, công tác ở Ủy ban Kiểm tra Khu ủy cho tới ngày giải phóng miền Nam. Đầu năm 1976, ông chuyển về làm Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng của Tỉnh ủy Hậu Giang; đến năm 1977, ông nghỉ hưu. |
|  | Ung Văn Muôn (1915 - 2007) | Làng Xuân Hòa, tổng Định Tường, quận Kế Sách (nay là ấp Hòa Lợi, xã Xuân Hoà, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng) | Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, Ung Văn Muôn tham gia vào tổ chức Thanh niên Tiền phong. Cuối năm 1947, Ban Cán sự Đảng quyết định thành lập Ủy ban Kháng chiến Hành chính làng Xuân Hòa, đồng chí Ung Văn Muôn là Ủy viên Ủy ban kiêm Thư ký.  Tháng 3/1948, ông Ung Văn Muôn được vinh dự đứng vào hàng ngũ của Đảng. Năm 1948, ông Ung Văn Muôn được phân công là Ủy viên Ủy ban Kháng chiến Hành chánh làng Xuân Hòa; đến năm 1949 là Phó Chủ tịch Ủy ban, và năm 1950 là Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chánh xã.  Từ năm 1951 - 1953, ông được bầu vào Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Kế Sách và được Huyện ủy phân công làm Bí thư kiêm Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chánh xã Xuân Hòa. Tháng 11/1953, ông Ung Văn Muôn được bầu vào Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh. Sau đó, được phân công làm Phó Giám đốc Ty Công an Sóc Trăng phụ trách công tác bảo vệ chính trị nội bộ. Cuối tháng 10/1954, Tỉnh ủy Sóc Trăng bí mật được thành lập, ông Ung Văn Muôn - Tỉnh ủy viên được phân công phụ trách công tác kinh tài của Tỉnh ủy. Cuối năm 1957, Tỉnh ủy điều động ông về làm Bí thư Huyện ủy Châu Thành (nay là huyện Mỹ Tú). Đến giữa năm 1960, ông được Tỉnh ủy rút về nhận nhiệm vụ tại Trường Đảng tỉnh Sóc Trăng. Sau đó, ông được Khu ủy rút về công tác tại bộ phận Huấn học của Khu ủy. Tháng 8/1965, ông được Khu ủy điều động về Trường Y tế Khu với nhiệm vụ là Phó Giám hiệu phụ trách công tác chính trị - tổ chức và kiêm công tác giảng dạy, đào tạo cán bộ y sĩ cho đến cuối năm 1975.  Đầu năm 1976, ông được điều động về công tác tại Ban Khoa giáo tỉnh Hậu Giang. Cuối năm 1976, điều động đồng chí về nhận nhiệm vụ Hiệu trưởng Trường Bổ túc Văn hóa tỉnh.  Tháng 01/2007, ông qua đời do tuổi cao. Ông Ung Văn Muôn đã được Đảng và Nhà nước trao tặng nhiều danh hiệu cao quý: Cán bộ tiền khởi nghĩa, Huân chương Độc lập hạng Nhì, Huân chương Kháng chiến hạng Ba, Huân chương Kháng chiến hạng Nhất, Huân chương Quyết thắng hạng Nhất, Huân chương Giải phóng hạng Nhất, Huy hiệu 50 năm tuổi Đảng. |
|  | Trần  Quang Nghiêm  (1905-1982) | xã Thạnh An, huyện Châu Thành, tỉnh Cần Thơ (nay thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang). | Năm 1934, sau khi được thụ phong linh mục, ông về làm cha phó xứ đạo Bò Ót, làng Thới Thuận, quận Thốt Nốt rồi về hành đạo tại giáo xứ Cổ Cò (làng Hòa Tú, quận Châu Thành) trước năm 1940. Khi cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ nổ ra, ông đã vận động giáo dân Thiên Chúa tham gia đoàn quân khởi nghĩa, còn mình thì ủng hộ từ bên trong.  Ngày 23/9/1945, thực dân Pháp nổ súng trở lại xâm lược nước ta, ông vẫn vừa làm việc đạo vừa tham gia công việc của cách mạng. Năm 1947, ông làm Chủ tịch Mặt trận Liên Việt quận Thạnh Trị. Trong một trận càn, ông bị địch bắt ở Bãi Xàu, bị trói nhốt trong phòng, đêm đến ông trốn được ra ngoài và chính thức thoát ly theo kháng chiến, trở thành bộ đội trong Trung đoàn 125 (một trung đoàn chủ lực của khu Tây Nam Bộ có nhiều giáo dân tham gia cách mạng).  Ông còn là một trong những người sáng lập ra tổ chức Công giáo Kháng chiến Nam Bộ, là Phó Chủ tịch Mặt trận Việt Minh tỉnh Sóc Trăng, Hội trưởng Hội Công giáo Kháng chiến tỉnh Bạc Liêu. Ngày 19/9/1954, khi tập kết ra Bắc, tiếp tục hành đạo tại Thái Bình theo sự phân công của Ủy ban Liên lạc Công giáo. Một thời gian sau, ông được phân công phụ trách giáo xứ Yên Trì, tỉnh Quảng Ninh và là Ủy viên Thường trực của Ủy ban Liên lạc toàn quốc những người Công giáo Việt Nam yêu Tổ quốc, yêu hòa bình.  Năm 1972, ông đã có mặt tại xứ đạo Đông Hà (Quảng Trị). Đầu năm 1975, ông vào Huế, rồi Đà Nẵng. Khi Chiến dịch Hồ Chí Minh thắng lợi, ông vào Sài Gòn rồi trở về giáo phận Cần Thơ. Sau ngày đất nước thống nhất, ông trở về Hậu Giang tham gia Ban Liên lạc Công giáo tỉnh, là Ủy viên Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.  Ngày 07/4/1982, Linh mục Trần Quang Nghiêm tạ thế tại thành phố Cần Thơ và được an táng tại Nghĩa trang Liệt sĩ thành phố Cần Thơ. |
|  | Huỳnh  Thị Nguyệt  (1922 - 1986) | Làng Hòa Thuận, quận Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng (nay thuộc Phường 3, thành phố Sóc Trăng) | Ngày 20/8/1945, bà Sáu Nguyệt chính thức tham gia phong trào phụ nữ của tỉnh Sóc Trăng, hoạt động trong Hội Phụ nữ Thương mại Cứu quốc của tỉnh lỵ Sóc Trăng. Ngày 26/12/1945 bà được kết nạp vào Đảng tại Chi bộ tỉnh lỵ Sóc Trăng. Sau đó 06 tháng, bà được chuyển Đảng chính thức.  Ngày 04/01/1946, bà Huỳnh Thị Nguyệt được phân công về quận Thạnh Trị, công tác ở Ủy ban Kháng chiến. Tháng 3/1946, bà được phân công trở về tỉnh lỵ hoạt động trong Đội công tác nội ô. Tháng 9/1946, được phân công giữ nhiệm vụ Bí thư Ban Cán sự Đảng kiêm Trưởng đoàn Phụ nữ Cứu quốc quận Long Phú. Tháng 3/1947, bà Huỳnh Thị Nguyệt được bổ sung vào Tỉnh ủy, phụ trách Đoàn Phụ nữ Cứu quốc tỉnh.  Tháng 3/1948, bà Huỳnh Thị Nguyệt được Khu ủy điều động về công tác ở cơ quan Phụ nữ Cứu quốc Khu (đóng ở tỉnh Rạch Giá). Sau đó, bà được điều động về công tác ở trường tiểu học Khu.  Từ tháng 10/1949, bà / điều động về Cần Thơ công tác, làm Ủy viên Thường trực Đoàn Phụ nữ Cứu quốc tỉnh Cần Thơ, Bí thư chi bộ cơ quan. Đến tháng 8/951 kiêm thêm nhiệm vụ Ủy viên Ủy ban Kháng chiến - Hành chính và Hội thẩm Tòa án tỉnh Cần Thơ.  Tháng 10/1954 bà được điều động về tỉnh Rạch Giá công tác, phụ trách công tác dân vận và xây dựng căn cứ Tỉnh ủy tại Rạch Giá.  Tháng 5 năm 1956, bà được Xứ ủy Nam bộ điều động công tác ở Campuchia, tham gia hoạt động trong Đảng bộ Việt kiều Campuchia. Đến tháng 8/1958, bà làm Trưởng Ban Vận động Việt kiều, Bí thư Chi bộ quận 1, Ủy viên Ban Cán sự Đảng bộ Nam Vang.  Từ tháng 12/1952 - 02/1962, bà làm Trưởng đoàn Công tác chỉ đạo điểm của cấp ủy Việt kiều Campuchia, Bí thư chi bộ Đoàn. Đến tháng 02/1965, bà nhận nhiệm vụ mới là Bí thư Ban Cán sự Đảng bộ Việt kiều Liên tỉnh Khu Đông Nam Campuchia. Sau đó bà được phân công làm Phó Chủ tịch Hội Việt kiều yêu nước ở Campuchia. Đến tháng 10/1972, bà được rút về nhận nhiệm vụ Bí thư Đảng đoàn Ban Chấp hành Tổng hội Việt kiều ở Campuchia.  Tháng 8/1975, bà Huỳnh Thị Nguyệt được phân công làm cán bộ Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, là Đảng ủy viên, Bí thư chi bộ, đồng thời tham gia Ban Cải tạo Công thương nghiệp tư bản tư doanh của Thành phố Hồ Chí Minh.  Năm 1986, bà Huỳnh Thị Nguyệt từ trần tại nhà số 92, đường Sương Nguyệt Ánh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh sau một thời gian lâm bệnh, hưởng thọ 64 tuổi. |
|  | Trần Minh Phú  (- 1971) | quê ở huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng | Ông Trần Minh Phú (tên thường gọi là Tám Quân), quê ở huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng. Ông hy sinh giữa năm 1971 tại Giồng Cát, xã Phú Tâm, huyện Châu Thành, khi ấy là Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã Sóc Trăng, Trưởng Ban Cán sự Khu III. |
|  | Huỳnh Văn Phú (1947 - 1969) | làng Mỹ Quới, quận Phước Long, tỉnh Rạch Giá (nay là xã Mỹ Quới, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng) | Ông tham gia cách mạng vào năm 1963, công tác ở Công trường huyện, ngày 16/7/1967, ông được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam. Từ năm 1967 đến đầu năm 1969, ông đã chỉ huy tiểu đội du kích xã đánh trên 10 trận, diệt gần 100 tên địch, bức rút 5 đồn bót. Trong trận chiến đấu ngày 01/01/1969, ông đã cùng tiểu đội du kích xã kiên cường bám trụ, anh dũng chiến đấu với lực lượng địch đông hơn ta gấp nhiều lần, và được trang bị vũ khí trang bị hiện đại nhưng ông vẫn giữ vững trận địa suốt 07 tiếng đồng hồ. Khi tiểu đội chỉ còn lại 02 đồng chí với số lượng đạn ít ỏi, nếu lui quân thì tính mạng của ông được an toàn. Nhưng để bảo vệ an toàn cho nhân dân và đồng đội, ông đã chấp nhận ở lại chiến đấu với địch để đồng đội đưa nhân dân về nơi trú ẩn an toàn. Một mình với khẩu CKC và 20 viên đạn, ông đã dũng cảm bám từng bờ ruộng chiến đấu quyết liệt, khi hết đạn ông quyết không để súng rơi vào tay giặc nên đã tự đập gẫy súng, giả vờ chết để chờ thời cơ tiếp tục chiến đấu. Tuy nhiên, do địch quá đông, mặc dù đã cố gắng hết sức nhưng cuối cùng ông bị bắt, bị đánh đập rất dã man và đã anh dũng hy sinh trước niềm thương sót của đồng chí, đồng đội và nhân dân xã Mỹ Quới.  Đồng chí Tư Phú được khen thưởng 1 Huân chương Chiến công hạng Ba, 3 Giấy chứng nhận Dũng sĩ, 2 Bằng khen. Ngày 09/10/2014, liệt sĩ Huỳnh Văn Phú được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân. |
|  | Nguyễn  Hùng Phước  (1920 –1946) | Xã An Hòa Đông, huyện Cái Tàu Hạ, tỉnh Sa Đéc (nay thuộc tỉnh Đồng Tháp). | Năm 1936, ông tham gia cách mạng tại tỉnh Cần Thơ; năm 1937, ông được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương; năm 1939, ông chuyển về hoạt động tại Vĩnh Long sau đó được bổ sung vào Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Vĩnh Long.  Tháng 5-1941, ông được điều động về hoạt động tại Sài Gòn – Gia Định. Năm 1942, ông bị địch bắt tại đồn điền Michelin ở Dầu Tiếng. Sau đó, ông bị đưa về bốt Catina tra tấn dã man và bị đày ra Côn Đảo với mức kết án tù chung thân khổ sai.  Đến ngày 20/9/1945, ông cùng người anh trai là Nguyễn Hùng Minh trực tiếp cùng Bác Tôn Đức Thắng thay nhau lái canô “Giải phóng” về đất liền. Ông được phân công về Cần Thơ công tác ở Ban Chế tạo vũ khí.  Tháng 11/1945, ông được phân công hoạt động tại tỉnh Sóc Trăng. Khi thực dân Pháp tái chiếm Sóc Trăng, ông chỉ huy Quốc vệ đội chiến đấu kiên cường tại mặt trận Vườn Xoài; sau đó tăng cường cho mặt trận Bố Thảo, Cầu Đen. Tại đây, Nguyễn Hùng Phước được giao trọng trách Giám đốc Quốc gia tự vệ cuộc tỉnh Sóc Trăng.  Tháng 9/1946, Nguyễn Hùng Phước được đề cử vào Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Sóc Trăng, phụ trách quân sự. Sau đó, ông được Khu 9 điều động, bổ nhiệm làm Khu Bộ phó.  Thượng tuần tháng 11/1946, ông được Bộ Tư lệnh phân công đưa một trung đội đi tải vũ khí do Trung ương cấp về Khu 9. Trên đường tải vũ khí về, ông cho trung đội ém cất vũ khí tại Giồng Sao và tổ chức đánh đồn Ngã Tư Nhà Đài. Trong cuộc chiến đấu này, ông bị thương nặng. Không hề lùi bước, ông tiếp tục xông lên nhưng lại bị một quả lựu đạn nổ tung, sau đó ông hy sinh ngày 23/11/.  Ngày 21/10/2014 Liệt sĩ Nguyễn Hùng Phước được truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân. |
|  | Dương  Minh Quan  (1917 – 1943) | tại làng Khánh Hưng, tổng Nhiêu Khánh, quận Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng (nay thuộc thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng). | Cuối năm 1938, Tỉnh ủy lâm thời Sóc Trăng được thành lập, ông được chỉ định làm Bí thư. Trong một lần được lệnh tiếp nhận truyền đơn của xứ ủy và phân phát trực tiếp cho từng cơ sở bí mật, do bị chỉ điểm nên ông bị bắt và địch đưa ra toà án Sóc Trăng. Khi bị xử tại tòa án ông biến phiên tòa thành nơi diễn thuyết, lên án thực dân Pháp và bè lũ tay sai. Cuối cùng chúng vẫn kết án khổ sai chung thân và đày ông ra Côn Đảo. Tại đây ông tham gia các nhóm học tập lý luận chính trị, thành lập chi bộ nhà tù....  Trong tù không chỉ bị tra tấn dã man, ông còn phải lao động khổ sai, thường xuyên làm công việc đập đá vừa nặng nhọc vừa nguy hiểm, vừa bị đánh đập không ngớt tay... Năm 1943, ông mất tại Côn Đảo. |
|  | Lương  Đơn Quế (1916-1984) | Xã Hòa Tú, huyện Thạnh Trị (nay là xã Hòa Tú 1, huyện Mỹ Xuyên) | Năm 1938 ông Lương Đơn Quế được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương. Sau khi kết nạp Lương Đơn Quế được giao nhiệm vụ cụ thể là vào hoạt động trong tôn giáo Cao Đài, với quan hệ và uy tín của mình Lương Đơn Quế đã hoạt động liên kết với nhiều nơi trong các huyện của tỉnh Sóc Trăng, một số huyện của tỉnh Bạc Liêu, thậm chí theo đường đây trong đạo hoạt động lên cả quận Phú Nhuận, Sài Gòn. Sau đó, ông Lương Đơn Quế được Đảng phân công chịu trách nhiệm in ấn và liên lạc với Liên Tỉnh ủy Cần Thơ.  Năm 1940 ông Lương Đơn Quế được điều về Hòa Tú và tham gia cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ nơi đây, anh hướng dẫn quần chúng tổ chức mittinh công khai, tấn công, chống phá đồn điền Trương Vĩnh Khánh, đồn điền Nguyễn Tấn Lễ.  Tháng 4/1941, ông Lương Đơn Quế bị bọn địch đưa ra tòa tại Tòa án binh Sài Gòn, kết án 15 năm tù khổ sai, tịch bôi gia sản và đày biệt xứ ra Côn Đảo. Tháng 8/1945, đồng chí Lương Đơn Quế cùng các đồng chí trong khám đứng lên cướp chính quyền và tổ chức Hội nghị toàn Côn Đảo.  Ngày 23/9/1945, ông Lương Đơn Quế cùng đoàn tù chính trị từ Côn Đảo trở về đất liền, sau đó được phân công về công tác tại quê hương Hòa Tú.  Năm 1946, ông Lương Đơn Quế được Tỉnh ủy chỉ định làm Bí thư Ban Cán sự Đảng huyện Thạnh Trị kiêm Chủ nhiệm Mặt trận Việt Minh.  Tháng 11/1946, đồng chí Lương Đơn Quế được bầu làm Bí thư Huyện ủy Thạnh Trị kiêm Chủ nhiệm Mặt trận Việt minh.  Tháng 7/1948, Tỉnh ủy điều động ông Lương Đơn Quế về làm Chánh Văn phòng Tỉnh ủy và làm Bí thư Liên chi các cơ quan cấp tỉnh.  Ngày 19/8/1949, Huyện ủy Châu Thành tổ chức Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện, qua bầu cử ông Lương Đơn Quế được đắc cử và làm Bí thư Huyện ủy.  Tháng 8/1950, ông Lương Đơn Quế được quyết định di dự lớp Trường Chinh khóa II, tại Vị Thanh.  Tháng 12/1954, được tổ chức phân công giao nhiệm vụ tập kết ra Bắc học tập, bồi dưỡng, nâng cao trình độ.  Tháng 6/1955, được Ban Tổ chức Trung ương phân công về Trưởng Ban Y tế thuộc Tổng cục đường sắt Việt Nam, phụ trách công tác chính trị tư tưởng.  Tháng 4/1958 được phân công làm Chủ nhiệm nhân sự và tiền lương của Vụ Y tế thuộc Tổng cục Đường sắt Việt Nam.  Tháng 10/1966 được điều động về làm cán bộ chuyên trách tại Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương, Ủy viên Thường trực của Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Sóc Trăng tại miền Bắc.  Ngày 10/9/1973, ông được nghỉ hưu sinh hoạt tại Chi bộ, tổ hưu trí ở Khu Tập thể Kim Liên I, thuộc khu phố Đống Đa, Hà Nội.  Tháng 6/1975, ông trở về Sóc Trăng, sinh hoạt tại Chi bộ Phường 2, thị xã Sóc Trăng. Ngày 8/10/1984, ông Lương Đơn Quế từ trần do bệnh hiểm nghèo. |
|  | Trương  Văn Quới  (1951- 1969) | làng Ninh Quới, quận Phước Long, tỉnh Bạc Liêu | Tên thật là Trương Văn An, ông tham gia hoạt động cách mạng ở quê nhà Ninh Quới từ năm 1945. Sau Hiệp định Giơnevơ vào tháng 7-1954, Trương Văn Quới được tổ chức phân công ở lại miền Nam, tiếp tục gây dựng tổ chức cơ sở Đảng và phong trào cách mạng. Đầu năm 1956, đồng chí được phân công làm Bí thư Chi bộ xã Ninh Thạnh Lợi, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.  Năm 1965, ông Trương Văn Quới được điều động lên tỉnh Sóc Trăng, công tác ở Ban Căn cứ Tỉnh ủy. Tháng 10/1967, ông Trương Văn Quới được điều động công tác ở thị xã Sóc Trăng, với nhiệm vụ là Trưởng Ban Công vận, kiêm Trưởng Ban Cán sự Khu III. Ông đã xây dựng được hàng chục gia đình cơ sở cách mạng sống và làm việc hợp pháp trên địa bàn nội ô thị xã. Bên trong ngôi nhà của ông Trương Văn Quới được bí mật xây dựng kho chứa vũ khí của lực lượng vũ trang thị xã Sóc Trăng. Ngoài ra, trong ngôi nhà ông còn có một hầm bí mật, có sức chứa đến một tiểu đội, nơi đây từng nuôi giấu bà Phan Thị Tốt (Ba Tốt), Khu ủy viên Khu Tây Nam Bộ đến công tác tại tỉnh Sóc Trăng để chỉ đạo cuộc Tổng công kích, tổng khởi nghĩa Mậu Thân năm 1968.  Ngày 06/8/1969, trên đường công tác ở ấp An Trạch, xã An Ninh, huyện Châu Thành do bị chỉ điểm nên Trương Văn Quới bị bắt tra tấn và hy sinh.  Ngày 28/4/2000, Chủ tịch nước ký Quyết định số 160/KT/CTN truy tặng liệt sĩ Trương Văn Quới danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân. |
|  | Lâm Minh Sang  (1915 - 2002) | làng Phong Thạnh, quận Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu. | Tháng 8 năm 1945, tham gia vào đội Thanh niên Tiền phong ấp Tân Hoà, làng Tân Thuận, quận Cà Mau (nay là huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau).  Tháng 7/1946, Lâm Chuôi được rút về Tỉnh đội Bạc Liêu làm công tác dịch truyền đơn, văn bản cho cách mạng từ chữ Việt sang chữ Khmer.  Từ tháng 7/1947, Lâm Chuôi được điều sang phụ trách quản lý văn phòng Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh Bạc Liêu.  Tháng 8/1949, Lâm Chuôi vinh dự được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương tại chi bộ cơ quan Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh Bạc Liêu.  Tháng 3/1951, ông Lâm Chuôi (lúc này sử dụng tên là Lâm Minh Sang) được chuyển qua công tác tại Mặt trận Liên Việt tỉnh Bạc Liêu, chuyên đi sâu công tác vận động trong đồng bào Khmer.  Từ năm 1952, là Hội trưởng Hội ủng hộ I-sa-rắc tỉnh Bạc Liêu.  Năm 1957, ông Lâm Minh Sang được tổ chức phân công về huyện Vĩnh Lợi - Vĩnh Châu, chỉ định là Huyện ủy viên phụ trách 2 xã Vĩnh Phước và Vĩnh Châu là những xã có đông đồng bào Khmer.  Trong năm 1957, ông Lâm Minh Sang được chỉ định là Thường vụ Huyện ủy. Cuối năm 1959 đồng chí được chỉ định là Phó Bí thư Huyện ủy Vĩnh Lợi - Vĩnh Châu.  Sau Hội nghị Tỉnh ủy tháng 5/1962, đồng chí Lâm Minh Sang được Tỉnh ủy chỉ định làm Bí thư Huyện ủy Vĩnh Châu, bổ sung Tỉnh ủy viên Tỉnh ủy Sóc Trăng.  Năm 1964, ông Lâm Minh Sang đã chỉ đạo đập tan quốc sách ấp chiến lược của Mỹ - Ngụy trên địa bàn huyện Vĩnh Châu.  Tháng 11/1967, ông Lâm Minh Sang về tỉnh phụ trách Nông vận và Thanh vận tỉnh Sóc Trăng, sau đó được rút về Tuyên huấn Khu, bổ sung vào Ủy viên Giáo dục phụ trách giáo dục Khmer của Khu, kiêm công tác Khmer vận Khu.  Tháng 8/1974, ông Lâm Minh Sang được rút về Ban Tổ chức Khu phụ trách trại cán bộ của các tỉnh. Đến tháng 02/1975 ông được điều về công tác tại tỉnh Long Châu Hà, bổ sung Tỉnh ủy viên Tỉnh ủy Long Châu Hà phụ trách công tác tổ chức.  Ngày 30/4/1975, cùng các lực lượng vũ trang, ông Lâm Minh Sang đánh chiếm Trung tâm Chi Lăng (nay thuộc tỉnh An Giang). Sau đó, được tổ chức sắp xếp phân công về làm Trưởng Tiểu ban Khmer vận, Ủy viên Ban Dân vận - Mặt trận tỉnh Minh Hải. Thời gian này, ông còn giữ chức Ủy viên Hội đồng nhân dân tỉnh, rồi Phó chủ tịch Ủy ban Mặt trận tỉnh Minh Hải cho đến giữa năm 1979 đồng chí nghỉ hưu. |
|  | Trần Văn Sắc  (chưa rõ năm sinh, mất vào khoảng năm 1958 - 1959) | là người miền Trung (thường gọi là người Huế) | Theo một số nhân chứng kể lại ông Trần Văn Sắc là người miền Trung (thường gọi là người Huế và chưa rõ năm sinh), đến tỉnh lỵ Sóc Trăng hoạt động vào khoảng tháng 5-1946 (lúc này ông Trần Văn Sắc đã là đảng viên). Ông được phân công cùng các ông bà: Phạm Thị Nhung, Nguyễn Thị Kim Anh, Huỳnh Thị Nguyệt, Cao Sol, Tạ Quốc Thiện, Quách Bạch Sến, Bành Chí Cương, Lâm Văn Khai... bắt liên lạc với cán bộ tỉnh lỵ Sóc Trăng, đồng thời tổ chức thêm nhiều cơ sở cách mạng trong nội ô tỉnh lỵ Sóc Trăng...  Sau Hiệp định Giơnevơ, ông Trần Văn Sắc được phân công tiếp tục ở lại thị xã Sóc Trăng hoạt động cách mạng. Khoảng giữa năm 1956, trong một lần đi công tác ở ngoại ô thị xã Sóc Trăng (gần Kho Dầu), ông Trần Văn Sắc bị sa vào lưới giặc, lúc đó ông là Thị ủy viên, Thị ủy Sóc Trăng.  Thời gian công tác ở tỉnh lỵ (từ tháng 2/1950 trở đi gọi là thị xã Sóc Trăng) Sóc Trăng , ông Trần Văn Sắc được nhiều gia đình cơ sở cách mạng nuôi chứa, bảo vệ, đặc biệt là gia đình ông Xã Liếm (người Hoa), ở khu vực chùa Đại Giác; gia đình cô Đinh Thị Dân (Tư Dân) ở gần cầu Xéo (đoạn đầu đường Phạm Hùng, Phường 8 hiện nay)...  Sau khi bị bắt, địch tra tấn ông Trần Văn Sắc rất dã man, nhưng ông vẫn giữ vững khí tiết trung kiên của người cộng sản. Cuối cùng địch kết án ông và đày đi Côn Đảo. Do bị địch tra tấn và cuộc sống khắc khổ của nhà tù, ông đã hy sinh trong nhà tù Côn Đảo khoảng năm 1958 - 1959. |
|  | Phó Chánh  lãnh binh  Trần Đình Sâm | thời vua Tự Đức | Khi Chánh lãnh binh Trần Văn Hòa tử trận ông lên thay sau khi dẹp yên các cuộc nổi dậy ở Sóc Trăng ông rút quân về Bình Thủy (nay thuộc thành phố Cần Thơ) và ngọa bệnh từ trần. Vì mến phục công đức của Phó Chánh Lãnh binh Võ Đình Sâm, nhân dân Ba Xuyên thờ ông tạ Đình Thần Khánh Hưng (Đình Năm Ông). Dưới thời vua Bảo Đại, nhân dân làng Nhâm Lăng đã xin vua ban sắc phong thần cho ông. |
|  | Thạch Sên  (1919 – 1995) | ấp Cây Sộp, làng Phú Nổ, quận Kế Sách (nay thuộc xã Phú Tâm, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng). | Tháng 7/1947, Thạch Sên chính thức gia nhập vào Hội Nông dân Cứu. Năm 1948, Thạch Sên được điều lên làm thư ký và giao liên cho Ban vận động Cao Miên Tự do quận Kế Sách. Sau đó, ông được điều lên hoạt động ở Hội Ủng hộ Ixarắc tỉnh Sóc Trăng.  Ngày 09/8/1950, ông được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương, sinh hoạt Đảng ở Chi bộ Văn phòng Tỉnh ủy Sóc Trăng.  Tháng 02/1951, Thạch Sên được cử vào Ủy viên Hội Ixarắc, phụ trách Ban Đào tạo cán bộ Khmer. Tháng 81951, ông được Tỉnh ủy đặc phái theo đoàn cán bộ chính trị của Bộ Tư lệnh Khu 9 về Vĩnh Châu hoạt động vũ trang tuyên truyền trong vùng tạm chiếm. Tháng 6/1954, ông được bầu vào Thường vụ Huyện ủy phụ trách khối Mặt trận – Dân vận của huyện Long Phú.  Tháng 10/1954, dự lớp học lý luận chủ nghĩa Mác – Lênin và Nghị quyết về tình hình mới, nhiệm vụ mới. Tháng 6/1956, ông làm Phó Bí thư Tỉnh ủy bí mật. Tháng 8/1957, ông là Thường vụ Tỉnh ủy phụ trách công tác dân vận.  Tháng 02/1961, ông được Khu ủy cử đi học Trường lý luận Hoàng Văn Thụ, sau đó về làm Ủy viên Ban Khmer vận Khu Tây Nam Bộ. Tháng 4/1963, ông được điều động sang công tác ở Ban Nông vận Khu, phụ trách việc mở lớp, đào tạo cán bộ nông vận Khmer. Tháng 02/1966, ông được phân công làm Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Dân tộc Giải phóng tỉnh kiêm Trưởng Ban Khmer vận tỉnh Sóc Trăng.  Tháng 3/1970, ông được điều động lên Ban Khmer vận Khu Tây Nam Bộ và đi học Trường Nguyễn Ái Quốc. Sau giải phóng đất nước, tháng 12/1975 ông được điều về làm Tỉnh ủy viên phụ trách Hội Nông dân tỉnh Rạch Giá. Tháng 02/1976, ông được điều động sang tỉnh An Giang công tác, chỉ định làm Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Tri Tôn – một huyện có đông đồng bào Khmer.  Tháng 12/1976, ông được phân công làm Phó Trưởng Ban Dân vận, rồi Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh An Giang. Đầu năm 1979, ông chuyển về Hậu Giang làm Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và sau đó làm cán bộ Ban Tổ chức Tỉnh ủy Hậu Giang, Phó Trưởng Ban Khai hoang, xây dựng vùng kinh tế mới tỉnh Hậu Giang.  Năm 1985, do tuổi cao, sức yếu ông được nghỉ hưu, Thạch Sên mất ngày 10/02/1995. |
|  | Vương  Hồng Sển  (1902 - 1996) | Làng Xoài Cả Nả - tức làng Đại Tâm, tỉnh Sóc Trăng. | Năm 1919, ông rời quê nhà lên Sài Gòn học và ra làm Thư ký ở Trường máy Đỗ Hữu Vị. Từ năm 1928 đến năm 1935, ông làm Thư ký tại Tòa bố Cần Thơ. Từ năm 1936 - 1945, ông làm việc tại Dinh Thống đốc Nam Kỳ rồi Dinh Toàn quyền ở Đà Lạt, rồi trở lại Tòa bố Sóc Trăng. Năm 1949, ông được chính quyền chế độ cũ bổ nhiệm làm Phó Quản thủ Musée Blanchard de la Brosee 17 năm liền; rồi Giám đốc Viện Bảo tàng Sài Gòn (nay là Bảo tàng Lịch sử Việt Nam thành phố Hồ Chí Minh).  Ông có sở thích sưu tầm cổ vật và đã thực hiện được hai công trình là "Khảo về đồ sứ cổ Trung Hoa" vào năm 1971 và "Cảnh Đức Trấn đào lục" năm 1972. Ông trở thành một nhà nghiên cứu khoa học là tác giả hai bộ sách "Khảo về đồ sứ men Lam Huế" xuất bản vào năm 1993 - 1994.  Ông có thói quen ghi chép những điều mắt thấy tai nghe và đưa vào những thư mục cụ thể, rõ ràng. Ông đã xuất bản được 18 tác phẩm và vẫn còn một số bản thảo; các quyển sách nổi tiếng như: *Thú chơi sách, Phong lưu cũ mới, Sài Gòn tạp pín lù, Hồi ký 50 năm mê hát, Sài Gòn năm xưa, Hơn nửa đời hư, ...* và là người góp phần giữ gìn giá trị phương ngữ Nam Bộ qua việc cho ra đời cuốn sách: *Tự vị tiếng Việt miền Nam*.  Ông mất ngày 9/12/1996 tại Thành phố Hồ Chí Minh. |
|  | Lê Hoàng Sương  (1944 – 2021) | làng Hòa Tú, quận Phú Lộc (nay là xã Hòa Tú 1, huyện Mỹ Xuyên), tỉnh Sóc Trăng | Năm 1959, phụ trách công tác thiếu nhi xã Hòa Tú, đến tháng 8/1960 tham gia vào bộ đội Địa phương quân huyện Thạnh Trị. Cuối năm 1961, ông được bổ sung vào Đại đội 20 (c20) của Đơn vị Tây Đô và đến ngày 01/8/1962 vinh dự được kết nạp vào Đảng. Năm 1971, ông làm Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn Tây Đô. Cuối năm 1972, ông giữ chức vụ Tỉnh Đội phó, Tham mưu trưởng Tỉnh Đội Cần Thơ. Từ năm 1977 đến tháng 10/1979, ông là Tham mưu phó Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Hậu Giang. Đầu năm 1981 ông được bổ nhiệm chức Phó Chỉ huy trưởng – Tham mưu trưởng Đoàn 9902. Năm 1992, được phân công làm Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Sóc Trăng. Năm 1994, ông nhận quân hàm Thiếu tướng. Đến năm 1999, ông làm Chủ tịch Hội Cựu chiến binh tỉnh Sóc Trăng.  Từ cuối năm 1961 đến ngày 30/4/1975, Lê Hoàng Sương sống và chiến đấu trên chiến trường tỉnh Cần Thơ. Ông đã cùng nhiều đồng chí, đồng đội kề vai sát cánh chiến đấu hàng trăm trận, trong đó có những trận đánh tiêu biểu như: Trận đánh ngày 02/5/1965 ở huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, đẩy lùi 10 đợt tấn công của một tiểu đoàn bộ binh có chi đoàn xe bọc thép yểm trợ, diệt hàng trăm tên giặc, giữ vững trận địa. Trận chống càn vào mùa mưa năm 1965, diệt và làm bị thương khoảng 445 tên địch, trong đó có 1 thiếu tá, 1 đại úy ngụy và một số cố vấn Mỹ, thu được 39 súng các loại, 5 máy thông tin, 3 máy chụp hình, nhiều đạn dược và đồ dùng quân sự. Trong trận tấn công tiêu diệt Chi khu Quang Phong (Cần Thơ) vào ngày 25/4/1973, ông đã chỉ huy đơn vị vượt qua nhiều tuyến ngăn chặn của địch, bí mật tiếp cận rồi đồng loạt nổ súng tấn công tiêu diệt gọn 1 đại đội và 2 trung đội địch, thu 50 súng các loại.  Do có nhiều công lao đóng góp đối với sự nghiệp cách mạng, ông đã được Đảng, Nhà nước tặng thưởng nhiều huân, huy chương và nhiều phần thưởng cao quý. Ngày 06/11/1978, ông được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân. |
|  | Ngô Tám  (1914 – 1992) | quận Tri Tôn, tỉnh Châu Đốc (nay là huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang). | Năm 1936, Ngô Tám được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương và sinh hoạt tại chi bộ Mỹ Quới. Sau đó ông được Quận ủy phân công đến làng Long Phú (quận Long Mỹ) hoạt động để xây dựng cơ sở cách mạng.  Ngày 26/11/1940, ông nhận quyết định của Liên Tỉnh ủy Hậu Giang về Cần Thơ để nhận nhiệm vụ mới và móc nối với cơ sở cách mạng.  Năm 1941, Ngô Tám được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy và được cử đi dự Hội nghị Liên Tỉnh ủy. Tại Hội nghị Liên Tỉnh ủy, ông được bầu làm Phó Bí thư Liên Tỉnh ủy kiêm Bí thư Tỉnh ủy Cần Thơ. Sau đó, ông được bầu làm Ủy viên dự khuyết Xứ ủy Nam kỳ.  Ngày 26/4/1941, trên đường đi nhận vũ khí, ông bị địch bắt tại thị xã Rạch Giá; chúng giam ông ở nhà tù Rạch Giá, Cần Thơ rồi chuyển lên khám lớn Sài Gòn và bị kết án tù chung thân đày đi Côn Đảo.  Cách mạng Tháng Tám thành công, ông trở về đất liền và được cấp trên điều về làm Phó Bí thư Tỉnh ủy Rạch Giá. Cuối tháng 02/1947, tại Hội nghị Tỉnh ủy mở rộng, ông được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy.  Tháng 02/1950, về công tác ở tỉnh Sóc Trăng. Từ tháng 11/1951 đến tháng 7/1954, ông được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy Sóc Trăng.  Cuối năm 1954, ông tập kết ra miền Bắc và được cử đi học lớp cao cấp lý luận chính trị. Sau đó được phân công làm Vụ phó Vụ Tổ chức; tiếp theo được đề bạt làm Vụ trưởng Vụ Tổ chức thuộc Bộ Nội vụ.  Năm 1960, giữ chức vụ Vụ Trưởng Vụ Tổ Chức, chịu trách nhiệm về Ban Cán sự Đảng. Hòa bình lập lại, ông trở về miền Nam và phụ trách công tác nghiên cứu lịch sử Đảng ở phía Nam. Cuối năm 1978 ông nghỉ hưu. Năm 1992, ông Ngô Tám qua đời. |
|  | Ngô Văn Tảo  (Ngô Quang Tảo, Ngô Văn Nhẫn, Năm Nhẫn)  (1932 – 2020) | ấp Thạnh Hưng, làng Vĩnh Hưng, quận Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu | Ông tham gia cách mạng năm 1945, hoạt động trong phong trào Thanh niên Cứu quốc. Ngày 01/01/1949, Ngô Văn Tảo được kết nạp vào Đảng Cộng sản. Từ năm 1949 – 1970, ông giữ nhiều nhiều vị trí công tác khác nhau, từ huyện đến tỉnh. Tháng 3/1970, ông được đề bạt làm Tỉnh Đội trưởng Tỉnh Đội Sóc Trăng. Đầu năm 1972, ông được bổ sung vào Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Tháng 02/1974, ông nhận được lệnh ra Bắc để đi học tại Trường Quân sự cấp cao. Đến tháng 10/1976, ông hoàn thành khóa học, trở về miền Nam được bổ sung vào Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, giữ chức vụ Tỉnh Đội phó Tỉnh Đội Hậu Giang.  Trong 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp, ông đã chiến đấu hơn 50 trận, diệt và làm bị thương 120 tên địch, thu 19 súng. Trong cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ, cứu nước, ông đã cùng đơn vị tổ chức hàng trăm cuộc đấu tranh chính trị, lãnh đạo nhân dân nổi dậy giải phóng xã Vĩnh Hưng; đánh địch càn quét hơn 30 trận, hạ 15 đồn, diệt và làm bị thương hàng nghìn tên địch; thu hơn 1.000 súng các loại và nhiều quân trang, quân dụng; diệt gọn 6 tiểu đoàn, 22 đại đội, 43 trung đội, phá hủy 6 khẩu pháo 105 ly, đánh chìm và hỏng 15 tàu địch, thu 2 tàu trọng tải trên 300 tấn... Từ năm 1977 – 1979, ông chỉ huy Tiểu đoàn Tây Đô, sau đó là Tiểu đoàn Phú Lợi của tỉnh Hậu Giang phối hợp cùng bộ đội chủ lực Quân Khu và các đơn vị bạn chiến đấu ở biên giới Tây Nam, lật đổ chế độ diệt chủng Pôn-Pốt, cứu giúp nhân dân Campuchia anh em thoát khỏi họa diệt chủng.  Tháng 8/1988, ông được phong quân hàm Thiếu tướng Quân đội nhân dân Việt Nam. Tháng 9/1989, ông được biệt phái sang Bộ Ngoại giao và được phân công nhiệm vụ Tổng Lãnh sự Việt Nam vùng Quân khu 3 của Campuchia. Đến năm 1991, ông trở về nước, đảm trách công tác Thanh tra - Pháp chế tại Quân khu 9. Năm 1992, ông nghỉ hưu và được bầu làm Ủy viên Ban Thường vụ Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Chủ tịch Hội Cựu chiến binh tỉnh Sóc Trăng.  Do có nhiều cống hiến và thành tích đặc biệt xuất sắc, Ngô Văn Tảo được Đảng, Nhà nước khen tặng nhiều phần thưởng và danh hiệu cao quý. Ngày 23/7/1997, ông được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân. |
|  | Huỳnh Thị Tân  (1910 - 2005) | Làng Mỹ Quới, quận Phước Long, tỉnh Rạch Giá (nay thuộc thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng). | Vào những năm 1930, phong trào cách mạng đã bắt đầu len lỏi vào nông thôn. Bà là một trong những người tham gia đầu tiên và rất tích cực che giấu cán bộ cách mạng. Những năm kháng chiến chống đế quốc Mỹ, bà và gia đình kiên quyết bám đất “Một tấc không đi, một ly không rời”. Ngày ngày bà cặm cụi sản xuất nuôi quân, tiếp tế cho cán bộ chiến sĩ lương thực, thuốc men… Bà vận động bà con bám đất giữ làng, cùng với đội quân tóc dài đấu tranh trực diện với kẻ thù. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, năm người con và một cháu nội của bà đã anh dũng hi sinh. Bà đã trở thành biểu tượng tiêu biểu, xứng đáng với tám chữ vàng: “Anh hùng, bất khuất, trung hậu, đảm đang”.  Với những công lao, thành tích to lớn trong kháng chiến, Huỳnh Thị Tân đã được Đảng và Nhà nước tặng thưởng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân và nhiều huân huy chương. Ngày 2-7-2005, má Tám Huỳnh Thị Tân về cõi vĩnh hằng. |
|  | Dương  Trung Tân  (1938 - 1969) | xã Gia Hoà, huyện Thạnh Trị (nay thuộc huyện Mỹ Xuyên), tỉnh Sóc Trăng | Ông tham gia cách mạng năm 1953, công tác tại huyện Thạnh Trị, đến năm 1954 được tập kết ra Bắc học văn hóa ở trường học sinh miền Nam, sau đó được tuyển chọn sang Liên Xô học lái máy bay chiến đấu. Sau khi mãn khóa học, ông cùng phi đội của mình trực tiếp đưa máy bay về nước và tham gia chiến đấu. Từ nửa cuối năm 1965, ông công tác ở Trung đoàn Không quân 923 cho đến khi hy sinh vào ngày 13/9/1969.  Ngày 28/4/1967, với đội hình 60 máy bay, không quân Mỹ đã vào ném bom Hà Nội. Biên đội 4 chiếc do Đại đội trưởng Dương Trung Tân chỉ huy xuất kích đánh trả. Với tinh thần mưu trí dũng cảm, ông đã trực tiếp bắn rơi một máy bay F.105, làm cho đội hình địch rối loạn và phải vứt bom ngoài mục tiêu để tháo chạy. Sau trận chiến này, ông vinh dự được tặng thưởng Huân chương Chiến công hạng Nhì. Ngày 13/9/1969, trong một chuyến chuyển máy bay MIG-19 về vị trí an toàn, trong đó còn một máy bay chiến đấu khác đã bị trúng đạn. Mặc dù đã được sửa chữa nhưng vẫn chưa đảm bảo an toàn, trước tình huống khẩn cấp, ông đã sẵn sàng nhận lái chiếc máy bay này. Sự cố xảy ra, máy bay rơi khi đang bay và có thể bỏ máy bay để nhảy dù nhưng ông sợ nguy hiểm và thiệt hại dưới mặt đất nên Dương Trung Tân đã cố gắng tìm mọi cách lái máy bay ra khỏi vùng người dân đang sơ tán để tránh thương vong và ông đã anh dũng hy sinh.  Với những thành tích xuất sắc trong chiến đấu, Dương Trung Tân đã được tặng thưởng nhiều huân, huy chương chiến công các hạng. Và đặc biệt, ngày 22/2/2010, Chủ tịch nước đã ký Quyết định số 212/QĐ-CTN truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân cho liệt sĩ Dương Trung Tân. |
|  | Phan Văn Tấn  (1905-1989) | Phong Điền, Cần Thơ | Năm 1923, Tư Tấn về Sóc Trăng làm nghề thợ bạc và tham dự Lễ truy điệu cụ Phan Chu Trinh. Năm 1937, ông thành lập Nghiệp đoàn Kim hoàn tại số 67 đường Đại Ngãi (nay là đường Hai Bà Trưng). Sau đó được giới thiệu vào kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương. Cuối năm 1938 ông Phan Văn Tấn được giao nhiệm vụ là Ủy viên phụ trách tài chính Tỉnh ủy lâm thời Sóc Trăng.  Tháng 3/1945 ông Phan Văn Tấn làm Phó Bí thư Tỉnh ủy phụ trách giới công nhân. Năm 1946, ông Phan Văn Tấn cùng đồng đội xây dựng căn cứ kháng chiến tại Bố Thảo (quận Châu Thành). Tháng 5/1946 ông Phan Văn Tấn được Tỉnh ủy cử đi học lớp lý luận chính trị mac-xit tại quận Kế Sách. Sau khóa học ông được phân công về xã Gia Hòa, quận Thạnh Trị để xây dựng căn cứ cách mạng.  Tháng 8/1948 ông Phan Văn Tấn được giao nhiệm vụ ra vùng căn cứ xây dựng hậu phương và củng cố nghiệp đoàn, thành lập các xưởng dệt vải, xưởng mộc, lò rèn,… Tháng 2/1950, tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh, ông Phan Văn Tấn được bầu làm Tỉnh ủy viên dự khuyết, phụ trách công tác công đoàn và hậu cần. Sau đó được Khu ủy giới thiệu đi học lớp Văn chính của Xứ ủy Nam Bộ tổ chức tại Giồng Cấm. Sau 7 tháng học tập, ông Phan Văn Tấn được điều lên công tác ở Liên hiệp Công đoàn Nam Bộ được phân công củng cố lại Liêp hiệp Công đoàn và công tác công binh xưởng Rạch Giá.  Năm 1952, ông Phan Văn Tấn được điều về Sóc Trăng làm nhiệm vụ Ủy viên Ban Kinh tài. Sau đó ông về công tác tại thị trấn Ngã Năm và thành lập chi bộ Đảng tại đây. Tháng 10/1958, ông Phan Văn Tấn bị bắt, bị áp giải từ Sóc Trăng đến Cần Thơ, Sài Gòn, Biên Hòa và bị tra tấn tàn nhẫn. Sau 3 năm giam giữ ông được ra tù và trở về thị xã Sóc Trăng bắt liên lạc với ông Hà Thái Bình (Bí thư Thị ủy Sóc Trăng) làm nhiệm vụ thu thuế tài chính ở thị xã.  Năm 1964, ông Phan Văn Tấn được phân công làm nhiệm vụ công tác Tôn giáo vận, ông đã vận động thành lập “Thanh niên tăng” tại chùa Long Hưng. Tháng 8/1970, chùa Long Hưng bị địch đánh phá, ông Phan Văn Tấn trốn thoát được về khu căn cứ.  Năm 1973, ông Phan Văn Tấn được phân công trở lại nội ô thị xã Sóc Trăng hoạt động cho đến ngày 30/4/1975. Sau năm 1975, ông tham gia công tác Công đoàn thị xã, đến năm 1978 được nghỉ hưu, năm 1989 mất, do bệnh. |
|  | Trần Văn Tét (1950 – 1975) | xã Lạc Hoà, huyện Vĩnh Châu (nay là thị xã Vĩnh Châu), tỉnh Sóc Trăng | Với khí chất nhanh nhạy, khiêm tốn, nhưng đầy bản lĩnh, gan lì trong chiến đấu, từ một thanh niên du kích Trần Văn Tét đã nhanh chóng trở thành một người chỉ huy trong đội du kích xã, tham gia phối hợp và chỉ huy nhiều trận đánh, thu được nhiều thắng lợi tại địa bàn xã Lạc Hòa và nhiều địa bàn khác trong huyện Vĩnh Châu.  Ngày 25-12-1975, lực lượng ta tổ chức bao vây tấn công đồn Giồng Chùa. Trận đánh diễn ra ác liệt, địch phản kích dữ dội, ta không vào được. Trước tình hình đó, Trần Văn Tét đã nhận nhiệm vụ, ôm lựu đạn vòng phía sau đánh tập hậu vào trung tâm chỉ huy đồn địch, diệt ổ đề kháng cùng bọn chỉ huy đồn. Dù bị thương nặng nhưng đồng chí vẫn cố dìu đồng đội đến vị trí an toàn. Song vì vết thương quá nặng đồng chí Trần Văn Tét đã anh dũng hy sinh. Khi hy sinh, đồng chí là đảng viên, Xã đội trưởng xã Lạc Hòa. Ông ra đi từ một nghĩa cử đẹp của người chiến sĩ cách mạng vì dân, vì nước, để lại bao thương tiếc cho anh em, đồng đội, làng xóm quê hương.  Với nhiều thành tích trong kháng chiến chống đế quốc Mỹ, cứu nước, ông được tặng thưởng Huân chương Chiến công Giải phóng hạng Nhất. Ngày 6/11/1978, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký Quyết định số 104/LCT truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân cho liệt sĩ Trần Văn Tét. |
|  | Du Long Thành (1911 - 1971) | xã Định Thành, quận Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu | Trong quá trình tham gia cách mạng, ông đã tổ chức sản xuất 44 chủng loại vũ khí, trong đó điển hình như: mìn định hướng; B50; mìn hẹn giờ; trom-long… kết quả sản xuất được: 35.750 quả lựu đạn gài, 76.276 quả thủ pháo, 6.276 quả B50, 37.930 quả trom-long, 280 quả B40, 11.229 quả lựu đạn ném, 3.919 quả mìn ĐH-10, 2.175 quả bê-ta ; sưu tầm được 30 loại vật liệu phục vụ cho sản xuất vũ khí như: 16 tấn gang, 19 tấn nhôm, 1.304 quả bom bi, 20 quả bom 100 đến 500kg, 9.724 kg thuốc nổ các loại.  Năm 1966, theo sự chỉ đạo của cấp trên ông đã nghiên cứu sáng chế quả mìn công phá lớn đánh vào sân bay Sóc Trăng đó là quả *“mìn hợp kim”* kịp thời phục vụ cho Đại đội Đặc công đánh vào sân bay Sóc Trăng diệt 35 tên địch, đa số là nhân viên kỹ thuật, có cả cố vấn Mỹ. Tại trận đánh sập cầu Trà Mơn, ông chỉ đạo bộ phận cung cấp vật liệu tìm đào bom lép đem về và sản xuất kíp hẹn giờ, cấp cho đơn vị đặc công đánh sập cầu, cắt đứt đoạn giao thông từ Sóc Trăng đi Lịch Hội Thượng. Năm 1960 - 1961, đã sáng kiến chế tạo ra *“lò nấu gang”* để sản xuất ra vũ khí, nhờ sự cải tiến này đến năm 1966 hầu như các xã đã tự sản xuất đạp lôi, cải tiến vật liệu nổ lấy được của địch để đánh địch. Năm 1969, có nhiều chủng loại sản xuất như B50, phi lôi tiễn, súng ngắn K54, lựu đạn gài, lựu đạn cai (CS), lựu đạn cháy. Ngày 25/5/1971 trong lần đi dự hội nghị ở Quân khu, Du Long Thành đã bị máy bay địch bắn, hy sinh khi đang giữ chức vụ Giám đốc Công binh xưởng, Ban Hậu cần, Tỉnh Đội Sóc Trăng.  Với những thành tích xuất sắc, ông được tặng 01 Huân chương Kháng chiến hạng Nhì, 01 Huân chương Chiến sĩ hạng Ba, 03 lần Chiến sĩ thi đua Quân khu và nhiều Bằng khen của các cấp. Ngày 9/10/2014, liệt sĩ Du Long Thành được Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân. |
|  | Nguyễn  Tấn Thành  (1925 – 1999) | tại làng Minh Diệu, quận Vĩnh Lợi, Bạc Liêu (nay là xã Vĩnh Hưng, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu) | Năm 20 tuổi Nguyễn Tấn Thành (Sáu Kẹo) đi theo cách mạng vào tổ chức Thanh niên Tiền phong. Sau đó về làm Tiểu đội phó Tiểu đội dân quân tự vệ ấp Thạnh Hưng II, rồi làm cán bộ khu vực, phụ trách 2 ấp Thạnh Hưng 1 và Thạnh Hưng 2. Đến năm 1947, ông được rút về xã phụ trách công tác Thông tin - Văn hóa - Tuyên truyền. Đến cuối năm 1948, ông vinh dự đứng trong hàng ngũ của Đảng, giữ chức Xã đội phó xã Vĩnh Hưng kiêm Bí thư Chi bộ ấp Thạnh Hưng 2. Năm 1954, ông được bầu làm Bí thư Chi bộ liên ấp gồm 3 ấp Thạnh Hưng 1, 2 và ấp Cây Vông (Vĩnh Hưng), kiêm Bí thư Chi đoàn xã Vĩnh Hưng và được bổ sung vào Chi ủy xã.  Tháng 4/1959, ông Sáu Kẹo được bầu làm Bí thư xã Vĩnh Hưng, ông đã lãnh đạo tiêu diệt đồn Vĩnh Hưng tiến tới giải phóng toàn bộ xã Vĩnh Hưng. Đến năm 1961, ông được rút về làm Huyện đội trưởng huyện Hồng Dân, sau đó bổ sung vào Huyện ủy Hồng Dân. Từ tháng 3/1962, ông được chỉ định làm Phó Bí thư Huyện ủy Hồng Dân. Năm 1966, ông lên làm Bí thư Huyện ủy Hồng Dân kiêm Bí thư Ban Cán sự Huyện đội. Đầu năm 1968, ông được rút về tỉnh, bổ sung vào Tỉnh ủy, làm Trưởng Ban Binh vận tỉnh. Trong chiến dịch Mậu Thân, ông được phân công làm thành viên Ban Chỉ huy Tổng công kích - Tổng khởi nghĩa của tỉnh. Sau Mậu Thân, ông được phân công làm Tỉnh đội phó, đến tháng 4/1969 ông được chỉ định làm Tỉnh đội trưởng và đến tháng 2 năm 1970 ông được bổ sung vào Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Năm 1972, ông được chỉ định làm Phó Bí thư Tỉnh ủy, đến tháng 8/1973 ông lên làm Bí thư Tỉnh ủy Sóc Trăng kiêm Bí thư Ban Cán sự Tỉnh đội.  Năm 1989, ông làm Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh tỉnh Hậu Giang, đến năm 1992 được chỉ định làm Chủ tịch Hội Cựu chiến binh tỉnh Sóc Trăng, Ủy viên Ban Chấp hành Hội Cựu chiến binh Việt Nam cho đến năm 1994 mới được Đảng và Nhà nước cho nghỉ hưu. Tháng 5/1999, sau một thời gian lâm bệnh, ông Sáu Kẹo đã từ trần, thọ 74 tuổi. |
|  | Achar  Sơn Thal  (1933 - 1973) | Ông đi tu và theo học tại chùa Prey Chóp (nay thuộc xã Lai Hòa, thị xã Vĩnh Châu). | Achar Sơn Thal là người trực tiếp giảng dạy về giáo lý và truyền bá các chủ trương, đường lối của Đảng ta cho lực lượng sư sãi trong chùa.  Ông lãnh đạo sư sãi, vận động nhân dân đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ với ngụy quyền, đặc biệt là chống địch bắt thanh niên đi lính. Ông còn nuôi giấu, bảo vệ nhiều thanh niên trốn quân dịch trong chùa, lãnh đạo quần chúng Khmer đấu tranh chính trị trực diện với các khẩu hiệu chống bắt lính, chống thảm sát đồng bào.  Sau nhiều lần địch chiêu dụ không thành công, ngày 03/4/1973, sau khi dẫn đầu đoàn biểu tình đi đấu tranh trực diện tại Dinh Tỉnh trưởng tỉnh Bạc Liêu, trên đường trở về, địch đã tổ chức ám sát Achar Sơn Thal cùng một lái xe chở ông vào lúc 5 giờ chiều ngày 03/4/1973.  Hiện nay, tỉnh Sóc Trăng đã xây dựng bia tưởng niệm Liệt sĩ - nhà sư yêu nước Achar Sơn Thal tại ấp Prây Chóp, xã Lai Hòa, huyện Vĩnh Châu (nay là thị xã Vĩnh Châu). |
|  | Đỗ Bình Thị (1940 - 1974) | xã Gia Hoà, huyện Thạnh Trị (nay là xã Gia Hoà I, huyện Mỹ Xuyên), tỉnh Sóc Trăng | Khi mới tham gia cách mạng, ông hoạt động cơ sở mật tại thị xã Sóc Trăng, dưới sự giúp đỡ của Trương Văn Quới (Năm Già). Năm 1968, Năm Thị được biên chế vào Trung đội Biệt động III thị xã Sóc Trăng và trở thành đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam. Năm 1970, ông giữ chức Chính trị viên phó Đại đội 247, đến năm 1974 là Chính trị viên phó Tiểu đoàn Phú Lợi II.  Trong quá trình tham gia cách mạng, Đỗ Bình Thị đã cùng đơn vị trực tiếp chiến đấu 60 trận, diệt 215 tên địch, thu 87 súng các loại, bắn cháy 1 xe M113. Riêng đồng chí diệt 30 tên địch, thu 15 súng. Tiêu biểu là ngày 16/10/1970, Đỗ Bình Thị trực tiếp chỉ huy và tiến đánh vào quán ăn Hương Quê, trận đánh diễn ra chớp nhoáng, diệt trên 10 tên địch và đã gây tiếng vang lớn, làm cho bọn địch hoang mang lo sợ, bọn ác ôn co lại không dám liều lĩnh hoạt động như trước. Năm 1974, Đỗ Bình Thị trực tiếp chỉ huy tiến đánh thành công 3 đồn ở huyện Châu Thành (nay là huyện Mỹ Tú) và ông đã anh dũng hy sinh vào ngày 06/12/1974.  Với thành tích tiến công địch, Đỗ Bình Thị đã được khen thưởng 01 Huân chương Chiến công hạng Ba; 20 Bằng khen, Giấy khen và 5 lần Chiến sĩ Thi đua. Ngày 2/2/2010, liệt sĩ Đỗ Bình Thị được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân. Cuộc đời và sự nghiệp người Anh hùng Đỗ Bình Thị mãi mãi là tấm gương sáng cho mọi thế hệ trẻ học tập và noi theo. |
|  | Mai Thanh Thế (1941 -1962) | tại ấp Vĩnh Hưng, lành Mỹ Quới, quận Phước Long, tỉnh Rạch Giá (nay thuộc thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng). | Năm 1959, Mai Thanh Thế tham gia cách mạng, với nhiệm vụ liên lạc cho Chi bộ Mỹ Quới. Cuối năm 1960, Mai Thanh Thế được chọn đi học lớp chuyên môn và khi trở về trở thành chiến sĩ đặc công của đơn vị Địa phương quân huyện Thạnh Trị.  Tháng 9/1962, đơn vị của ông được lệnh phối hợp với lực lượng xung kích, đội quân cảm tử của huyện tiêu diệt đồn Cầu Trâu. Trận đánh diễn ra ác liệt. Khi xung phong, tay trái của Mai Thanh Thế bị mảnh lựu đạn cắt gãy (chưa đứt lìa), ông bò trở ra nhờ đồng đội chặt đứt dùm để khỏi vướng víu, đồng đồng khuyên ông trở ra tuyến sau nhưng ông không đồng ý và tự mình dùng lưỡi lê cắt bỏ phần cánh tay đã bị gãy sau đó rồi ôm mìn xông lên. Với quyết tâm tiêu diệt bằng được lô cốt Chuồng, Mai Thanh Thế dù bị thương nặng những vẫn tình nguyện ôm mìn xông lên đánh lô cốt cuối cùng này. Nhưng ông chỉ mới chạy được vài bước thì bị một quả lựu đạn từ lô cốt Chuồng Cu ném xuống, găm miểng vào trán và cắt gãy cánh tay phải còn lại. Mai Thanh Thế bị ngất xỉu và đồng đội chuyển về phía sau cấp cứu và hy sinh ngày 28/7/1962.  Với thành tích và hành động dũng cảm của Mai Thanh Thế, ngày 05/5/1965 tại Đại hội Anh hùng và chiến sĩ thi đua các lực lượng vũ trang giải phóng Miền Nam Việt Nam lần thứ nhất, Ủy ban Trung ương Mặt trận Dân tộc giải phóng Miền Nam Việt Nam và Bộ Chỉ huy các lực lượng vũ trang giải phóng Miền Nam đã quyết định truy tặng *Huân chương Quân công giải phóng hạng Ba* và danh hiệu *Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân* cho liệt sĩ Mai Thanh Thế. |
|  | Nguyễn  Văn Thêm  (-1972) |  | Nguyễn Văn Thêm (có tên thường gọi là Mười Thêm), từ tháng 5/1964 đến tháng 8/1970 ông là Thị Đội phó Thị Đội Sóc Trăng. Từ tháng 9/1970 đến lúc hy sinh (tháng 11/1972), là Thị Đội trưởng Thị Đội Sóc Trăng. |
|  | Lê Phước Thọ  25/12/1927 | Làng Tân Lộc, quận Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu. | Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Lê Phước Thọ (Sáu Hậu) tham gia hoạt động cách mạng trong tổ chức Thanh niên Tiền phong tại làng Phong Thạnh Tây, quận Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu. Ngày 10/02/1949, ông được giới thiệu kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương. Tháng 8/1959, ông được chỉ định làm Bí thư Chi bộ xã Phong Thạnh Tây.  Tháng 10/1960, Sáu Hậu được chỉ định làm Huyện ủy viên huyện Giá Rai. Năm 1961, làm Thường vụ Huyện ủy và cũng trong năm này ông được Tỉnh ủy Sóc Trăng điều động qua huyện Hồng Dân, giữ chức vụ Bí thư Huyện ủy. Ngày 20/7/1962, Tỉnh ủy điều động ông về huyện Long Phú, giữ chức vụ Bí thư Huyện ủy.  Đến năm 1964, Thường vụ Tỉnh ủy Sóc Trăng điều đồng chí giữ chức vụ Trưởng ban An ninh tỉnh (Trưởng ty) và tháng 9/1965 được chỉ định vào Tỉnh ủy. Cuối năm 1967, được bổ sung vào Thường vụ Tỉnh ủy, vẫn tiếp tục phụ trách công tác An ninh.  Năm 1969, Tỉnh ủy phân công ông phụ trách mặt quân sự, giữ chức vụ Chính trị viên Tỉnh đội, kiêm Bí thư Ban cán sự Đảng ủy Quân sự. Năm 1971, ông được Khu ủy Khu 9 chỉ định giữ chức vụ Bí thư Tỉnh ủy Sóc Trăng, tháng 4/1972 ông được bổ sung vào Khu ủy viên Khu 9.  Năm 1976, ông giữ chức vụ Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy Hậu Giang. Tháng 12/1976, được bầu làm Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng. Năm 1978, Bộ Chính trị chỉ định giữ chức vụ Bí thư Tỉnh ủy tỉnh Hậu Giang. Năm 1979 do yêu cầu của tỉnh, Bộ Chính trị quyết định ông thôi giữ chức vụ Bí thư Tỉnh ủy chuyển sang làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang, về mặt Đảng phân công ông làm Phó Bí thư Tỉnh ủy.  Tháng 3/1982, ông được bầu làm Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, tiếp tục cương vị công tác cũ. Ngày 24/12/1982, Bộ Chính trị quyết định cử ông giữ chức vụ Bí thư Tỉnh ủy Hậu Giang. Trong thời gian công tác ở tỉnh Hậu Giang, ông là Đại biểu Hội đồng nhân dân các khóa I, II, III.  Tháng 12/1986, ông Sáu Hậu được bầu làm Ủy viên Trung ương Đảng và được Ban Chấp hành Trung ương bầu vào Ban Bí thư Trung ương Đảng, giữ chức vụ Trưởng ban Nông nghiệp Trung ương. Tháng 6/1991, ông được bầu làm Ủy viên Trung ương Đảng, Ban Chấp hành Trung ương bầu ông vào Ban Bí thư và Ủy viên Bộ Chính trị, phân công làm Trưởng ban Tổ chức Trung ương Đảng. Ông là đại biểu Quốc hội các khóa VIII, IX. Năm 1996, ông nghỉ hưu và sinh sống thành phố Cần Thơ. |
|  | Nguyễn  Văn Thới  (1920 - 1963) | Xóm Bờ Đập, làng Tân Hưng Đông, quận Cà Mau, tỉnh Bạc Liêu (nay thuộc huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau). | Năm 1943, Nguyễn Văn Thới đi làm liên lạc cho các đồng chí cán bộ, đảng viên, rồi gia nhập tổ chức Đoàn Thanh niên cứu quốc làng Tân Hưng Đông. Do hoạt động tích cực, đầu năm 1945, anh được kết nạp vào Đảng và sinh hoạt tại chi bộ Tân Hưng Đông.  Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, Nguyễn Vãn Thới được chỉ định làm Bí thư Chi bộ làng Tân Hưng Đông. Năm 1947, chính quyền cách mạng thành lập quận Ngọc Hiển (tách ra từ quận Cà Mau), Nguyễn Văn Thới được chỉ định làm Ủy viên Ban Chấp hành Quận ủy Ngọc Hiển.  Ngày 15/5/1953, ông Nguyễn Văn Thới (lúc này lây tên Nguyễn Công Bình) được bầu làm Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ, phụ trách Chính trị viên Tỉnh đội Bạc Liêu. Tháng 10/1954, Tỉnh ủy bí mật tỉnh Bạc Liêu được thành lập, ông Nguyễn Văn Thới được chỉ định làm Tỉnh ủy viên, Bí thư Chi bộ Cà Mau Bắc.  Năm 1957, ông Nguyễn Văn Thới, Ủy viên Ban Chấp hành tỉnh Đảng bộ Bạc Liêu được đưa về bổ sung vào Tỉnh ủy Sóc Trăng. Cuối năm 1959, ông được bổ sung vào Ban Thường vụ Tỉnh ủy và đến cuối năm 1960 được phân công làm Trưởng Ban Tuyên huấn, kiêm Giám đốc Trường Đảng tỉnh Sóc Trăng. Đầu năm 1962, ông Nguyễn Văn Thới được chỉ định làm Phó Bí thư Tỉnh ủy. Ông Nguyễn Văn Thới hy sinh vào ngày 05/7/1963 trong một trận càn của địch, khi chưa tròn 43 tuổi. |
|  | Nguyễn  Văn Thơm  (1918 – 2005) | Làng Khánh Hưng, quận Châu Thành (nay là thành phố Sóc Trăng), tỉnh Sóc Trăng | Năm 1945, ông tham gia vào lực lượng vũ trang của tỉnh Sóc Trăng. Ngày 20/8/1946, Nguyễn Văn Thơm vinh dự được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương, được phân công làm Đại đội trưởng. Tháng 5/1947, ông Nguyễn Văn Thơm là Tiểu đoàn trưởng Bộ đội lưu động Chủ lực Khu 9. Tháng 4/1948, ông là Trung đoàn phó Trung đoàn 125 hoạt động địa bàn tỉnh Bạc Liêu. Tháng 8/1948 ông là Trung đoàn trưởng Trung đoàn 126 tỉnh Long Châu Hà. Tháng 5/1949 ông là Trung đoàn trưởng Trung đoàn 123 địa phương quân tỉnh Sóc Trăng, tháng 10/1949 là Tỉnh đội trưởng Tỉnh đội Sóc Trăng. Tháng 02/1950, ông Nguyễn Văn Thơm (Sáu Thơm) được bổ sung vào Ban Chấp hành Tỉnh ủy Sóc Trăng phụ trách quân sự.  Từ tháng 01-12/1953, ông Sáu Thơm tập kết ra Miền Bắc, đến tháng 10/1954 được phong quân hàm Thiếu tá, Tham mưu trưởng Trung đoàn 660, Sư đoàn 338. Do là thương binh nặng nên tháng 9/1961 ông Sáu Thơm được chuyển ngành về Cục cơ khí Bộ Nông trường, là Đảng ủy viên của Cục. Sau đó, ông trở thành Cục phó Cục Quy hoạch Bộ Nông trường.  Tháng 9/1963, ông Sáu Thơm được phân công làm Tổng đội trưởng, Tổng đội thi công cơ giới Bộ Nông trường. Tháng 01/1970, ông về nhận nhiệm vụ Chủ nhiệm Công ty Thiết bị cơ khí Bộ Nông nghiệp. Tháng 4/1975, ông Nguyễn Văn Thơm được phân công về Nam tiếp quản thành phố Sài Gòn, tham gia công tác quân quản, tiếp quản khối nông nghiệp. Tháng 5/1975, ông Sáu Thơm được bổ nhiệm Tổng Giám đốc Tổng Công ty Vật tư kỹ thuật nông nghiệp Miền Nam (Công ty vật tư nông nghiệp III) thuộc Tổng cục Nông nghiệp, Bộ Nông nghiệp. Đến tháng 8/1980, ông được nghỉ hưu theo chế độ.  Năm 2005, do tuổi cao, sức yếu và bệnh tật hiểm nghèo, ông Sáu Thơm đã ra đi trong niềm thương tiếc của mọi người. |
|  | Trương  Thị Thu  (sinh năm 1921) | Xóm Cái Trúc, làng Trường Khánh, tổng Nhiêu Khánh, quận Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng. | Sau năm 1945, Trương Thị Thu (Hai Thu) tham gia hoạt động trong phong trào phụ nữ xã Trường Khánh. Đến tháng 8/1946, Hai Thu được bầu làm Đoàn trưởng Phụ nữ Cứu quốc xã Trường Khánh. Đầu năm 1947, Hai Thu cùng em gái và em trai đi thoát ly. Tháng 4/1947, Trương Thị Thu vinh dự được đứng trong hàng ngũ của Đảng và được phân công về huyện Long Phú làm Đoàn trưởng Phụ nữ Cứu quốc huyện. Đến tháng 9/1949, Hai Thu được Tỉnh ủy rút về công tác ở Hội Phụ nữ Cứu quốc tỉnh. Tháng 02/1950, Trương Thị Thu được bầu làm Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Sóc Trăng. Tại Đại hội phụ nữ toàn tỉnh lần I, bà Trương Thị Thu được bầu làm Đoàn trưởng Phụ nữ Cứu quốc tỉnh.  Đầu năm 1955, bà Trương Thị Thu lên đường tập kết ra Bắc và được điều về làm việc ở cơ quan Phụ nữ Trung ương, sau đó lên Bắc Giang làm công tác cải cách ruộng đất. Đầu năm 1956, Hai Thu lại được phân công về Hà Nội tiếp tục làm đợt 2, cải cách ruộng đất ở huyện Gia Lâm. Cuối năm 1956 đến đầu năm 1957 bà Trương Thị Thu lại được điều về khu mỏ Hồng Quảng để điều tra nghiên cứu về phụ nữ vùng mỏ Quảng Ninh. Sau đó, bà Hai Thu được điều về công tác ở tỉnh Nam Định, được bầu vào Tỉnh ủy, làm Phó Ban công tác nông thôn kiêm Thường vụ Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Nam Định. Đầu năm 1957, bà Trương Thị Thu tái đắc cử vào Tỉnh ủy Nam Định khóa II và được phân công làm Trưởng Ty Y tế kiêm Thường vụ Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Nam Định. Năm 1963, bà Trương Thị Thu tái đắc cử Tỉnh ủy và được điều sang làm Bí thư Thành ủy Nam Định kiêm Thường vụ Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Nam Định.  Đầu năm 1967, đồng chí Trương Thị Thu được Trung ương rút về Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam làm Ủy viên Ban Chấp hành Hội Liên hiệp Phụ nữ Trung ương, phụ trách Trưởng Ban Phúc lợi phụ nữ. Năm 1974, Đồng chí là thường trực Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam.  Tháng 10/1975 bà được điều vào Thành phố Hồ Chí Minh phụ trách Văn phòng II - Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, đến năm 1980 do tuổi cao, sức yếu đồng chí được nghỉ hưu. |
|  | Võ Văn Thuận  (1950 - 1974) | huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu | Ông tham gia cách mạng năm 1967, hoạt động và chiến đấu trong đội ngũ của Tiểu đoàn Phú Lợi. Năm 1968, ông giữ chức Trung đội trưởng Trinh sát, đến năm 1971 giữ chức Đại đội trưởng Đại đội 71. Từ năm 1972 - 1974, ông giữ chức vụ Tiểu đoàn phó rồi Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn Phú Lợi.  Trong suốt thời gian tham gia chiến đấu, Võ Văn Thuận đã cùng tập thể chiến đấu 365 trận, diệt trên 1.251 tên địch (có 01 tên Mỹ), bắn chìm 04 tàu chiến, bắn rơi 03 máy bay, phá huỷ 30 xe quân sự và 02 khẩu pháo, thu 850 khẩu súng, 51 máy thông tin các loại. Riêng ông đã trực tiếp chiến đấu trên 50 trận, công đồn 20 trận, tiêu diệt 203 tên địch, thu 115 súng các loại; đánh thiệt hại nặng 02 phân chi khu Rạch Gò và Cà Lăm, làm tan rã 04 đồn. Ngày 16/01/1974, trong một lần đi trinh sát Võ Văn Thuận bị địch phục kích, hy sinh tại đồn Nhị Thọ.  Với những thành tích chiến đấu dũng cảm, đồng chí Võ Văn Thuận được khen thưởng 01 Huận chương Chiến công giải phóng hạng III, 04 Huy hiệu Dũng sĩ, 03 lần Chiến sĩ thi đua cấp Quân khu, 02 lần Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh. Ngày 22/02/2010, Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký Quyết định truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân cho Liệt sĩ Võ Văn Thuận. |
|  | Nguyễn  Trung Tỉnh  (1918-1959), | Xã Xuân Hòa, quận Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng | Năm 1935, Nguyễn Trung Tỉnh được được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương, giữ chức vụ Bí thư Chi bộ ghép 3 xã Ba Trinh, An Lạc Thôn và Thới An Hội. Năm 1938, ông Nguyễn Trung Tỉnh được bầu Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Sóc Trăng, phân công phụ trách phong trào ở quận Kế Sách. Cuối năm 1939, ông Nguyễn Trung Tỉnh (Bảy Tỉnh) bị bắt và giam ở khám Sóc Trăng. Tháng 8 cùng năm, ông được hết hạn tù trả về. Ngày 23/11/1940, ông Bảy Tỉnh cùng đồng đội đã châm lửa đốt cầu Cái Trâm, đập phá cầu Bến Đổi gây hoang mang, lo sợ cho thực dân Pháp. Tháng 3/1945, Tỉnh ủy lâm thời Sóc Trăng thành lập lại, ông Nguyễn Trung Tỉnh được bầu làm Tỉnh ủy viên phụ trách xã Ba Trinh, An Lạc Thôn, Thới An Hội (quận Kế Sách). Tháng 8/1945, ông Nguyễn Trung Tỉnh được bầu làm Chủ tịch Ủy ban hành chánh quận Kế Sách.  Ngày 04/01/1946, địch tấn công vào Đại Ngãi và Tỉnh lỵ Sóc Trăng, ông Bảy Tỉnh đã vận động cán bộ, chiến sĩ và nhân dân chống trả lại kẻ thù, tích cực đóng góp của cải cho cuộc kháng chiến, đồng thời bảo đảm an toàn cho căn cứ của Tỉnh ủy chuyển về Cái Trâm. Năm 1947, ông Nguyễn Trung Tỉnh được điều động về làm Chủ tịch Ủy ban kháng chiến huyện Thạnh Trị. Sau đó điều về làm Trưởng ty Canh nông, phụ trách việc cấp đất cho dân cày. Năm 1955, Tỉnh ủy điều động ông Nguyễn Trung Tỉnh về làm Thường vụ Huyện ủy Long Phú. Năm 1958, điều động ông về làm cán bộ binh vận tỉnh Sóc Trăng.  Ngày 05/7/1959, ông Nguyễn Trung Tỉnh bị địch bắt. Trên đường giải về Khám lớn Sóc Trăng ông vùng thoát chạy, do hai tay bị trói chặt, ông bị trúng đạn của quân thù, hy sinh anh dũng trên dòng kinh Ninh Hòa, huyện Hồng Dân. |
|  | Huỳnh Văn Triệu  (1944 – 1969) | xã Hồ Đắc Kiện, huyện Mỹ Tú (nay thuộc huyện Châu Thành), tỉnh Sóc Trăng | Năm 17 tuổi, ông tham gia công tác đoàn thanh niên của địa phương và làm bí thư đoàn xã. Tháng 5/966, làm Xã Đội trưởng.  Thời gian này địch đàn áp khủng bố nâng lực lượng du kích của xã chỉ còn 3 người. Trước tình hình đó, ông đã tích cực vận động quần chúng xây dựng lại cơ sở, tổ chức lực lượng chỉ trong một thời gian ngắn, Huỳnh Văn Triệu đã xây dựng đội du kích 30 người, mỗi ấp có một tiểu đội du kích mật. Ông còn tổ chức sản xuất vũ khí thô sơ, chế tạo mìn, lựu đạn, bố trí nhiều bãi chông xen lẫn mìn, xây dựng nhiều trận địa ven theo các trục đường. Huỳnh Văn Triệu đã chỉ huy đội du kích đánh hàng trăm trận, tiêu diệt hàng ngàn tên địch, phá huỷ nhiều phương tiện chiến tranh. Riêng Huỳnh Văn Triệu đã diệt 66 tên địch, thu 15 súng, bắn rơi 1 máy bay lên thẳng. Tháng 7/1968, đội du kích của xã do ông chỉ huy sau 23 ngày đêm chiến đấu đã tiêu diệt 90 tên địch, bắn cháy 01 xe quân sự. Ngày 19/11/1969, Huỳnh Văn Triệu chỉ huy đội du kích chống càn, bẻ gãy nhiều đợt tiến công của chúng, đánh thiệt hại nặng tiểu đoàn 48 của địch. Sau một ngay chiến đấu, Huỳnh Văn Triệu đã tiêu diệt 9 tên địch. Cũng trong trận này, Huỳnh Văn Triệu đã anh dũng hy sinh.  Đồng chí được tặng thưởng 1 Huân chương Chiến công hạng Ba. Ngày 23/7/1997, Huỳnh Văn Triệu được Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. |
|  | Đoàn  Thế Trung  (1908-1964) | tại xã Đại Ân, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng | Năm 1931, ông Đoàn Thế Trung kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương, đồng thời thành lập Chi bộ Cù Lao Dung được phân công làm Phó Bí thư.  Năm 1940, trong cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ, ông Đoàn Thế Trung lãnh đạo nhân dân Long Phú nổi dậy phá trục lộ, chặt cây, đắp mô và chuẩn bị đốt cầu Xanh-ta. Tháng 3/1945, ông Đoàn Thế Trung rút vào hoạt động bí mật, thành lập tổ “Tam tam chế” để hoạt động. Ngày 28/8/1945, Ủy ban hành chính quận Long Phú được ra mắt, ông Đoàn Thế Trung được nhận nhiệm vụ là Ủy viên Quân sự.  Tháng 12/1946, ông Đoàn Thế Trung nhận nhiệm vụ thành viên Ban Cán sự Đảng và Trưởng ban Quân sự huyện Long Phú. Ông lãnh đạo thành lập đội du kích trực thuộc Ban Quân sự huyện. Đội du kích Long Phú đã chiến thắng vang dội trận phục kích ở Rạch Già năm 1947, bảo vệ an toàn căn cứ Tỉnh ủy ở Cù Lao Dung.  Tháng 8/1947, ông Đoàn Thế Trung được bầu làm Phó Bí thư, năm 1951 được bầu làm Bí thư Huyện ủy Long Phú. Ông đã lãnh đạo đội du kích huyện Long Phú lập nhiều chiến công. Tháng 11/1953, Ban Chỉ huy chiến dịch huyện Long Phú được thành lập do ông Đoàn Thế Trung - Bí thư Huyện ủy làm Trưởng ban, đã tiêu diệt nhiều đồn bốt địch, phá lộ đắp cản,…  Năm 1954, ông Đoàn Thế Trung được điều động làm công tác binh vận trong lòng địch. Năm 1959, anh trai (Đoàn Văn Biểu) và em trai (Đoàn Văn Tố) bị giặc xử bắn tại quê nhà, ông Đoàn Thế Trung xin tổ chức cho trở lại quê hương Long Phú hoạt động. Ngày 20/9/1961, Ủy ban Mặt trận Dân tộc giải phóng huyện Long Phú được thành lập và ra mắt do ông Đoàn Thế Trung làm Chủ tịch, ông đã chỉ đạo thành lập các chi bộ đảng ở các xã; thành lập tổ, đội du kích, lực lượng vũ trang huyện.  Năm 1961, ông Đoàn Thế Trung mắc bệnh nan y. Ngày 25/9/1964, ông Đoàn Thế Trung đã trút hơi thở cuối cùng để lại niềm tiếc thương vô hạn trong lòng dân dân huyện Long Phú. |
|  | Sơn Ton  (1933 – 2023) | làng Lưu Nghiệp Anh, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh | Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, được tổ chức cách mạng tuyên truyền, giáo dục, Sơn Ton tích cực tham gia công tác do cách mạng giao như: canh gác, giao liên, phá đường ngăn cản địch tấn công... Từ tháng 2/1949 đến tháng 1/1953, Sơn Ton tham gia Đội Du kích xã An Thạnh Nhì, rồi được điều lên Đội Du kích tập trung của huyện Long Phú, lập được rất nhiều chiến công tiêu biểu.  Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, Sơn Ton đã lập nhiều chiến thắng lẫy lừng nhờ gài lựu đạn, ông được mọi người đặt biệt danh “Vua lựu đạn gài” và Đội Du kích Long Phú bấy giờ trở thành nỗi ám ảnh của giặc Pháp ở Sóc Trăng. Ngày 5/5/1955, Sơn Ton được kết nạp vào Đảng Lao động Việt Nam. Tháng 8-1955, Sơn Ton vinh dự được Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tặng thưởng Huân chương Quân công hạng Ba và phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân. Ông là người dân tộc Khmer đầu tiên của nước ta được phong tặng danh hiệu cao quý này và vinh dự lớn nhất của ông là có đến 7 lần được gặp Bác Hồ.  Năm 1958, Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân Sơn Ton được điều động về Sư đoàn 338, với cấp bậc Thiếu úy, giữ chức vụ Trung Đội phó, Đại đội 2, Tiểu đoàn 3, có nhiệm vụ xây dựng lực lượng quân đội chính quy, rồi chuyển sang làm công tác huấn luyện bộ đội đi B, phục vụ chiến trường miền Nam. Đến ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng năm 1975, Anh hùng Sơn Ton được điều về miền Nam công tác, phụ trách Phó Ban Chính sách của Tỉnh Đội Hậu Giang (cũ). Khi chiến tranh biên giới Tây Nam nổ ra, chấp hành sự phân công của tổ chức, ông hai lần đi làm nghĩa vụ quốc tế trên đất bạn Campuchia.  Cuối năm 1980, ông trở về công tác ở Tỉnh Đội Hậu Giang. Năm 1985, ông nghỉ hưu với quân hàm Trung tá. Với những chiến công vang dội, ông được tặng thưởng Huân chương Chiến công hạng Nhì, Huy hiệu Thành đồng Tổ quốc, Chiến sĩ Thi đua giết giặc lập công của Phân Liên khu miền Tây Nam Bộ, 4 lần được huyện, tỉnh và Khu 9 biểu dương, khen thưởng. Ông từ trần năm 2023, hưởng thọ 90 tuổi. |
|  | Đoàn Văn Tố  (1911 - 1959) | Làng võ Đại Ân, Cù Lao Dung (quận Long Phú). quê gốc ở làng Tân Tập, gần Cần Giuộc. | Năm 1936, Đoàn Văn Tố được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương. Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, ông Đoàn Văn Tố tham gia chỉ huy đoàn ghe ra Côn Đảo, rước các đồng chí bị giam giữ trở về đất liền. Ngày 23/9/1945, đoàn tù chính trị Côn Đảo về tới vàm Đại Ngãi (Sóc Trăng). Tháng 8/1946, Ban Cán sự Đảng Long Phú chính thức được thành lập, ông Đoàn Văn Tố làm Ủy viên Ban Cán sự Đảng lãnh đạo nhân dân Long Phú chống Pháp. Sau đó, Ủy ban Kháng chiến quận Long Phú kiện toàn lại, ông Đoàn Văn Tố làm Chủ tịch.  Tháng 6/1947, ông Đoàn Văn Tố vinh dự được chỉ định vào Tỉnh ủy lâm thời, làm Bí thư Quận ủy Long Phú. Đến tháng 02/948, ông Đoàn Văn Tố đắc cử Tỉnh ủy viên lần hai, tiếp tục làm Bí thư Quận ủy Long Phú, kiêm Chính trị viên quân sự. Tháng 02/1950, ông Đoàn Văn Tố đắc cử Tỉnh ủy viên lần thứ ba, phụ trách Trưởng ban Kiểm tra Quân Dân Chính Đảng Tỉnh ủy Sóc Trăng. Tháng 11/1951, ông đắc cử Tỉnh ủy lần thứ tư và tiếp tục phụ trách Trưởng ban kiểm tra Quân Dân Chính Đảng Tỉnh ủy Sóc Trăng. Cuối tháng 10/1954, Xứ ủy chỉ định Tỉnh ủy Bí mật Sóc Trăng gồm 9 đồng chí, ông Đoàn Văn Tố làm Tỉnh ủy viên.  Trong khoảng thời gian 1955-1958, ông Đoàn Văn Tố bị bệnh ngày thêm nặng Tỉnh ủy Sóc Trăng chấp thuận cho ông cải trang lên huyện Long Thành, tỉnh Bà Rịa trị bệnh. Tháng 8/1958, ông về Sóc Trăng cùng anh em lãnh đạo nhân dân chống Mỹ. Lúc về Long Phú công tác, ông bị địch bắt. 02 giờ khuya tháng Giêng âm lịch năm 1959 giặc đưa ông về xử bắn ở xã Đại Ân. |
|  | Phan Thị Tốt  (1921 - 2008) | Làng Mỹ Lộc, quận Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long. | Năm 1936, Phan Thị Tốt tham gia vào phong trào Đại hội Đông Dương khi mới 15 tuổi. Tháng 7/1938, bà được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương, làm giao liên cho Xứ ủy Nam Kỳ.  Tháng 01/1939, bà bị địch bắt trên đường đi công tác, sau đó không điều tra được gì, chúng phải thả bà.  Năm 1940, bà được bổ sung vào Quận ủy Tam Bình, tham gia chỉ đạo khởi nghĩa Nam kỳ tại quận lỵ Tam Bình. Sau khi tham gia nhiều cuộc khởi nghĩa bà bị địch bắt và kết án 5 năm tù biệt giam tại nhà lao Vĩnh Long, sau đó địch đưa bà về khám lớn Sài Gòn.  Tháng 8/1945, mãn hạn tù, bà về Quận Long Mỹ, Rạch Giá tiếp tục hoạt động cách mạng. Tháng 5/1946, bà được bầu vào Ban Chấp hành Quận ủy Long Mỹ, phụ trách phong trào cơ sở cả vùng giải phóng và vùng tạm chiếm. Tháng 4/1953, bà được bầu vào Ban Chấp hành Tỉnh ủy Cần Thơ, phụ trách huyện Long Mỹ.  Năm 1956, bà làm Bí thư Thị ủy Sóc Trăng. Năm 1959, bà được điều động làm Bí thư Huyện ủy Phụng Hiệp, tỉnh Cần Thơ. Giữa năm 1961 bà được bổ sung làm Phó Bí thư Tỉnh ủy Cần Thơ. Năm 1965, bà được phân công về Khu 9, là Khu ủy viên, Trưởng Ban Nông vận, đến năm 1966, là Hội trưởng Hội Phụ nữ Khu.  Cuối năm 1967, bà được phân công chỉ đạo tổng công kích, tổng khởi nghĩa xuân Mậu Thân ở thị xã Sóc Trăng. Năm 1969, bà được Khu ủy điều động về Sài Gòn, bổ sung vào Thành ủy và giữ chức vụ Bí thư Liên quận 1-3. Cuối năm 1969, bà bị bắt đi tù đến 1975.  Năm 1975, bà là Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng Ban Kiểm tra Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh. Năm 1981 - 1982, bà là Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương. Năm 1983 bà nghỉ hưu. Bà từ trần ngày 12/62008. |
|  | Trà Văn Tốt  (1923-2019) | tại làng Mỹ Lệ, quận Cần Đước, tỉnh Chợ Lớn (nay là xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An). | Năm 1942, Trà Văn Tốt tham gia Hội truyền bá quốc ngữ đến cuối năm 1943. Tháng 5/1945 ông cùng một số đồng chí xây dựng đội Thanh niên Tiền phong của quận Long Phú, sau đó là quận Thạnh Trị.  Năm 1945, Tỉnh ủy phân công ông vào Ban Tổ chức trong tổ chức Thanh niên Tiền phong. Tháng 9/1945, ông được Tỉnh ủy phân công làm Bí thư Chi bộ đồn điền Ông Kho (Gressier), đến tháng 10/1945 tham gia trong Ban Cán sự Đảng quận Thạnh Trị kiêm Phó Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến.  Tháng 6/1946, ông Trà Văn Tốt làm Bí thư Ban Cán sự Đảng quận Châu Thành, đồng thời kiêm nhiệm Bí thư Chi bộ 2 làng Mỹ Phước và Thuận Hòa (nay là 3 xã: Hồ Đắc Kiện, Thuận Hòa và An Ninh). Tháng 7/1947, ông được cử làm Bí thư Quận uỷ Châu Thành và được chỉ định là Tỉnh uỷ viên.  Đầu năm 1948, ông được điều về quận Thạnh Trị, đến tháng 3/1948, tại Đại hội Đảng bộ quận, ông đắc cử vào Ban Chấp hành Quận uỷ và được tín nhiệm bầu làm Bí thư Quận uỷ.  Tháng 02/1950, tại Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Sóc Trăng lần thứ nhất ông Trà Văn Tốt được Đại hội bầu vào Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, phụ trách công tác Tuyên huấn.  Đầu năm 1953, ông được điều về làm Bí thư Huyện ủy kiêm Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến - Hành chánh huyện Châu Thành.  Đầu năm 1954, ông được điều trở về tỉnh phụ trách công tác Tổ chức và Tuyên huấn. Năm 1955, ông tập kết ra Bắc.  Tháng 4/1955, ông Trà Văn Tốt được phân công công tác tại Tiểu ban Tuyên huấn Trung ương, sao đó làm Phó ban Tuyên huấn - Dân chính Đảng Trung ương. Đầu năm 1964, ông được tổ chức phân công là Đảng uỷ viên Thường trực Đảng uỷ Dân chính Đảng Trung ương, kiêm Trưởng Ban Tuyên huấn và phụ trách Giám đốc trường Dân chính Đảng Trung ương. Năm 1970, ông được điều sang phụ trách Vụ III - CP - 72 (Bộ Ngoại giao Cộng hoà Miền Nam Việt Nam). Từ năm 1971 đến năm 1974, ông Trà Văn Tốt được phân công làm Đại sứ Cộng hòa Miền Nam Việt Nam tại nước Cộng hoà xã hội Rumani, kiêm Đại sứ Cộng hòa Miền Nam Việt Nam tại Nam Tư sau đó là Đại sứ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam tại nước bạn Rumani cho đến cuối năm 1977. Sau đó, ông làm Vụ phó rồi Vụ trưởng Ban Tuyên huấn Trung ương phụ trách phía Nam. Từ năm 1983 đến năm 1988, ông là Giám đốc trường Tuyên huấn Trung ương. Cuối năm 1988, ở tuổi 65 ông Trà Văn Tốt được Đảng cho phép nghỉ hưu. |
|  | Lai Văn Tửng  (1937 – 1968) | ấp Mương Tra, làng Tân Thạnh, quận Long Phú, tỉnh Sóc Trăng | Năm 1958, Lai Văn Tửng tham gia lực lượng du kích xã Tân Thạnh. Năm 1961, ông được điều động về thị xã Sóc Trăng, làm chiến sĩ Đội Biệt động Khu II, thuộc Đội Biệt động thị xã Sóc Trăng. Chỉ trong thời gian ngắn, Lai Văn Tửng được bổ nhiệm làm Đội phó và đến cuối năm 1967 làm Đội trưởng Đội Biệt động Khu II.  Trong quá trình chiến đấu, Đội Biệt động Khu II đã phối hợp với các đội du kích mật ở Khu I, Khu II và Khu III, Đại đội 247, Đại đội 301 và lực lượng vũ trang tỉnh Sóc Trăng nhiều lần tiến công địch, đặc biệt là trong tổng công kích, tổng khởi nghĩa Tết Mậu Thân 1968.  Riêng đồng chí Lai Văn Tửng đã chỉ huy và tham gia chiến đấu khoảng 50 trận lớn, nhỏ, trực tiếp tiêu diệt 13 tên cảnh sát, tề điệp ác ôn, đầu hàng chỉ điểm; trong chiến đấu diệt 19 tên, thu 15 súng các loại; đột nhập vào bệnh viện giải thoát 4 cán bộ.  Trong cuộc Tổng tổng kích, tổng khởi nghĩa Tết Mậu Thân năm 1968, ông chỉ huy Đội biệt động Khu II phối hợp với Đại đội 301 đánh địch trong nội ô. Đơn vị do ông chỉ huy đã anh dũng chiến đấu quyết liệt với địch, nhưng do hết đạn, thương vong nhiều nên phải rút lui. Trên đường về căn cứ, các chiến sĩ biệt động bị máy bay địch truy kích. Ông Lai Văn Tửng không may bị trúng đạn và hy sinh vào ngày 16/02/1968 (nhằm ngày 19 tháng giêng năm Mậu Thân).  Ông Lai Văn Tửng được Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa Miền Nam Việt Nam truy tặng nhiều phần thưởng cao quý: Huân chương Quyết thắng hạng Nhì (năm 1975), Huy chương Giải phóng hạng Nhất (năm 1976). |
|  | Lâm Tương  (1942 – 2016) | ấp Cà Săng, xã Vĩnh Châu, quận Vĩnh Châu, tỉnh Bạc Liêu(nay thuộc Phường 2, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng) | Ông là người dân tộc Khmer, xuất thân từ một gia đình nghèo, có truyền thống cách mạng. Ông nhập ngũ tháng 6/1962. Trong chiến đấu, ông luôn nêu cao quyết tâm vượt qua khó khăn, kiên quyết hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, với bản chất gan lì, luôn muốn được tham gia các trận chiến, tìm mọi cách để đánh địch ở nhiều địa điểm trọng yếu, tạo điều kiện cho các lực lượng ta tiêu diệt địch trên các mặt trận. Chỉ tính từ năm 1967 - 1969, ông đã tham gia 28 trận, diệt 150 tên địch, phá hủy 12 xe quân sự, loại khỏi vòng chiến đấu 70 tên phòng vệ dân sự, đánh sập 2 cầu sắt, 15 cống, phá hủy 1 khẩu pháo 105 ly.  Ngày 23/9/1970, ông được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân. Khi được tuyên dương Anh hùng, ông là Trung đội phó Công binh, Bộ đội địa phương quân tỉnh Sóc Trăng, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam. |
|  | Ung Công Uẩn (1923 - 1960) | xã Xuân Hoà, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng | Trong suốt quá trình công tác Ung Công Uẩn đã xây dựng được 159 cơ sở cách mạng cài cắm vào hàng ngũ của địch; kết nạp 09 đảng viên, tổ chức 01 chi đoàn thanh niên với 26 đồng chí, 01 tiểu đội tự vệ vũ trang với 12 đồng chí. Bản thân trực tiếp chiến đấu diệt 05 tên trưởng ấp, 06 tên tình báo gián điệp ác ôn; phá rã và giải tán 02 trung đội Thanh niên cộng hòa, giáo dục và cảm hóa hàng trăm tên khác, không tham gia các tổ chức phản động của địch.  Ngày 11/6/1960, địch bất ngờ đánh vào địa điểm hội nghị của chi bộ, sau khi phân tán lực lượng để tránh tổn thất, một mình Ba Uẩn vừa chạy vừa dụ địch đuổi theo mình để bảo vệ an toàn cho chi bộ. Ông bị địch bắt, bị tra tấn dã man, bọn cùng dùng mọi thủ đoạn chiêu dụ đầu hàng nhưng không được nên đã kết tội ông là “Làm Cộng sản là có tội với chế độ Quốc gia”. Với tinh thần kiên cường, bất khuất, không sợ hy sinh, Ung Công Uẩn đã dùng lý luận sắc bén đấu tranh và nói thẳng vào mặt kẻ thù “Tôi là đảng viên cộng sản đây, tôi lãnh đạo nhân dân đấu tranh chống lại chế độ độc tài của Mỹ - Diệm để thống nhất Tổ quốc, là người có công chớ không có tội”. Trước sự chứng kiến của hàng trăm quần chúng, Ung Công Uẩn tiếp tục kêu gọi đồng bào đoàn kết đứng lên đánh đổ chế độ độc tài Ngô Đình Diệm giải phóng Miền Nam thống nhất Tổ quốc. Ông hô vang khẩu hiệu *“Đả đảo Mỹ - Diệm”, “Hồ Chí Minh muôn năm!”* và đã anh dũng hy sinh trước sự tra tấn khủng khiếp của kẻ thù.  Với thành tích trong chiến đấu, ông được khen thưởng 01 Huân chương Độc lập hạng Ba. Ngày 9/10/2014, Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký Quyết định số 2557/QĐ-CTN truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân cho liệt sĩ Ung Công Uẩn. |
|  | Phạm  Văn Vàng  (1927 – 2008) | làng Mỹ Phước, quận Châu Thành (nay là xã Mỹ Phước, huyện Mỹ Tú) tỉnh Sóc Trăng | Tháng 7/1945, Phạm Văn Vàng gia nhập đơn vị 1094, bộ đội chủ lực Khu 9, đứng chân hoạt động ở địa bàn 2 tỉnh Sóc Trăng và Bạc Liêu, sau đó được đề bạt làm Trung đội phó. Tháng 9/1957, Phạm Văn Vàng được điều động về Khu 9, công tác ở đơn vị bảo vệ Khu ủy Khu 9. Ngày 10/02/1959, Phạm Văn Vàng được kết nạp vào Đảng. Sau đó, ông lần lượt nhận nhiệm vụ công tác tại các đơn vị: Đoàn 962, Đoàn 950 (đơn vị vận chuyển vũ khí từ Bắc vào Nam của Khu Tây Nam Bộ), Tiểu đoàn An ninh vũ trang Khu Tây Nam Bộ (làm Tiểu đoàn trưởng); Trung đoàn phó Đơn vị vận tải Khu 9.  Từ năm 1958 - 1971, ông làm nhiệm vụ bảo vệ Khu ủy Khu 9. Ông liên tục chiến đấu, mưu trí, dũng cảm, lập nhiều thành tích tiêu biểu, tiêu diệt hàng trăm tên địch, thu nhiều súng đạn, vũ khí, bảo vệ an toàn đoàn cán bộ lãnh đạo cao cấp đến nơi công tác. Năm 1973, với cương vị là Trung đoàn phó Trung đoàn Hải quân, trong lúc làm nhiệm vụ vận chuyển vũ khí từ Bắc vào Nam, ông không ngại nguy hiểm, nhảy xuống biển, lặn tìm từng vết thủng trên tàu, kịp thời vá lại, bảo vệ an toàn chuyến tàu trước sóng to, gió dữ để vận chuyển vũ khí đến nơi an toàn.  Ông được Nhà nước tặng nhiều huân, huy chương và nhiều danh hiệu cao quý. Ngày 06/6/1976, ông được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân. |
|  | Đặng Văn Viễn  (?-1971) |  | Theo đề tài Lược sử tên gọi các tên đường thành phố Sóc Trăng (do Đoàn Thanh niên Khối các cơ quan nghiên cứu thực hiện, nghiệm thu năm 2012) thì Đặng Văn Viễn còn có tên là: Đặng Văn Diễn, Nguyễn Văn Diễn, Ba Viễn.  Ông là cán bộ chính trị về B37 (Bảo Liên tỉnh), sau đó qua bộ đội C75. Sau được điều về Tiểu đoàn Phú Lợi làm Chính trị viên Đại đội 4.  Tháng 12/1965, ông được điều về Tiểu đoàn 2, trực thuộc Khu 9.  Tháng 4-1966, ông được phân công nhiệm vụ Huyện đội Trưởng Huyện Đội Thạnh Trị, (thời gian này ông lấy tên Nguyễn Văn Diễn).  Tháng 11-1968, ông được điều động về tỉnh, làm Đại Đội trưởng Đại đội 1 – Tiểu đoàn Phú Lợi II của tỉnh.  Từ tháng 7-1968 đến tháng 12-1969 làm Thị Đội trưởng Thị Đội Sóc Trăng.  Ông từ trần năm 1971, do bị bệnh. |
|  | Phùng  Lục Xinh  (1955 – 1975) | ấp Thạnh Đức, xã Long Đức, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng | Thời gian hoạt động động cách mạng, Phùng Lục Xinh tham gia nhiều trận đánh, trong đó có những trận tiêu biểu như: Trận đánh tiêu diệt bọn phòng vệ dân sự tại ấp Thạnh Đức vào tháng 10/1972 tại ấp Thạnh Đức, bắt sống tên Tỷ, thu 4 carbin, 1 súng colt 12 ly. Trận đánh tiêu diệt Phân Chi khu Long Đức vào cuối tháng 4/1973, diệt tên Sáu Lưỡi Mèo - cảnh sát trưởng gian ác, nhiều lần chỉ huy bọn tay sai điên cuồng đánh phá phong trào cách mạng, cơ sở mật của ta trong nhân dân. Đặc biệt là trong trận tổng công kích, tổng khởi nghĩa giải phóng thị xã Sóc Trăng.  Theo kế hoạch, Phùng Lục Xinh được giao chỉ huy Đại đội 1 tiến vào sân bay, diệt cho được Sở Chỉ huy Liên đoàn 953. Lúc 04 giờ 15 phút ngày 30/4/1975, toàn bộ mặt trận tổng công kích, tổng khởi nghĩa giải phóng thị xã Sóc Trăng đều nổ súng tiến công địch. Phùng Lục Xinh dẫn 20 cán bộ, chiến sĩ bọc sườn yểm trợ, đồng thời lệnh cho các mũi của Đại đội 1 nhanh chóng vượt lên. Sau tiếng hô “Xung phong!” của Phùng Lục Xinh, cả đơn vị ào lên tiến công vào hang ổ cuối cùng của địch. Mặc dù bị thương nặng nhưng Phùng Lục Xinh vẫn tiếp tục chỉ huy đơn vị chiến đấu ngoan cường, đánh lui nhiều đợt phản kích của địch. Khoảng 14 giờ ngày 30/4/1975 toàn bộ quân địch ở Sân bay Sóc Trăng đã kéo cờ trắng ra hàng và cũng trong giờ phút ấy đồng chí Phùng Lục Xinh đã trút hơi thở cuối cùng, trong niềm tiếc thương vô hạn của anh em đồng đội.  Trong quá trình công tác và chiến đấu, Phùng Lục Xinh đã hai lần được công nhận là Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh, được chọn đi dự Đại hội Chiến sĩ thi đua miền Tây Nam Bộ, được tặng Huân chương Chiến công hạng Ba, 10 lần được tặng bằng khen của Ban Chỉ huy Tiểu đoàn Phú Lợi III và Quân khu 9. Ngày 15/01/1976, liệt sĩ Phùng Lục Xinh được truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân. |
|  | Tô Minh Xuyến  (1935 - 1971) | làng An Trạch, tổng Quảng Long, quận Giá Rai (nay là xã An Trạch A, huyện Đông Hải), tỉnh Bạc Liêu | Năm 1957, ông tham gia Đội du kích xã An Trạch, huyện Giá Rai. Tháng 8/1961, ông được điều động về Ban An ninh tỉnh Sóc Trăng nhận nhiệm vụ Tiểu Đội trưởng, Tiểu Đội Bảo vệ trại. Tháng 8/1964, ông làm Chính trị viên Đại đội Trinh sát vũ trang.  Năm 1964, ông đã diệt hai tên ác ôn gồm tên quận phó quận Mỹ Tú và 1 tên cố vấn Mỹ. Năm 1966, ông cùng đồng đội diệt một tổ chức nội gián gồm tên Lục cả chùa Lao Vên, tên Phạo - Phó Bí thư kiêm Xã đội trưởng và 02 cán bộ cấp ủy của xã Liêu Tú, bảo vệ an toàn căn cứ Tỉnh uỷ trên địa bàn xã Liêu Tú. Năm 1967, tiêu diệt hoàn toàn số tên ác ôn gồm 01 cố vấn Mỹ, 01 quận phó Thuận Hòa, 01 trung úy thông ngôn, 02 bảo vệ, thu 03 súng (01 col, 02 cạc bin), 01 máy PRC 25 và toàn bộ tài liệu.  Tết Mậu Thân năm 1968, ông đã chỉ đạo các cơ sở cách mạng vùng ven đô và nội thành dẫn đường cho lực lượng an ninh và quân đội tấn công chính xác các mục tiêu, gây cho địch thiệt hại nặng nề, bắt sống 40 tên, thu nhiều phương tiện và vũ khí. Năm 1971, Tô Minh Xuyến được giao nhiệm vụ bảo vệ khu căn cứ Tỉnh ủy tại rừng tràm Mỹ Phước, huyện Châu Thành (nay thuộc huyện Mỹ Tú. Trong một đêm trên đường từ căn cứ Mỹ Phước về Châu Thành, tổ công tác của ông rơi vào ổ phục kích của địch. Trong tình thế vô cùng hiểm nghèo, Tô Minh Xuyến cùng một số cán bộ đã quyết định ở lại chặn địch để tạo điều kiện thuận lợi cho đồng đội rút lui an toàn. Sau trận chiến, Tô Minh Xuyến bị thương nặng. Cuối năm 1971, địch dùng máy bay phản lực dội bom xuống quân y viện nơi Tô Minh Xuyến đang điều trị và ông đã hy sinh.  Với những thành tích tiêu biểu xuất sắc, ông đã được Đảng và Nhà nước tặng thưởng nhiều huân chương, huy chương, bằng khen các loại. Ngày 22/7/1998, liệt sĩ Tô Minh Xuyến được Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân. |